

Hồng-y L. J. Suenens

KITÔ HỮU

TRƯỚC THÈM THỜI ĐẠI MỚI

+ **Hồng-y L. J. Suenens**
(16.7.1904 - 06.5.1996)

Kitô hữu
trước thêm thời đại mới
(*Le chrétien au seuil des temps nouveaux*)

Editions de l'Association FIAT
Gravenplein 9
B-9940 Ertvelde - Belgique

Người dịch Nguyễn đăng Trúc

Bản dịch Việt ngữ
Xuất bản và phát hành
Định Hướng Tùng Thư
Năm 2000

*Định Hướng Tùng Thư xuất bản và phát hành
với giấy phép của nhà xuất bản FIAT*

ISBN 2-912554-19-5

Định Hướng Tùng Thư
13 G, rue de l'ILL
67116 Reichstett - France
Năm 2000

Mục lục

Lời tựa

Phần I

Kitô hữu là môn đệ Chúa Giêsu-Kitô

Chương I

Chúa Giêsu Kitô chất vấn Kitô hữu

- 1- Đối với anh (chị, em) ta là ai?
- 2- Tại sao anh (chị, em) làm Kitô hữu?
- 3- Tại sao anh (chị, em) làm người công giáo?
- 4- Thế giới chất vấn Kitô hữu
- 5- Kitô hữu ở trong thế gian, nhưng không thuộc về thế gian

Chương II

Kitô hữu là chứng nhân của Chúa Kitô

- 1- Làm chứng bằng lời nói
- 2- Làm chứng bằng cuộc sống của mình

Chương III

Tình huynh đệ Kitô hữu

- 1- Kitô hữu thiết yếu là người “hiệp thông”
- 2- Sợi giây nối kết tình huynh đệ của chúng ta
- 3- Tìm lại mối liên kết của tình huynh đệ sống động

Chương IV

Trước thêm thời đại mới

- 1- Phục hoạt niềm hy vọng Kitô giáo
- 2- Niềm hy vọng linh hoạt

Phần II

Kitô hữu được Chúa Thánh Thần ban sự sống

Chương V

Lễ Hiện xuống khởi nguyên xây dựng nên Giáo-hội

- 1- Ngày Hiện Xuống tiếp diễn
- 2- Tin vào Chúa Thánh Thần trong Giáo-hội
- 3- Chúa Thánh Thần trong công cuộc Phúc-âm hóa mới

Chương VI

Đón nhận Maria là mở cửa đón Chúa Thánh Thần

- 1- Mẫu nhiệm nhập thể làm cho chúng ta thành

- thần thánh
- 2- Một giao ước có hai chiều kích
 - 3- Bước đầu dẫn đến giao ước: Đức Maria vô nhiễm sinh ra đời

Chương VII.

Kitô hữu được Chúa Thánh Thần ban sự sống, người đó là ai?

- 1- Là người đã gặp Chúa Giêsu Kitô
- 2- Là người mà người ta có thể thấy được Chúa Giêsu Kitô xuyên qua mình
- 3- Là người tuyên xưng Chúa trước mọi người
- 4- Là người làm chứng cho tình yêu

Chương VIII

Đón nhận Chúa Thánh Thần để rao truyền Chúa Giêsu-Kitô

- 1- Mỗi một Kitô hữu đều được mời gọi để trở thành nhân chứng của Phúc-âm
- 2- Chúa kêu gọi mỗi người rao truyền Phúc-âm
- 3- Chương trình sống của Kitô hữu bình thường trong cuộc sống hằng ngày
- 4- Ứng dụng trước mắt
- 5- Một vài thái độ căn bản của một Kitô hữu chân thật

Chương IX

Kinh cầu nguyện với Chúa Thánh Thần trước thềm thời đại mới

Phần III

Kitô hữu là Con Chúa Cha

Chương X

Thiên Chúa là Cha

- 1- Chúa là Cha của tôi và Cha của anh, chị, em
- 2- Tình yêu ân cần của Chúa Cha
- 3- Nhân loại thiếu vắng Cha
- 4- Tình phụ tử và mẫu tử nơi Thiên Chúa

Chương XI.

Chúa hành động

- 1- Những bất ngờ đầy ý nghĩa(*hasards profonds*)¹
- 2- Giờ của Chúa
- 3- Cha chúng ta và mẫu nhiệm khổ đau

¹ Lời người dịch: Chữ "*Hasard profonds*" trong nguyên bản rất độc đáo nên chúng tôi ghi lại nguyên bản pháp ngữ.

Chương XII

Năm Chúa Cha

- 1- Lời kêu gọi kiến tạo tình huynh đệ nhân loại
- 2- Dịp may để cổ võ tình huynh đệ đại kết giữa các Kitô hữu
- 3- Một gợi ý mục vụ và phụng vụ
- 4- Lời kinh cho tương lai thế giới
- 5- Lời kinh hy vọng

Phụ đính

Kitô hữu, người đó là ai?

- là người đã gặp Chúa Giêsu Kitô
- là người mà kẻ khác thấy được Đức Kitô xuyên qua mình
- là người tuyên xưng Chúa Kitô trước mọi người
- là người là chứng cho Tình yêu

Hông -Y Suenens

Léon Joseph Suenens sinh ngày 16 tháng 7 năm 1904 tại Bruxelles, vương-quốc Bỉ. Thụ phong linh mục năm 1927, Hồng Y Tổng giám mục Malines-Bruxelles năm 1961. Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII ủy thác công việc chuẩn bị Công Đồng Vaticanô II, Đức Giáo hoàng Phaolô VI chọn làm phối hợp viên Công Đồng này. Năm 1978 nhận Prix Templeton For Progress of Religion. Năm 1991 nhận Grand Prix de la Francophonie do Hàn-Lâm-Viện Pháp trao tặng. Ngài tạ thế ngày 6 tháng 5 năm 1996.

LỜI GIỚI THIỆU

Đọc cuốn “*Kitô hữu trước thêm thời đại mới*”, bản dịch tiếng Việt cuốn “*Le chrétien au seuil des temps nouveaux*” do Đức Hồng Y L. J. Suenens viết, tôi chợt nhớ đến câu truyện “*Em bé và con voi*”. Câu truyện kể là ngày xưa có một em bé đi thăm một nhà điêu khắc đang loay hoay đục đẽo một tảng đá cẩm thạch sần xùi. Em chẳng thấy gì ngoài tảng đá sần xùi và các mảnh đá bắn ra tung tóe. Sau mấy tháng, em trở lại thăm nhà điêu khắc. Lần này em rất đổi ngạc nhiên: thay vì tảng đá sần xùi, bây giờ là một con sư tử với những nét rất linh động, như sư tử thật. Em xúc động chạy đến nhà điêu khắc và hỏi: “Thưa Ông, làm thế nào Ông biết được trong tảng đá có con sư tử?” (Henri J.M. Nouwen, *Clowing in Rome. Reflections on Solitude, Celibacy, Prayer and Contemplation*, Image Book, New York, 1979, p. 87).

Cuộc đời kitô dưới ngòi bút của Đức Hồng Y Suenens có khác chi tảng đá sần sùi dưới ngón tay của nhà điêu khắc tài ba đã trở thành con sư tử linh động. Có khác là nhà điêu khắc sáng chế ra con sư tử, còn Đức Hồng Y Suenens thì khám phá ra vẻ đẹp đã sẵn có của căn tính kitô. Trong khi bao người nhìn và hiểu lơ mơ căn tính của đời sống kitô, Đức Hồng Y khám phá được vẻ đẹp diệu huyền của nó, chất chứa những khả năng và sức mạnh mà chỉ một người sống mới hiểu được. Bắt nguồn từ cuộc gặp gỡ với Chúa Kitô, để cho Ngài thách đố, “Đối với con, Cha là ai?”, kitô hữu là người được Chúa Giêsu chinh phục, mở lòng đón nhận sức sống mới Chúa Thánh Thần thông ban. Nhờ vậy, trong khi bao người sống chán ngán vì không thấy tương lai và không nhìn ra ý nghĩa cuộc đời, hoặc thất vọng vì cuộc sống nặng trĩu khổ đau, người môn đệ Chúa Kitô nhìn về tương lai với cả một niềm hy vọng và cuộc đời vẫn chảy tràn trẻ cho dù có gặp khó khăn và đau khổ như mọi người. Lý do là vì đã tìm được nguồn sống mới, và nhờ đó có sức vươn lên để sống và xây đắp tình hiệp thông trong mọi chiều kích: sống giao ước với Thiên Chúa Cha, xây đắp tình huynh đệ trong Giáo Hội, cổ võ tình hiệp nhất đại kết giữa các kitô hữu và xây đắp tình huynh đệ đại đồng với tất cả mọi người.

Với kinh nghiệm và con tim của một chủ chăn đã sống biến cố Công Đồng Vaticanô II, Đức Hồng Y Suenens không những chỉ khám phá được vẻ đẹp và ý nghĩa sâu thẳm của cuộc đời kitô, mà còn biết nhìn nó trong bối cảnh của những vấn đề hiện tại và những chuyển biến đang nhen nhúm thành hình trong tương lai. Trong chiều hướng đó, cuộc đời kitô mang một sắc thái đặc biệt đem lại hứng khởi. Đó viễn tượng của ơn gọi làm chứng nhân cho Chúa Kitô, Đấng Cứu Độ nhân loại.

Tôi tin tưởng những trang sách này, có thể được coi như những lời tâm huyết của tâm hồn một mục tử tín trung và nhiệt thành sẽ đem lại nhiều ánh sáng và sức sống cho những ai đang tìm kiếm ý nghĩa và hướng đi cho cuộc đời kitô hữu của mình trong thời đại mới này. Do đó, tôi cũng cầu mong những trang sách này sẽ được phổ biến rộng rãi trong Cộng Đồng Dân Chúa Việt Nam Hải Ngoại. Đó cũng chính là lòng mong ước của những anh em đã dày công dịch thuật và cộng tác ấn hành và phổ biến.

Roma, ngày 19 tháng 03 năm 2000
Lễ Thánh Cả Giuse, Quan Thầy Giáo Hội
Lm. Giuse Đình Đức Đạo
Giám Đốc Văn Phòng Phối Kết

Lời tựa

Hồng-y Suenens không ngừng viết, viết suốt cả đời ngài; ngay ngày hôm trước khi lìa trần về với Chúa ngài vẫn còn viết. Tâm hồn ngài nung nấu ước nguyện giúp người ta tìm gặp Chúa và trở thành Kitô hữu chân thực hơn.

Trong bối cảnh mừng Năm Thánh 2.000, ngài tận lực giúp Kitô hữu chúng ta chuẩn bị thời điểm quan trọng đó. Ngài dành mỗi buổi sáng để viết trong mục đích này: Làm thế nào để sống làm người Kitô hữu trong Chúa Thánh Thần vào những năm cuối của ngàn năm thứ hai? Một dự án phát hành một loại cẩm nang cho Kitô hữu hướng về năm 2.000 dần hồi được thành hình. Ngài xem đó như một loại sách bỏ túi về ba năm chuẩn bị hướng đến Đại lễ mừng sinh nhật 2.000 của Chúa Kitô.

Sơ đồ hướng dẫn rất rõ ràng: theo ngài, cuộc sống Kitô hữu phát xuất từ Thiên Chúa Ba Ngôi, Kitô hữu là em Chúa Giêsu, được Chúa Thánh Thần ban sự sống và làm con Chúa Cha. Nên con đường Kitô hữu phải đi hiển nhiên là: kết hợp với Mẹ Maria, bước theo Chúa Giêsu, sống bởi Chúa Thánh Thần và lên đường hướng về Chúa Cha. Đây cũng là hành trình của Đức Giáo-hoàng Gioan-Phaolô II đã chọn cho ba năm để chuẩn bị Đại-lễ Toàn-xá. Với mục đích ấy, Đức Hồng-y Suenens đã phác họa tuần tự ba phần nhằm hướng dẫn Kitô hữu bước dần đến năm 2.000. Ngài không có đủ thì giờ để hoàn tất và sắp xếp kỹ lưỡng như ngài thường làm. Một phần lớn bản văn đã viết xong và một phần còn đang chuẩn bị. Trong tập sách này, toàn khối ấy thu tập làm thành một quyển.

Thực ra, tác phẩm này là di chúc tinh thần của ngài, đây không những là tập cuối của toàn bộ các sách ngài viết, mà chắc chắn còn là sự biểu lộ của điều ngài tha thiết muốn viết ra hơn cả: Kitô hữu là ai, người đó tin như thế nào, cầu nguyện ra làm sao và sống như thế nào vào thời kỳ cuối của ngàn năm thứ hai? Câu trả lời của ngài nằm trong tập sách này.

Hãy cầm lấy mà đọc.

+ Hồng-y Godfried Danneels
Tổng Giám-mục Malines - Bruxelles
Ngày 19. 03. 1997. Lễ Thánh Giuse

Phần I

*Kitô hữu là môn đệ
Chúa Giêsu-Kitô*

Chương I

Chúa Giêsu Kitô chất vấn Kitô hữu

*“Đức tin, không phải chỉ hướng mắt về
Chúa để chiêm ngắm Ngài;
mà còn phải nhìn trái đất nhưng với
con mắt của Đức Kitô”*
M. Quoist

1- Đối với anh (chị, em), ta là ai?

Một ngày kia, đang bước đi với các môn đệ Chúa Giêsu hỏi đột ngột: *“Đối với các anh, Thầy là ai?”* (Mt. 16, 15). Mỗi một thời đại, Chúa chất vấn lại những người theo Ngài cùng một câu hỏi đó. Câu trả lời của Kitô hữu hôm nay thiết định lý lịch của họ và từ đó chi phối hành động của họ.

Lúc này là lúc mà Kitô hữu được mời gọi để làm nhân chứng cho Phúc-âm trong một thế giới ngày càng xa dần Kitô giáo, do đó cần phải nêu lên rõ ràng câu Thầy hỏi các môn đệ đầu tiên của Ngài, và cũng hỏi mỗi người chúng ta.

Thật thế, phẩm chất nếp sống đạo của chúng ta tùy thuộc vào lòng tin của mình vào Ngài: chúng ta kết hợp mật thiết với Ngài, đó là bảo đảm chắc chắn nhất cho tương lai Giáo-hội. Chúa chúng ta không đòi hỏi người của Ngài phải chiếm đa số trên thế giới, nhưng phải trở nên men trong bột, muối đất, ánh sáng thấp cao trên trụ đèn.

Quá nhiều Kitô hữu, được rửa tội và thêm sức lúc còn bé, nhưng lớn lên không chứng thực nguồn phong phú của bí tích nằm sẵn nơi mình; sở dĩ có tình trạng này vì họ chưa từng gặp gỡ thật sự Chúa Giêsu-Kitô, chưa khám phá khuôn mặt, lời nói, những đòi hỏi của Ngài và chưa từng liên kết với Ngài bằng một mối liên lạc thâm tình.

Mỗi một thế hệ, Thầy lại hỏi các người của mình câu hỏi trực tiếp và có giá trị sinh tử ấy. Không thể nào cứ lẩn tránh trả lời qua những ý tưởng tổng quát mơ hồ, để rồi nói với Ngài là mình xem Ngài như một bậc thầy tư tưởng, một mẫu mực đáng bắt chước, một đại tiên tri, ngay cả là một vị cao cả nhất trong mọi thời đại.

Câu chất vấn quyết định này đi sâu vào tâm hồn chúng ta, như một mũi gươm sắc, không tránh né chỗ nào được. Là Kitô hữu thật sự hay không tùy thuộc vào câu trả lời của chúng ta.

Vì Kitô giáo trước hết không phải là một chủ thuyết (= *un isme*), một nếp sinh hoạt nào đó: nhưng thiết yếu nó là một sự liên kết linh động với Đức Kitô phục sinh, nối liền chúng ta trọn đời trọn kiếp với Ngài. Nhưng Đức Giêsu-Kitô không phải chỉ là người làm linh hoạt cuộc sống riêng tư của Kitô hữu; Ngài còn là Đấng dạy chúng ta phải mang danh Ngài và Phúc-âm Ngài vào giữa lòng thế giới.

Phải vâng phục lệnh truyền này, đó là đi vào thế giới, chèo thuyền ra giữa biển khơi. Chúng ta chỉ thực sự thâm nhập Phúc-âm khi đến lượt mình, chúng ta trở thành người rao truyền Phúc-âm thật xa hoặc ngay nơi thềm nhà mình.

Ta không chiếm hữu một Kitô giáo như một của riêng, nhưng sống Kitô giáo là chiếu dọi tôn giáo ấy chung quanh mình. Ôi, ước chi Kitô hữu đã từng tiếp nhận Kitô giáo từ gia sản ngàn đời của mình, biết ý thức thật sự về cơn túng quẫn cùng cực trong cuộc sống tinh thần của thế giới ngày nay; và đi vào thế giới ấy, dùng lời nói và hành động của mình để giúp mọi người nhận ra rằng Chúa Giê-su-Kitô mang nơi Ngài bí quyết tối hậu về mối tình huynh đệ nhân loại chân thật, mà nhân loại đang tìm mà chưa gặp.

Tôi xin được trích ra đây mấy dòng chữ ngắn gọn nhưng súc tích của Đức Thượng-phụ Athénagoras, trước đây làm Giáo-chủ Chính thống giáo; Ngài chia sẻ nỗi đau khổ của tâm hồn mình như sau:

“Tôi thấy dường như người ta không còn biết Kitô giáo là gì nữa. Đối với tôi, tôi đã khám phá ra tôn giáo này khi tuổi đã trưởng thành, suy tư kỹ càng, sau thời gian tìm hiểu chu đáo về học thuyết vô thần; cuộc khám phá ra Kitô giáo đó quả là một điều kỳ diệu ngày càng tăng.

Nhưng thiên hạ thường không mấy quan tâm vì người ta ngỡ là mình biết rồi, kỳ thực họ chả biết tí gì. Họ lẫn lộn Thiên Chúa, vị tối cao hay quấy rầy này, với một thứ nền móng nào đó cho một trật tự xã hội và đạo đức đã lỗi thời. Theo họ nghĩ, Kitô giáo là một thứ chủ nghĩa nhân đạo mặc lấy màu sắc, tình cảm tôn giáo.

Tệ hại hơn cả, nhiều Kitô hữu, được khai sinh nơi Giáo-hội, nhưng không biết gì về tôn giáo của mình hơn những ngộ nhận ấy, và chán nản làm người Kitô hữu”.

2- Tại sao anh (chị em) làm Kitô hữu?

Câu trả lời : Vì Chúa Kitô đã gặp tôi.

Không phải tôi đã từng có sáng kiến để gặp Ngài, nhưng sáng kiến này là do Ngài. Ngay khi chịu phép rửa, tôi đâu có biết gì, thế mà Ngài đã chiếm hữu tôi, một cách mâu nhiệm. Thế rồi cuộc sống của Ngài dần dần triển nở trong tôi qua các phép bí tích tôi tiếp nhận, đặc biệt là Thánh thể mỗi ngày.

Từng đợt một, Ngài dẫn tôi đến Chức Tư -tế trọn đầy, cho tôi biết Ngài đầy đủ hơn qua Lời Ngài nói trong tôi, qua Phúc-âm tôi đọc đi đọc lại, suy ngẫm và được thực hiện nơi những người chung quanh tôi, qua đời sống các thánh đã từng được Ngài uốn nắn nên.

Về phần tôi, tôi hoàn toàn tự do, và chỉ biết khiêm tốn chân nhận những thiếu sót trong việc đáp trả ơn phúc Ngài gửi đến, cũng như cảm phục tình yêu liên li của Đấng Cứu-độ, bất chấp những bất cập, khốn cùng của tôi.

Tình yêu trung kiên Chúa đối với tôi, tôi đã cảm nhận một cách thiết thực qua một số biến cố xảy ra trong đời tôi. Đặc biệt là qua những sự tình cờ mà người ta thường nói là không lường được của Chúa Quan-phòng. Nhiều lần tôi đã kinh nghiệm được những biến cố như thế: một cuộc gặp gỡ, một sự trùng hợp, một sự hiện diện ân cần, hướng dẫn, thu xếp chương trình của Chúa.

Việc gặp gỡ Chúa Kitô Phục sinh đang linh hoạt trong những Kitô hữu chân thành và thâm tín cũng rất quan trọng. Không có gì quý cho bằng “lớp giáo lý” xuyên qua gương lành mình học được nơi người chung quanh. Những Kitô hữu đạo hạnh ấy đã dạy tôi biết mình thật sự thâm nhập giáo lý khi, đến phiên mình, mình biết chiếu sáng Đức Kitô ra giữa lòng thế giới; và lối sống đạo như vậy là tác động truyền giáo hữu hiệu nhất!

Tất cả những điều trên đây nằm trong lãnh vực kinh nghiệm sống thiết thực, cá nhân. Còn về mặt “học hỏi để hiểu biết về Đức tin”, mà tôi đã dành một phần quan trọng trong cuộc sống mình để trau giồi, tôi có thể nói đơn sơ như Newman rằng “một ngàn điều khó không làm nên nổi một điểm hoài nghi”.

Thế giới vừa tối vừa sáng. Tôi biết các quyền lực của sự ác không phải là chuyện huyền hoặc, nhưng bóng tối không cản nổi việc ta tin vào mặt trời, vào ánh sáng và sự ấm áp của nó.

Thiên Chúa vừa là chân lý vừa là tình yêu, Ngài luôn là mặt trời của cuộc đời chúng ta, và chính Chúa Giêsu đã cho tôi biết điều đó.

Trở lại câu chất vấn từ ban đầu: *Tại sao anh (chị em) là Kitô hữu?* Nay đã qua tuổi tám mươi, phần tôi, tôi trả lời thế này: Vì Chúa Giêsu-Kitô đã chiếm hữu từ lúc tôi vào đời, và Ngài là đường, là sự thật và là sự sống cho tôi và ở trong tôi. Tôi muốn ca ngợi Ngài bằng bài ca tụng Magnificat của Mẹ Maria.

3- Tại sao anh (chị em) làm người Công-giáo?

Tạp chí *The Tablet*, ở Luân-đôn trước đây đã phát hành một loạt bài của những người thuộc các truyền thống Kitô giáo chính yếu (Công-giáo Chính-thống giáo - Tin-lành) - được ban biên tập báo ấy mời làm chứng nhân để nói về lý do gia nhập tôn giáo riêng của mỗi người. Câu trả lời của tôi hôm qua vẫn là câu trả lời lúc này.

Khi người ta đặt ra cho tôi câu hỏi: *“Tại sao ngài làm người Công-giáo?”*, tôi trả lời bằng cách nêu lên câu nói của Étienne de la Boétie, trả lời về chất vấn tại sao ông lại mến người bạn là Montaigne; câu nói gãy gọn như sau: *“vì ông ấy, và vì tôi”*.

Nội dung đó ăn khớp với điều tôi cảm nhận đối với Giáo-hội Công-giáo; Giáo-hội ấy hôm qua, hôm nay vẫn là Mẹ tôi; tôi yêu mến Giáo-hội ấy, vì Giáo-hội ấy, và vì tôi.

Tôi có thể dừng lại nơi câu trả lời ấy; nhưng vì phải giải thích, nên tôi sẽ cố diễn tả dần hồi, bắt đầu từ kinh nghiệm thiết thân từ ngày xa xưa lúc tôi mới sanh ra. Làm sao để nói lên được hết một cách gãy gọn *in a nutshell*? Chúng ta cố thử xem.

Trước hết tôi muốn nói là tôi yêu Giáo-hội Công-giáo vì đó là Giáo-hội ban phép rửa tội cho tôi: tôi cảm ơn cha mẹ tôi đã cho tôi chịu phép rửa ngay từ bước đầu đời tôi, giúp tôi tiếp nhận tình yêu ân cần và đi bước trước của Thiên Chúa.

Giáo hội ấy, tôi cũng mến yêu vì đã nuôi dưỡng tôi lớn lên từng bước, chỉ dạy cho tôi biết Chúa Giêsu-Kitô, trong những trang Phúc-âm và qua đời sống của những người chung quanh tôi. Cha tôi mất từ lúc tôi được bốn tuổi: tôi ý thức rất sớm rằng cuộc sống trần thế hết sức ngắn ngủi và cuối cùng chỉ có đời đời mới quan trọng, cần phải chuẩn bị và nói cho kẻ khác biết điều đó. Tôi ở nhà nhiều giờ, ra vườn leo lên một bức tường thấp để không ai trông thấy rồi bày ra những bài giảng mà đầu óc non nớt tôi nghĩ là chắc chắn canh cái được thế giới! Và nỗi bận tâm của tôi chỉ có thế. Từ đó nảy sinh ơn gọi làm linh mục nơi tôi. Giáo hội ấy, ngay từ tuổi thơ của tôi, đã nuôi dưỡng tôi mỗi sáng bằng Thánh-thể, mà dần hồi tôi khám phá được ý nghĩa và tầm quan trọng của bí tích ấy.

Cũng chính Giáo-hội này đã giúp tôi hiểu một cách sâu xa về mầu nhiệm của Mẹ Maria, mầu nhiệm ấy không có ý nghĩa nào khác, hôm qua cũng như hôm nay, là dẫn ta đến với Chúa Giêsu. Giáo-hội này đã đưa cuộc đời tôi thâm nhập câu thiên-thần nói với Giuse: *“Người đùng ngại đón nhận Maria, Đấng sinh ra trong lòng cô ấy là do từ Chúa Thánh-thần”*.

Tiếp đó, ngay từ bên trong cuộc sống Giáo-hội này, tôi đã tuần tự khám phá và cảm nghiệm được Chúa Thánh-thần. Tôi đã sống những biến cố “tình cờ” và những kinh nghiệm cho phép tôi sờ đụng được Ngài đang hiện diện ân kín và đang hành động trong đời tôi.

Khi trở thành giám mục, tôi đã chọn ngay trực hiệu: *“In Spiritu Sancto”* (trong Chúa Thánh thần), và sự việc đó xảy ra năm 1945, *in tempore non suspecto*², lúc mà không có ai trong Giáo-hội Công-giáo nói đến Phong-trào Canh-tân Thánh linh.

Và chính nhờ ánh sáng Chúa Thánh-thần, tôi đọc và hiểu đoạn kinh Tin-kính: *“Tôi tin Giáo-hội duy nhất, thánh thiện, công giáo và tông truyền”*. Tính cách duy nhất và phổ quát này tôi càng ngày càng hiểu được là một đặc tính duy nhất “đa nguyên”, một sự duy nhất nền tảng thiết yếu nhưng mở ra trong muôn ngàn hình thái đa biệt trên nhiều lãnh vực khác nhau.

² Vào một thời kỳ không nghi ngờ

Những cuộc gặp gỡ với các vị đi trước như Hồng-y Mercier, Dom Lambert Beauduin, cha Lebbe mở lối cho tôi hiểu rằng Giáo-hội Công giáo không phải là la-tinh, Âu châu nhưng cũng là Đông phương ở phương Đông, Phi châu ở Châu phi... Những khám phá ấy quan trọng vô cùng đối với tôi, giúp tôi mến yêu Giáo hội mà tôi tuyên xưng là “*duy nhất*” trong mỗi tình cao cả của Thiên Chúa đang ôm ấp toàn thể thế giới.

Và tôi cũng hân hoan đọc trong kinh Tin kính: “*Tôi tin Giáo-hội thánh thiện*”. Tôi ý thức rất sớm là khi nói đến “*Mẹ thánh Giáo-hội*”, không phải là nói đến sự thánh thiện của những con người khôn cùng như chúng ta đây, nhưng là sự thánh thiện của Chúa Thánh-thần đang thấm nhập Giáo-hội bằng ơn phúc của Ngài và bằng các bí tích.

Một người bạn Hoa Kỳ đã kể cho tôi rằng ông ta đã tìm kiếm thật lâu để xem mình nên gia nhập Giáo-hội nào. Ông ta muốn tìm cho ra một Giáo-hội gồm toàn các người thánh thiện. Ông tìm nhiều năm và gõ nhiều cửa. Nhưng rồi một ngày nọ một người bạn cười nói với ông: “*Charlie ơi, thôi ngừng đi tìm Giáo-hội gồm toàn người thánh đi! Trước hết vì điều đó không có. Thứ đến vì nếu mày đi vào được đó, thì hỏng chuyện, Giáo-hội ấy sẽ hết còn là một Giáo-hội toàn người thánh*”. Và ông ấy đã hiểu!

Sự thánh thiện, tôi sờ đụng được qua những cuộc gặp gỡ với những con người có cuộc sống siêu nhiên cao độ, được người ta biết đến hoặc sống âm thầm. Những con người này đã cống hiến cho tôi hình ảnh Kitô giáo sinh động và thâm sâu, cũng như đời sống siêu nhiên và thần bí chân thật. Nhờ vậy mà phân biệt được đâu là những đoàn sủng thật sự và đâu là đạo đức ngụy tạo.

Sự thánh thiện mà tôi cảm nhận nơi Giáo hội không phải chỉ phát lộ nơi cuộc sống trần thế này, mà cũng còn tiếp cận được trong mỗi hiệp thông với các thánh trên trời. Tôi thấy các ngài gần gũi với tôi.

Một lần kia, tôi hân hạnh đọc một bài phỏng vấn ông Emilio Castro, một tín đồ giáo phái Methodiste lúc ấy làm tổng thư ký của Hội-đồng Đại-kết các Giáo-hội ở Genève. Ông tâm sự với người ký giả là ông đã học được nhiều điều hay qua lối suy nghĩ của các Giáo-hội Phi châu về tổ tiên: “*Các suy tư ấy giúp chúng ta nghĩ lại quan niệm của mình về sự hiệp thông giữa các thánh*”.

Hiệp thông với các thánh trên trời cũng là một phần trong cuộc sống siêu nhiên của tôi: tôi tin họ hiện diện cạnh tôi, và hân hoan chờ đợi để gặp họ trên trời... ngày mai. Và đã sống quá tuổi tám mươi như tôi, thì ngày mai ấy không còn xa!

Tôi cảm ơn Giáo-hội tôi đã dạy cho tôi biết rằng chết là một bước vượt qua, và đó là lời cuối của cuộc sống này. Người ta thường nói: “*cuộc sống là một câu nói mà ý nghĩa chỉ có thể hiểu được khi lời cuối được nói ra*”. Tôi sung sướng chờ đợi để khám phá ý nghĩa này.

Lời tuyên xưng đức tin của tôi chấm dứt với mấy chữ này: *tôi tin Giáo-hội tông truyền*. Lời tuyên xưng ấy biểu lộ sức mạnh và nỗi vui khi biết mình đang hiệp thông với tất cả các giám mục trên thế giới; các giám mục là hiện thân của truyền thống các tông đồ, bảo chứng truyền thống chân thật ấy và bảo đảm sự hiệp thông Thánh-thể chân thật. Vì nếu Giáo-hội cử hành Bí tích Thánh thể, thì chính Bí-tích Thánh-thể làm nên Giáo-hội và dính kết mỗi hiệp thông giữa các Giám-mục với nhau và với vị Giám-mục có trách vụ cũng cố anh em mình trong đức tin, là người canh giữ và bảo đảm sự hiệp nhất của cộng đoàn các Giám-mục. Đó là tất cả những gì linh hoạt trong tôi, mỗi ngày, khi tôi bước lên bàn thờ; nơi ấy, tôi mở lời cầu xin Thiên Chúa sau khi truyền phép Thánh thể:

“Xin cho chúng con được bổ dưỡng bởi Mình và Máu Chúa Kitô, cũng được tràn đầy Chúa Thánh Thần, hầu trở nên một thân thể duy nhất”.

Khi đọc lên lời kinh đại kết hằng ngày này, tôi giang tay rộng ra như ôm ấp tất cả anh em của tôi. Và đồng thời tôi cũng thú nhận nỗi bất cập thật sự của mình để khẩn thiết cầu xin Chúa:

“Xin Chúa đừng nhìn đến tội lỗi chúng con, nhưng xin hãy nhìn đến đức tin của Giáo-hội Chúa”.

Tôi đã thực sự sống mỗi hiệp thông này với tất cả các Giám mục thế giới, đặc biệt với các vị Giáo-hoàng mà tôi có dịp gần gũi: Đức Piô XII, Đức Gioan XXIII, Đức Phaolô VI, Đức Gioan-Phaolô I và Đức Gioan-Phaolô II hôm nay, là vị đi khắp nơi trên thế giới, bất chấp nguy hiểm đến tính mạng, để nói cho thế giới về Đấng Cứu-độ duy nhất và chân thật. Kinh nghiệm ấy cũng là một nét riêng của đời tôi và thôi thúc tôi trung thành và biết ơn.

Khi viết lên tất cả dòng chữ này, tôi muốn đúc kết câu trả lời của tôi bằng một hình ảnh, đó là hình ảnh mặt trời.

Muốn tin vào mặt trời không nhất thiết phải đi vòng quanh thế giới mới nhận ra tác động chiếu sáng và sưởi ấm của nó. Chỉ cần để cho mặt trời chiếu rọi trên mình, ngay tại nơi mình cư ngụ. Một khi tôi nhận được một tia nắng đổ trên mặt tôi, tôi buộc phải tin vào mặt trời đang chiếu sáng tôi. Và tôi cũng không cần phải loay hoay thắc mắc hoài về tác dụng của mặt trời ở các vùng khí hậu hay kinh tuyến khác. Tôi tin vào mặt trời Thiên Chúa, Thiên Chúa Ba ngôi, Thiên Chúa Cha Đức Giêsu-Kitô. Mặt trời ấy đã chiếu sáng và mãi chiếu sáng tôi trên bầu trời của Giáo-hội Công-giáo, tông truyền và Rô-ma.

Tôi mơ có ngày sự hiệp nhất sẽ xuất hiện tỏ tường. Trong lúc chờ đợi, tôi biết là người ta đang nỗ lực tiến đến hiệp nhất bằng nhiều cách khác nhau. Khi băng đá còn phủ mặt biển, thì việc làm thiết yếu của các nhà thần học - là những người đập vỡ băng đá - là tìm kiếm khối nước lưu chuyển ở bên dưới, đang bị từng khối lớp diễn tả khác nhau, đôi lúc quá dày cứng phân cách. Tuy thế, còn có chỗ cho những cuộc gặp gỡ giữa những người Kitô hữu hiệp lời cầu xin Chúa Thánh Thần tuôn đổ sức nóng của mặt trời để làm tan khối băng giá trong lòng chúng ta.

Tất cả chúng ta đều phải để cho Chúa Giêsu-Kitô “*Kitô hóa*”, phải để “*Chúa Thánh Thần thánh hóa chúng ta hầu vinh danh Chúa Cha*”. Con đường của chúng ta phải đi còn dài, nhưng chúng ta phải dám tin vào mặt trời ngay bây giờ dù chúng ta có ở trong sương mù dày đặc hay trong đêm tối. Còn tôi, tôi tin vào những buổi bình minh ở Bắc cực nơi xa ánh mặt trời, và tôi biết rằng bình minh khởi đầu vào lúc nửa đêm.

4- Thế giới chất vấn Kitô hữu

Trước đây, Kitô giáo sinh hoạt ở giữa các dân tộc có truyền thống Kitô giáo lâu đời, một phần lớn nhờ vào khung cảnh gia đình, vào bối cảnh xã hội chung quanh, vào các giá trị Kitô giáo được mọi người nhìn nhận như một chuẩn mực, ít nhất là trên nguyên tắc.

Ngày nay, truyền thống tự động như thế không còn linh hoạt nữa: người ta làm người Kitô hữu không phải vì thừa hưởng gia sản Kitô giáo của cha ông.

Các bạn trẻ muốn tự mình quyết định lấy các giá trị cuộc sống mình, và vất bỏ hoặc bị chi phối đây đó để muốn vất bỏ những gì thuộc truyền thống gia đình, xã hội, Giáo hội. Những thách đố thời đại mới ấy chất vấn chúng ta.

Khi nói đến một “*Kitô hữu*”, ngày nay chúng ta muốn nói đến ai đây? Có phải là những kẻ chỉ mang danh Kitô hữu? Họ thực sự có tin không? Tin với niềm tin thâm sâu, dẫn thân, và chính đáng không? Đức cha Riobé³ không ngại viết như sau:

“Có ít người hành đạo chuyên cần, nhưng vấn đề thực sự là có được bao nhiêu người tin và họ làm gì để chứng minh đức tin của họ đáng cho kẻ khác tin”.

³ Đức cha Riobé, cựu giám mục giáo phận Orléans nước Pháp

Chúng ta phải nêu lên thật rõ cốt lõi, hay chính cái hồn của sứ điệp Kitô giáo. **Chúng ta đã từng nỗ lực “ban bí tích” (sacramentaliser) cho dân Chúa càng nhiều càng tốt, nhưng chúng ta đã không “Phúc-âm-hóa” (évangéliser) dân ấy một cách đầy đủ. Đó là hoàn cảnh thực sự hiện nay.**

Kitô hữu phải ý thức một cách thành thực và thâm tín hơn về đức tin của mình. Phải giúp cho nhiều người trong họ biết vượt qua một nếp sống Kitô giáo vì nhu cầu, tập tục xã hội để sống một cuộc sống Kitô hữu toàn diện, biết cân nhắc chọn lựa kỹ càng, dựa vào một sự gia nhập theo quyết định của mỗi cá nhân.

Giáo-hội ngày mai sẽ gồm những Kitô hữu biết chiến đấu với xã hội chung quanh để đi đến một sự chấp nhận đức tin theo thâm tín của chính mỗi người, rõ ràng, công khai và trách nhiệm. Đó là Giáo-hội của ngày mai.

Đây là gút thắt của vấn đề: ngày nay làm thế nào để Kitô hóa từng khối người có danh là Kitô hữu mà thôi, để họ sống đức tin Kitô giáo thực sự? Một giáo hội chỉ có người “*giữ đạo*” mà thôi chưa đủ: cần phải có một giáo hội “*tuyên xưng đức tin*”. Chúng ta cần làm chứng cho đức tin của chúng ta và phải sống đức tin ấy.

Kitô giáo ư? Đó là Đức Giêsu-Kitô, hiện diện trong chúng ta và phải tỏa rạng ra xuyên qua chúng ta. Kitô giáo trước hết không phải là một bộ lý thuyết, một luật sống nào đó, nhưng trước hết là một giao ước sống với Thiên Chúa.

Một tác giả Chính-thống giáo, linh mục Alexandre Men, đã chịu tử đạo, nhấn mạnh đến khía cạnh sinh động đó qua mấy hàng chữ này:

“Người ta nói rất đúng thế này: Đức Kitô đã không để lại cho chúng ta một hàng chữ viết nào cả như Platon với những đôi thoại của ông. Ngài cũng không trao lại cho chúng ta một bản điều luật nào như Maisen. Ngài không đọc cho người ta viết ra cuốn kinh Coran như Mahomet. Ngài không lập ra một lối tu hành như Đức Phật. Nhưng Ngài đã nói: “Ta ở với các ngươi cho đến ngày tận thế”. Chính đây là kinh nghiệm sâu xa nhất của Kitô giáo”⁴.

5- Kitô hữu trong trần thế nhưng không thuộc về trần thế

Mỗi Kitô hữu phải sống hai ơn gọi: là con của Chúa, họ được gọi để mến yêu Chúa, phụng sự Chúa, làm cho kẻ khác yêu Chúa, và đồng thời là con của con người, họ phải đáp ứng mọi đòi hỏi của tình liên đới chân thật với nhân loại. Chúng ta phải sống cùng một lúc giới răn thứ nhất và giới răn thứ hai; nhưng không đảo lộn trật tự các ưu tiên. Chúng ta phải tôn trọng hai nghĩa vụ này; một đối với Chúa, và một đối với con người.

Các bản văn mục vụ ngày nay không ngừng nhấn mạnh đến bốn phận của chúng ta trong việc hiện diện giữa đời. Nhưng vì nhấn mạnh một chiều, mà nay cần phải có một sự quân bình và bổ sung. Mỗi một thời nêu lên những điểm mạnh phản ứng lại những thiếu sót và sai trái của thời đi trước. Nhưng lâu lâu ta cần tạo sự cân bằng, ý thức những chân lý bổ túc.

Như nhịp triều lên xuống điều hòa của đại dương, ngày nay cần ý thức sự cân bằng cần phải phục hồi trong nhịp sống của Giáo hội để nhấn mạnh đến sự kiện này: Kitô hữu không phải chỉ cần hiện diện giữa trần thế mà thôi, nhưng họ cũng còn phải đủ sức chống lại trần thế, chống lại một thứ thế gian nào đó mà Chúa Giêsu không cầu nguyện cho thứ ấy.

Chúng ta biết đến những lời Chúa Giêsu cầu nguyện với Chúa Cha cho các môn đệ Ngài trong bữa tiệc ly:

⁴ Yves Hamant: *Alexandre Men, un témoin pour la Russie de ce temps*. Ed. Mame 1993, tr. 135-136. Linh mục **Men** đã bị giết vì người ta thù ghét đức tin, vì ảnh hưởng mạnh mẽ của ngài đối với giới trẻ.

*Con cầu nguyện cho họ;
Con không cầu nguyện cho thế gian
Con đã ban cho họ lời của Cha
Và thế gian đã ghét họ.
Vì họ không thuộc về thế gian,
Cũng như con đây không thuộc về thế gian.*

(Gioan 17, 9 và 11).

Việc chống lại thế gian ấy cũng là một phần của Phúc-âm. Chúa Giêsu đã không hề dấu môn đệ là họ sẽ là những dấu chỉ mâu thuẫn, như chính Ngài đã từng như thế; nhưng Ngài hứa ban cho họ một sự an bình bên trong uy dũng hơn là hận thù chắc chắn sẽ đón chờ họ.

Chúa Giêsu không bao giờ nói đừng nên có kẻ thù. Ngài chỉ nói... là phải yêu kẻ thù. Khác đây chứ, và đâu phải dễ!

Cám dỗ của Kitô hữu hôm nay là dễ dàng chấp nhận các tiêu chuẩn phán đoán và mẫu mực giá trị của môi trường chung quanh đang chi phối họ. Nhưng, mãi hút khí ô nhiễm, độc hại vô cùng! Kitô giáo thời khởi thủy đã từng biết đứng cách biệt với lối định giá đạo đức của xã hội đương thời.

Kitô hữu ngày nay và Kitô hữu tương lai vẫn luôn phải chu toàn trách nhiệm sống trung thành với hai nghĩa vụ đối với Thiên Chúa và đối với con người, trong ánh sáng của Chúa.

Chương II

Kitô hữu là chứng nhân của Chúa Kitô

*“Con người thời đại chúng ta thích nghe
các chứng nhân hơn là các bậc thầy,
hoặc nếu có nghe các bậc thầy
thì vì những vị thầy này là những chứng nhân”*

Đức Phao-lô VI

1. Làm chứng bằng lời nói

Ôn gọi “làm tiên tri” của chúng ta

Kitô giáo thiết yếu là “Phúc-âm” nghĩa là một “Tin-mừng”, là Lời làm đổi thay cuộc sống vượt quá điều con người hy vọng và mong ước. Đó là Mạc-khải Chúa Giêsu mang lại; Mạc-khải ấy loan báo rằng Thiên Chúa yêu thương chúng ta như một người Cha, Ngài gọi chúng ta tham

dự vào sự sống của chính Ngài. Đây là một chuyện tình, tưởng như là không thực, thể mà hết sức là thật; một chuyện tình muốn chúng ta chia sẻ qua lời nói truyền miệng cho nhau biết; và qua mọi phương cách truyền thông nào có thể thực hiện được.

Chính ơn gọi của Kitô hữu là thông tri cho người khác sứ điệp này. Hiến chế *Lumen Gentium* nhắc lại rằng chúng ta thiết yếu là một dân “*làm tiên tri*”. Đây không phải theo nghĩa thông thường là đoán biết tương lai (và càng không phải là nói nhiều về ngày tận thế!), nhưng “*tiên tri*” theo nguyên nghĩa tiếng Hy-lạp là chúng ta có sứ mệnh làm phát ngôn viên cho Đấng gửi chúng ta đến để nói nhân danh Ngài.

Giáo-hội có sứ mệnh đưa Chúa Giêsu hiện diện giữa những con người của mọi thời đại, bất cứ ở đâu và vào bất cứ lúc nào. Giáo-hội cần phải sống ơn gọi tiên tri ấy qua các phần tử của mình. Như Hồng-y de Lubac đã viết:

*“Tự thân Giáo-hội như thế nào, thì Giáo-hội đó cũng phải do nơi chúng ta kết hợp mà làm nên. Cần phải tiếp tục rao truyền Chúa Giêsu Kitô, do bởi chúng ta; cần phải tiếp tục tỏ lan Chúa Giêsu Kitô, xuyên qua chúng ta. Đó không phải chỉ là một nghĩa vụ. Có thể nói đó là một sự cần thiết sinh tử”*⁵.

***Mỗi Kitô hữu đều được gọi
để trở nên chứng nhân của Phúc-âm
bằng lối tiếp cận trực tiếp, giữa người với người***

Hẳn nhiên, bốn phận này cũng có thể thực hiện dưới nhiều hình thức, kỹ thuật khác nhau, nhằm canh tân cuộc sống xã hội, cổ võ công bằng và hòa bình trên thế giới. Nếu ta cho rằng không phải Kitô hữu nào cũng có thể đóng nổi một vai trò hữu hiệu trên bình diện xã hội, trong sinh hoạt tập thể, thì ta cũng biết có một lối tiếp cận trực tiếp và thân mật mà mỗi người ở cấp độ nào cũng có thể làm được. Người ta đã lạm dụng hình ảnh giọt nước rơi xuống mặt biển và biến tan mất trong khối nước mênh mông để hạ thấp giá trị của việc làm chứng trực tiếp, của lời nói trao đổi giữa hai con người với nhau; phải thay hình ảnh này với hình ảnh của cây diêm đang cháy và tiếp cận với các cây diêm khác.

Lacordaire từng nói: *Kitô hữu là một người đã được Chúa Giêsu Kitô phó thác những người khác cho mình*. Và vì thế tôi phải làm sao để họ xác tín về niềm hy vọng ấp ủ trong tôi, mỗi lần tôi có dịp để làm chứng.

Thánh kinh nói rằng chúng ta sẽ trả lời về mỗi lời chúng ta đã nói. Và có thể chúng ta cũng phải trả lời về những lời chúng ta không chịu nói, khi có cơ hội, vì những lời ấy không phải là dụng cụ ân sủng của Thiên Chúa đến cho người bên cạnh chúng ta hay sao!

Khủng hoảng trong việc rao truyền Phúc-âm trước tiên không phải do thiếu giáo lý viên (giáo sư tôn giáo hoặc giáo sư thần học): nhưng vì thiếu những người nam, nữ Kitô hữu cảm nhận được niềm vui của Chúa biết tha thiết chia sẻ niềm vui và sự an bình phát xuất từ cuộc sống đạo, gần gũi Chúa tự đáy lòng mình.

Đức Hồng-y Hume, ngày kia trong một buổi thuyết giảng về rao truyền Phúc-âm, đã nói rằng muốn cho sứ điệp được lắng nghe, các đức tính cần thiết phải có là thành thật, thâm tín, vui tươi. Tiên quyết ở đây hẳn không phải là một bài học, giáo trình, một lối biện bác. Người nghe lưu tâm trước hết về lối nói chân thành của người đối thoại, mức độ thâm tín bộc lộ trong cuộc sống của người nói, niềm vui tuôn tràn từ tận đáy lòng và mong được chia sẻ vì yêu thương.

Maria, phúc thay cho em, vì em đã tin... những lời Elisabeth nói với Maria, trong lần Mẹ đến thăm, tự nhiên bộc phát, khi bà thấy niềm vui rạng rỡ trên khuôn mặt của Mẹ: bà thấy trước tiên niềm vui đó, bà hiểu và cảm nhận liền; và nỗi hân hoan kia biến đổi cuộc *thăm viếng* (*Visite*)

⁵ Hồng Y de Lubac, *Méditations sur l'Eglise*, tr .190.

thành *mẫu nhiệm gặp gỡ* (Visitation). Khuôn mặt rạng rỡ của Mẹ Maria cũng là một cuộc truyền tin. Niềm vui chia sẻ đó đã là Phúc-âm, Tin-mừng.

Linh mục Bernard Haring, một nhà thần học luân lý có tiếng, đã dám viết ra những lời như sau:

“Khủng hoảng của cuộc sống Phúc-âm-hóa phát xuất từ sự kiện này: các nhà thần học thường quá dè dặt đối với Chúa Thánh Thần và đôi khi họ không còn nói đến Ngài trong các tài liệu của họ; thế mà Kinh Tin-kính dạy chúng ta rằng Chúa Thánh Thần là nguồn ban sự sống; do đó chúng ta phải luôn nhớ đến vai trò của Ngài giúp ta cảm nhận cuộc sống của Chúa và linh hoạt cuộc sống đó”.

Một kỷ niệm riêng

Trong lãnh vực truyền thông sứ điệp Phúc âm, đừng bao giờ quên nhấn mạnh đến lối gặp gỡ, tiếp cận trực tiếp, riêng tư từng người. Chúng ta không bao giờ có thể quên (và toàn bộ Phúc-âm luôn nhắc cho chúng ta nhớ) rằng mỗi một người là một ngôi vị duy nhất và vô giá, không thể nào bị ngập chìm trong đoàn lũ vô danh. Sự kiện đó vẫn phải luôn như thế ngay trong lãnh vực truyền hình tôn giáo thực hiện cho mọi người. Một ngày nọ tôi có dịp trao đổi về đề tài này với vị giám đốc truyền-hình quốc-gia của nước tôi. Chúng tôi phải giải quyết chung với nhau về giờ giấc của chương trình truyền hình tôn giáo. Sau cuộc gặp gỡ này, tôi hỏi ông ấy, vốn là người không tin, xem cần phải khuyên mấy vị giảng lễ ngày chủ nhật trên truyền hình như thế nào. Ông trả lời tôi: *“Xin Ngài nói với họ phải tự nhủ rằng không phải họ nói với một đám đông, nhưng là nói với một vài người, đang mãi ưu tư về những vấn đề đang làm họ bận lòng”.*

Chữ Prosélytisme⁶: một chữ đầy cạm bẫy

Theo lối nói ngày nay, thành ngữ chiêu dụ người theo đạo (*prosélytisme*) mang một âm hưởng tiêu cực, xấu, không đúng như ý nghĩa nguyên thủy của từ-điển; nguyên nghĩa chữ ấy là lòng nhiệt thành và hăng say trong việc diễn tả đức tin của mình.

Nay, thành ngữ ấy được đồng hóa với nghĩa xấu xa của chữ tuyên truyền. Không cần nói, chúng ta cũng biết theo cách hiểu tiêu cực này, tuyên truyền đi ngược lại lối truyền bá Phúc-âm Kitô giáo chân thật, vì rao truyền Phúc-âm đòi hỏi phải tôn trọng lương tâm và tự do đón nhận. Nhưng Kitô hữu đừng vì sợ bị lên án là tuyên truyền chiêu dụ kẻ khác theo đạo mà đành im lặng. Đừng bị phỉnh gạt đi vào bẫy ngầm này để giúp cho quỷ cam thắng thế! Tôi đã từng viết trong cuốn sách của tôi tựa đề *L'Eglise en état de Mission*⁷:

”Muốn đem Chúa đến cho mọi người, thì phải đến gần họ, tiếp xúc với họ, tạo mối liên lạc (...). nói với tâm hồn người ta là một việc làm tế nhị và phức tạp, về mặt tự nhiên cũng như siêu nhiên. Cần khéo léo, thông cảm, dịu dàng, kiên nhẫn, thấu hiểu, và cần nhất là cần quên mình đi để cho ơn Chúa đi xuyên qua, để Chúa Kitô ở trong tâm hồn ta rung cảm được các tâm hồn (...).

Nhưng mối giao tiếp ở đây phải được thực hiện trong tinh thần tôn trọng, quên mình, không phải từ bề trên đối xử với kẻ bên dưới, cũng không phải cư xử ngang hàng, nhưng là từ kẻ bề dưới đối với người cấp trên, từ tôi tớ đối với chủ, từ “thấp lên cao”, vì trong mỗi một người đức tin chỉ cho chúng ta nhận ra đó là Chúa chúng ta Đức Giêsu-Kitô, và vì ta đang phục vụ chính Ngài trong người bên cạnh ta”

Loan truyền và giáo lý⁸

⁶ (người dịch) Chữ *Prosélytisme* có nghĩa là lòng nhiệt thành vì đạo và muốn rao truyền đạo, của người mới vào đạo

⁷ *L'Eglise en état de Mission*, xb lần 3, Desclée De Brouwer, 1956, tr.188-191

⁸ Kérygme et Catéchèse

Trong ngôn ngữ thần học, người ta có thói quen phân biệt hai giai đoạn rao truyền Phúc-âm bằng hai thành ngữ khác nhau. Giai đoạn đầu gọi là “*kérygme*”, nghĩa là rao truyền, tiếp đó là việc dạy giáo lý, nghĩa là trình bày sứ điệp Kitô giáo.

Tình trạng Kitô giáo càng suy giảm, thì giai đoạn chuẩn bị lúc ban đầu càng cần thiết. Đức Hồng y Danneels lưu ý rằng:

“Giai đoạn đầu rao truyền Phúc-âm (Le kérygme) còn phải thực hiện. Vì thế, trong hoàn cảnh hiện nay (tại trường học, xứ đạo, các môi trường sinh hoạt hoặc nơi làm việc) cần tạo ra những “nơi”, những “lúc” để thực hiện công tác đó. Ngày nay, chúng ta thiếu những cuộc tĩnh tâm cho học sinh, thiếu những hội đoàn truyền giáo trong các họ đạo, thiếu các sinh hoạt thường xuyên tại các vùng nông thôn, của các thế kỷ trước đây; những sinh hoạt ấy giúp người ta trở lại và sống đạo chuyên cần. Thời đại chúng ta không có sinh hoạt tương tự.

Ngoài ra giáo sĩ và giáo dân ít được đào tạo để thực hiện lối rao truyền Phúc-âm này. Họ thường thấy bất cập hoặc ngại ngùng. Phải tìm cho ra những dụng cụ mới và những “lối” rao truyền Phúc âm giai đoạn sơ khai (kérygme) ấy. Chúng ta cần những phương pháp mới và những kiểu mẫu mới về người rao truyền Phúc-âm “.

Còn tôi, tôi muốn thêm là chúng ta cần có những buổi tĩnh tâm theo kiểu “*Họp nhau ở nhà Tiệc ly để đón Chúa Thánh Thần*” (*Cénacle de Pentecôte*) để thúc đẩy lên đường rao truyền Phúc-âm và thực thi Phúc-âm trong cuộc sống đạo của mình.

Và trong lúc chờ đợi, làm sao mà không mong ước có được một cuộc xét lại về lẽ lối giáo dục, đào tạo trong các chủng viện của chúng ta, nhằm chuẩn bị cho các ứng viên sẵn sàng truyền giáo, và truyền giáo cho những con người! Khẩn thiết phải bổ sung công việc đào tạo hướng đến mục tiêu đó.

2- Làm chứng bằng cuộc sống mình

Người ta chỉ có thể tin vào sứ điệp Kitô giáo một khi môn đệ Chúa Kitô thực hiện đức tin của mình trong cuộc sống hằng ngày.

Con người ngày nay chán ngán các lý thuyết ý hệ hoặc lối nói quảng cáo. Nên, loan báo Phúc âm phải nhập thể, phải gắn liền với thực tế. Người ta nói trước hết về điều mình đang sống: chính đời sống đem lại cho lời nói sức thuyết phục. Thánh Gioan đã nói về Chúa Giêsu thế này: “*Cuộc sống Ngài vốn là ánh sáng*” (Gioan 1, 4). Câu nói này áp dụng cho mỗi chứng nhân của Chúa Kitô, ở bình diện của mình. Thế giới cần những Kitô hữu chiếu sáng, tỏa lan Chúa Giêsu Kitô. Thế giới cũng như các trẻ nhỏ cần có một bộ sách giáo lý bằng hình, bằng những con người sống động chiếu dọi ánh sáng.

Mỗi Kitô hữu đều được gọi để trở nên một Phúc-âm sống mà mọi người đọc được. Người bên cạnh ta nhìn ta sống, nên cuộc đời ta là bước đầu đưa họ vào đức tin một cách hữu hiệu hơn cả. Wallace E. Norwood đã diễn tả đòi hỏi làm chứng nhân bằng đời sống như thế, qua một bài thơ, thúc đẩy mỗi người chúng ta suy nghĩ. Bài thơ đó mang tên “*Cuốn Phúc-âm, theo bạn*”.

The Gospel according to you

*The most beautiful story given to men
Was written long ago
By Matthew, Mark, Luke and John,
Of Christ and His mission below.*

*And you write a Gospel, a chapter a day;
By you deeds, wether faithless or true,
When others read it, what will they think
Of the Gospel according to you?*

*It's a wonderful story, the Gospel of love,
As it shines with Christ's life divine.
Oh, that its truth might be told again
In the story of your life and mine.*

*You are writing each day a letter to men;
Take care that the writing is true.
It's the only Gospel some people may read, That Gospel according to you.*

Cuốn Phúc-âm theo bạn

*“Câu chuyện đẹp nhất kể cho nhân loại
Đã được viết lại từ thuở xa xưa
Bởi Máthêu, Marcô, Luca và Gioan
Mạc-khai Chúa Kitô và sứ mạng Ngài trên trần thế*

*Còn bạn, bạn viết Phúc-âm, mỗi ngày mỗi chương;
Bằng cách sống của mình, tẻ hại hay ngay lành,
Khi kẻ khác đọc thấy, họ sẽ nghĩ gì
Về cuốn Phúc-âm theo bạn?*

*Phúc-âm là truyện tình tuyệt diệu,
Rạng chiếu nơi cuộc sống thần thánh Chúa Kitô.
Ôi, chần lý ấy ước gì còn kể lại
Nơi truyện đời của bạn và của tôi.*

*Bạn vẫn viết, cho người, mỗi ngày một chữ;
Có làm sao chữ bạn viết ngay lành,
Vì Phúc-âm gần nhất mà người ta đọc được,*

Lại là Phúc-âm do đời bạn viết nên”.

Phúc-âm-hóa và nhân-bản-hóa

Thế giới phải đương đầu với cảnh khốn đốn trên hai bình diện:

- Khốn đốn trong cuộc sống vật chất với muôn ngàn hình thái khác nhau, mỗi tởi ta có thể nhìn qua màn ảnh truyền hình; những hình ảnh đau thương làm ta choáng váng. Các y sĩ không biên giới (*Médecins Sans Frontières*), Mẹ Tê-rêxa Calcutta,.. cố đương đầu với những nỗi khốn khổ này một cách kiên trì và can đảm.

- Khốn đốn về đạo đức, tinh thần; khổ đau của những người không còn biết tại sao mình phải tiếp tục sống, và đôi khi lại kết liễu đời mình vì không tìm ra được ý nghĩa nào để bước đi.

Có những kẻ nghèo, thiếu thốn các phương tiện vật chất, và có những kẻ nghèo tự tử vì không còn thấy lý do tồn tại.

Hai cảnh khốn cùng này đồng thời chất vấn chúng ta, nhưng cần phải tôn trọng những đòi hỏi riêng của mỗi chiều kích. Nếu phải nêu lên mối liên hệ giữa Phúc-âm hóa và nhân bản hóa, thì nên tránh đặt vấn đề nhân bản hóa như một lãnh vực hoàn toàn độc lập và phải ưu tiên trên nỗ lực Phúc-âm hóa, dựa vào một loại khẩu hiệu sai quấy: “*trước hết cần nhân bản hóa, rồi sau mới Phúc-âm hóa*”. Nghĩa là trước hết cần cứu người khỏi vong thân, khốn khổ, sau đó - và chỉ sau lúc đó - mới tính đến chuyện loan báo Tin-mừng cho họ. Quan niệm này nguy hiểm vì hiểu ngầm rằng bốn phận loan truyền Chúa Kitô cho thế giới như “*để vậy tính sau*”, như là tạm thời, không cần thiết.

Điều đáng xét lại trong khẩu hiệu: *nhân bản hóa trước tiên, sau đó rồi Phúc-âm hóa*, là chữ “*trước tiên*”^u, nghĩa là trật tự trước sau và cách đánh giá ưu tiên.

Không phải vậy, cần phải đương đầu cả hai nỗi khốn cùng này. Việc xếp đặt trước sau trong quan niệm sai lạc ấy hàm ngụ một sự phân cách giữa Phúc-âm hóa và nhân bản hóa. Hai bốn phận ấy kỳ thực tựa nương vào nhau.

Cần phải đem lại cho con người vừa phương tiện để sống vừa hướng dẫn ý nghĩa cuộc đời họ. Không vì một bốn phận này mà miễn trừ cho bốn phận kia. Như linh mục Chenu, O.P. từng viết một cách chí lý thế này:

“Phúc-âm hóa ở một trật tự khác với văn minh. Nuôi ăn con người, tự căn không phải là cứu độ, mặc dù tôi muốn được cứu độ thì phải nuôi con người có được miếng ăn. Cổ súy văn hóa, không có nghĩa là quay về với đức tin”.

Đức Kitô không phải chỉ là “*sự sống của linh hồn*”; Ngài muốn làm cho con người toàn diện được sống. Ngài không vắng bóng trong một sinh hoạt nào của con người, cuộc sống gia đình hoặc nghề nghiệp, nghĩa vụ công dân hoặc sinh hoạt kinh tế, quốc gia hoặc quốc tế, lãnh vực giải trí, báo chí, điện ảnh, truyền thanh, truyền hình hoặc sử dụng năng lượng hạt nhân.

Đức Gioan-Phaolô II nhắc lại nội dung này một cách ngắn gọn:

“Trước vấn đề khẩn cấp liên quan đến phát triển, đóng góp đầu tiên của Giáo-hội để đem lại một giải pháp là việc Giáo-hội tuyên dương chân lý về Chúa Kitô, về chính Giáo hội và về con người, và áp dụng chân lý này vào một hoàn cảnh cụ thể.

Công cuộc Phúc-âm hóa ngày nay không thể nào chu toàn được nếu không có sự dấn thân của Kitô hữu trong nỗ lực canh tân cải biến xã hội như đức tin họ đòi buộc”.

Linh mục Hervé Carrier, S.J, Tổng thư ký của Hội-đồng Giáo-hoàng về Văn hóa, kết luận bài diễn thuyết về “*Hội nhập Học thuyết Xã hội của Giáo- hội*” như sau:

“*Sứ-điệp của Chúa Kitô có được những trung gian hữu hiệu là lương tâm của những người nam nữ chấp nhận Chúa Giêsu Kitô và yêu thương Ngài; như một trào lưu truyền nhiễm văn hóa, họ thấm nhập tinh thần Phúc-âm vào nếp sống và các cấu trúc xã hội, ngay cả những cơ chế bên ngoài xem như xa lạ với đức tin Kitô giáo.*”

Trong môi trường sống của mỗi người, họ làm chứng năng lực tái sinh của Con Thiên Chúa, đã chết và được phục sinh để giải phóng chúng ta. Ai có thể chối cãi được tác dụng lạ lùng mà các chân lý Phúc-âm đã từng ảnh hưởng và còn linh hoạt trên các môi trường xã hội khác nhau? Đưa Phúc-âm vào xã hội hẳn là công việc chung của toàn cộng đồng Giáo-hội. Nhưng ở giữa thực tại xã hội, thì người giáo dân lại có một vai trò quyết định.

Người giáo dân đứng ở tuyến đầu để làm tiên tri loan truyền đức tin Kitô giáo và thấm nhập đức tin ấy vào tất cả các sinh hoạt của đời sống gia đình, xã hội, kinh tế, chính trị và quốc tế. Chính nhờ họ mà tư tưởng Chúa Kitô cụ thể đi vào các nền văn hóa và các xã hội, và biến cải chúng. Loan truyền Chúa Giêsu Kitô cho thế giới ngày nay nhất thiết đòi hỏi phải có chứng nhân về sự thánh thiện.

Thế giới hôm nay còn chứng kiến nhiều tín hữu, và biết bao người giáo dân đã dững cảm làm chứng đức tin của mình, ngay cả có lúc phải tử đạo, để loan truyền công cuộc giải phóng con người và xã hội trong Chúa Kitô.

Đưa sứ-điệp Kitô giáo vào cuộc sống con người trước hết là việc làm của Chúa Thánh Thần, Đấng thánh hoá các người rao truyền Phúc-âm, ban sức mạnh kỳ diệu của Chúa Kitô phục sinh cho lời nói và nhất là chứng tá sống động của cuộc đời họ”.

Thánh kinh nói rằng: Khôn cho người ở một mình. Người ta không đương đầu và chiến đấu lẻ loi. Chúa muốn người của Ngài chung sức “với nhau”. Không hẳn cần một số lượng thật lớn; Ngài nói: *Nơi nào có hai hoặc ba người tụ họp nhân danh Ta, Ta sẽ ở giữa họ.*

Các tông đồ lúc ấy chỉ có mười hai, nhưng trong một vài hoàn cảnh, họ chỉ có ba: ở núi Thabor, vườn cây dầu lúc Chúa chịu khổ nạn. Vì nhờ ở gần nhau, hoặc sống chung thường trực, hoặc tạo một đường giây liên lạc, hay qua những cuộc họp mặt thường xuyên, như người ta thường nói, “tam nhân thành hiền”, nhiều người thì thấy rõ hơn.

Và muốn hướng đến việc nên thánh một cách “thông minh hơn” thì cũng cần chung nhau mà tiến. Chúa Thánh Thần muốn ban những đoàn sủng bổ sung cho nhau. Phải xây dựng một tế bào để làm nên một cơ thể. Tế bào đó “toán, đội, tổ, nhóm” (*team*) là cơ sở Giáo-hội đầu tiên.

Một Kitô hữu nổi bật : Frank Duff

Frank Duff người Ái-nhĩ-lan, là một Kitô hữu tiên phong đưa người giáo-dân đến với Phúc âm. Ông đã thành lập nên Hội Đạo-binh Đức Mẹ phổ biến công cuộc Tông đồ giáo dân khắp thế giới, hoạt động trong hơn 2.000 giáo phận. Cuộc đời Kitô hữu của Frank Duff cống hiến cho Giáo hội một tấm gương sáng chói về tông-đồ giáo dân; Tổng giáo phận Dublin đã khởi sự thủ tục xin phong chân phước cho con người Kitô-hữu ngoại hạng này.

Trong hai bộ sách viết về *Những kỷ niệm của tôi*, với tựa đề ***Les Imprévus de Dieu*** (Những điều bất ngờ Chúa gửi đến), tôi đã tường tượng ra một cuộc họp báo của Frank Duff từ trời cao, trả lời cho một ký giả hỏi ông về điều cần nhấn nhủ Kitô-hữu ngày nay. Đây là trang sách đó:

“Trên Thiên-đàng, có những cuộc phỏng vấn không? Có chứ, đặc biệt là cuộc phỏng vấn Frank Duff về mọi nỗ lực truyền bá Phúc-âm hướng về tương lai; dường như ông nhấn nhủ chúng ta thế này:

- Cần tiếp tục trận tuyến, thuyết phục mọi người Kitô hữu là họ phải làm tông đồ do bởi phép rửa mà họ đã nhận, đó là bổn phận đầu tiên phải nhắc nhở, bắt chấp mọi trở ngại khó khăn.

- Chúng ta cần rao truyền Phúc-âm, bằng lời nói và việc làm, bất cứ lúc nào và bất cứ ở đâu; vì thế cần thức tỉnh để luôn sẵn sàng làm tông đồ.

- Cần can cường để dám tin rằng việc xem ra không thể làm được lại có thể chia ra từng mảnh nhỏ “để có thể thực hiện”, và cần bạo gan bước đi trên làn sóng biển.

- Cần đề cao và ưu tiên chọn lựa lối tiếp cận trực tiếp, tiếp xúc cá nhân và làm chứng bằng cuộc sống của mình.

- Người giáo dân cần mang lấy trách nhiệm riêng của mình, nhưng sát cánh với linh mục là người có một vai trò cần thiết giải thích tư tưởng của Giáo-hội và cố vấn về tinh thần.

- Không thể nào sống đạo một mình nhưng phải kết thành tổ, nhóm linh động; một vài Kitô hữu kết hợp nhau, cam kết gặp gỡ nhau định kỳ để cầu nguyện chung và nâng đỡ nhau trong phận vụ làm tông đồ rao truyền Phúc-âm.

- Công cuộc tông đồ là một mẫu nhiệm của Ôn Cứu-chuộc, và “các linh hồn lại đòi hỏi phải trả một giá rất cao”.

Tôi lại nghe được lời Frank Duff vang vọng qua một bài giảng của Đức Hồng-y Danneels.

Bài giảng ở Beauraing, tháng bảy năm 1991 được cô đọng lại và đăng trong một tạp chí⁹ như sau:

Nếu bạn muốn nói với ai về Thiên Chúa, thì hãy nói đơn sơ với ngôn ngữ hồn nhiên, đừng dùng chữ khó khăn và nhất là tìm cách cố chinh phục; hãy đơn sơ mở miệng nói tên Chúa Giêsu...hãy nói điều mình cảm nhận. Nếu bạn chỉ biết có dăm ba lời Phúc-âm, thì cứ nói ra dăm ba lời ấy...

Hãy bắt đầu trực tiếp nói về Chúa Giêsu, và như thánh Phaolô từng nói, nên truyền đạt Chúa Giêsu chịu đóng đinh, chứ đừng cố tìm cho ra cái gì đó trong Phúc-âm mà bạn tin sẽ làm vừa lòng người mình nói chuyện...Hãy nói sự thật về Chúa Giêsu...nói về sự nghèo khó, về tâm hồn trong sáng, về sự đau khổ của Ngài.

Đừng bao giờ than là mình hèn yếu, nói không hay, không có tài, bập bẹ nói không ra câu ra cú, mình tội lỗi quá, tẻ nhạt quá không xứng để rao giảng về Chúa Giêsu. Vì chính bởi bạn hèn yếu, tội lỗi, bất tài, không có khả năng chuyên môn để truyền giáo, mà bạn sẽ thành công.

Vì nếu bạn vững vàng, hoạt bát và đa tài, thông hiểu thần học và trong sạch vô tội, bạn sẽ có khuynh hướng tin rằng mỗi lần ai nghe mình là mình đã cải hóa được họ; nhưng Chúa lại không chuẩn nhận việc này vì Ngài muốn sự thật được sáng tỏ: không phải bạn cải hóa kẻ khác, nhưng như thánh Phaolô đã từng nói, chính là do quyền năng của Lời Ngài. Thánh Phaolô còn nói thêm: “Khi tôi yếu hèn, bấy giờ tôi vững mạnh” Phép lạ của việc truyền bá Tin-mừng đó là sự kiện người bình thường mở miệng loan báo. Bạn hãy lo mở miệng để nói, và hãy chỉ lo lắng về việc này, đừng lo phải làm gì trước đó hay việc gì xảy ra sau đó, nhưng phải tập chú ngay vào giây phút mà môi miệng bạn mở ra.

⁹ *Koinonia*, số 5, tháng 5, 1992

Chương III

Tình huynh đệ Kitô hữu

“Giá trị của một Giáo-hội không dựa vào con số người gia nhập, dù là những người siêng năng giữ đạo, nhưng ở tại chứng tá Tin-mừng mà các cộng đoàn kết hợp nơi Giáo-hội ấy thực hiện”
Giám mục Gérard Huyghe¹⁰

1- Kitô hữu thiết yếu là người “hiệp thông”

Kitô hữu là một người “*hiệp thông*”. Người ấy được mời gọi để kêu đến Thiên Chúa là Cha “chúng con” và thực hiện các đòi hỏi của đức tin trong tình nghĩa anh chị em, tương ái.

Chúa mời gọi Kitô hữu hiệp thông nơi Thánh thể, là mẫu nhiệm kết hợp với chính Chúa, và với anh chị em mình tất cả hiệp làm một trong Ngài.

Đây là lý tưởng hướng dẫn Kitô hữu trong thời đại mới, nếu người ấy muốn sống trung thực với đức tin của mình.

Đi vào cuộc sống mẫu nhiệm Thánh thể, Kitô hữu mới khám phá ra được chân tướng của mình, ý nghĩa cao cả của giá trị làm người và làm Kitô hữu nơi mình.

Một Kitô hữu không thể nào sống đức tin Kitô giáo của mình một cách lẻ loi. Người đó cần sống tôn giáo ấy với những Kitô hữu khác cùng chia sẻ đức tin của mình, theo nghĩa đen của chữ này. Phải tuyên dương, thực hiện đức tin chung với kẻ khác, trao đổi cho nhau, thăm nhập vào nhau. *Vae soli “con người ở một mình không tốt”* (St. 2, 18), sự kiện đó đã được nêu ở những trang đầu của Sách Sáng-thể.

Nếu con người là một hữu thể xã hội, thì Kitô hữu phải “*õ xã hội*” hai lần hơn: nơi việc con người được tạo dựng để sống chung và qua phép rửa tội đã dẫn đưa người đó vào Đức Kitô hằng sống, *làm nên một thân thể với Ngài*.

Thực thể của đức tin phải được thể hiện nơi cuộc sống tâm lý để tạo một cuộc sống tự nhiên và siêu nhiên hài hòa.

¹⁰ Cựu giám mục giáo phận Arras

Thượng phụ Athénagoras từng viết: “*Ngay cả Giáo hoàng cũng cần có anh em*”. Có anh em để tạo sự quân bình và phát triển về mặt con người cũng như mặt siêu nhiên. Luật chia sẻ này có giá trị sinh tử cho mọi người và mọi thời đại, nhưng đặc biệt cho thời đại chúng ta, vì ngày nay các cơ cấu xã hội của cộng đồng Kitô hữu hầu như biến mất, tất cả các giá trị đều bị đặt thành vấn đề, và càng ngày tôn giáo càng bị xem là một cái gì thuộc về lãnh vực tư riêng, tách ra khỏi đời sống cộng đồng.

2- Sợi giây nối kết tình huynh đệ của chúng ta

Các cuộc thống kê đã nhắc nhở chúng ta lưu ý đến tình trạng sút giảm con số tín hữu tham gia thánh lễ chủ nhật¹¹.

Chúng ta không thể làm ngơ trước sự kiện này: Mọi người cần giặt mình và xét mình lại, vì nếu chuyên cần đi lễ không phải là tiêu chuẩn duy nhất để định giá nếp sống đạo, thì đó cũng là một trong những dấu chỉ đáng lưu ý nhất. Chúng ta xin Chúa soi sáng cho chúng ta biết tại sao có sự thụt lùi ấy.

Trước hết, tôi nghĩ là cần lưu ý điểm này: đừng tự đóng khung vào một quan điểm thuần xã hội học. Mức linh hoạt của cuộc sống đạo không đo lường được vào số lượng, nhưng vào chiều sâu cuộc sống đức tin. Chúa Giêsu không bao giờ nói các môn đệ Ngài sẽ nắm phần đa số dân cư trên thế giới. Ngài nói đến men trong bột, và muối. Những lời nói tượng trưng đó nhắc chúng ta hiểu rằng quyền năng của Thánh Thần không đo lường dựa vào số lượng. Các tông đồ chỉ có Mười hai để mang Tin-mừng đến tận cùng trái đất. Những Kitô hữu tiên khởi chìm vào trong quần chúng của lương dân, và họ đã phải đổ máu mình vì trung thành với Chúa.

Từ khi Kitô giáo trở thành quốc giáo trong Đế quốc Rôma, kể từ Constantinô, “phẩm chất” cuộc sống Kitô giáo nhiều lần từng là nạn nhân bởi sự thành công về số lượng của mình; cá nhân mỗi một người chịu phép rửa tội đã lơ là phận vụ dân thân một cách thâm tín. Trước đây, chúng ta từng chứng kiến một nước, một xứ Kitô giáo với một dân cư hầu như thuần nhất, sống cuộc sống tôn giáo và cả cuộc sống dân sự theo nhịp của niên lịch phụng vụ; nhưng nay Kitô hữu lại chìm ngập vào một thế giới đa nguyên, mọi sự đều đặt lại thành vấn đề.

Hoàn cảnh ấy buộc chúng ta phải ý thức lại chính mình, về lý lịch Kitô giáo của mình trên bình diện cá nhân cũng như tập thể. Nó thúc đẩy chúng ta tìm lại những nguồn suối tươi mát làm nên cuộc sống Kitô giáo và giúp chúng ta nối tiếp Giáo hội thời nguyên thủy.

Muốn có một hình ảnh sinh động nhất, chỉ cần đọc lại Thánh Phaolô để xác tín; hình ảnh Kitô hữu nơi ấy là nguồn suối bồi đắp cuộc sống đức tin chúng ta. Sách Tông đồ Công vụ kể cho chúng ta biết lịch sử Giáo hội sơ khai; và điều đáng lưu ý, là vào thời này mỗi Kitô hữu, bất kỳ ở đâu và đi đâu, đều cố gắng làm chứng về đức tin của mình.

Quá nhiều Kitô hữu - ngay cả những người sùng đạo - đã không ý thức đủ về việc Kitô hữu là một **“kẻ đang thi hành nhiệm vụ, nghĩa là đang truyền giáo”**, **“một người được Chúa Giêsu Kitô ủy thác nhiều người khác cho mình”** (Lacordaire), một người, không những tiếp nhận đức tin cho chính mình và người thân của mình, mà còn phải tuyên xưng và rao truyền đức tin, vì biết rằng Chúa Giêsu đã từng nói: **“Phàm ai tuyên bố nhận Thầy trước mặt thiên hạ, thì Thầy cũng sẽ tuyên bố nhận người ấy trước mặt Cha Thầy, Đấng ngự trên trời”** (Mt. 10, 32).

Đối với người Kitô hữu thời sơ khai, nhập đạo, được rửa tội bằng nước và trong Thánh Thần, là chia sẻ tức khắc bí quyết và niềm vui cho những người chung quanh mình, là thực thi đức tin bằng lời nói, việc làm trong cuộc sống hằng ngày ở giữa những người chưa nhận biết Chúa chung quanh họ. Họ chia sẻ của cải, lo lắng giúp đỡ người nghèo. Cuộc quyên góp của Phaolô giúp cho những người nghèo ở Giêrusalem là một thí dụ, họ ân cần tiếp đón những người anh em đi đường xa; tất cả những việc đó như là sinh hoạt đương nhiên của một đức tin sống

¹¹ Chữ “*lễ ngày chủ nhật*” ở đây gồm cả lễ chiều thứ bảy

động và cùng chia sẻ. Mỗi người cảm thấy cùng mang trách nhiệm để thực thi và truyền bá sứ điệp mang lại sự sống. Các Kitô hữu ấy đã từng gặp Chúa Giêsu Kitô; Chúa đã là “**Một Ai**” trong đời họ; Ngài đã là Thầy và Chúa của họ.

Đối với họ, cuộc gặp gỡ ấy thay đổi tất cả đời họ: Nơi Ngài, họ có được bí quyết sống và ý nghĩa của sự chết; trong Ngài và nhờ Ngài, họ tiếp nhận cùng một Thánh Thần và đến được Chúa Cha. Từ sự kiện này, họ tập họp nhau lại tuyên xưng đức tin mình vào Chúa Giêsu và mừng Thánh-thể (tưởng nhớ cuộc tử nạn và phục sinh của Chúa) chỉ còn một bước. Kitô hữu lúc bấy giờ không cần một qui thức nào để tuyên xưng Chúa Kitô và tôn vinh các mầu nhiệm của Ngài; Ngài chính là ý nghĩa sống của họ. Việc tập họp các môn đệ chung quanh bàn thánh của Chúa là việc làm đương nhiên phát xuất từ lòng tin của họ.

Muốn phục hoạt tận căn hoàn cảnh hiện nay, mỗi Kitô hữu cần hiểu biết về ơn gọi - giá trị cao cả của mình - qua bí tích rửa tội, và các cộng đoàn Kitô hữu sống động, gồm nhiều Kitô hữu thực sự dẫn thân, phải cùng nhau làm chứng về xác tín đó giữa lòng thế giới.

Nhưng, chúng ta đọc tiếp sách Tông-đồ Công-vụ, so sánh đối chiếu với hoàn cảnh chúng ta để thấy rõ hơn. Khi đọc những trang này, ta sẽ nhận ra rằng cuộc sống Kitô hữu là nền tảng cho những cuộc gặp gỡ huynh đệ khác nhau. Sách viết rằng: “*Họ chuyên cần nghe các Tông-đồ giảng dạy, hiệp thông với nhau, tham dự lễ bẻ bánh, và cầu nguyện*” (Cv. 2, 42).

Cần phải cân nhắc từng chữ. Cộng đoàn Kitô hữu là một cộng đoàn “*tông truyền*”, nghĩa là tập trung vào Lời Chúa được các tông đồ truyền lại, phân tích và giảng giải. Ngay từ đầu, sự kiện đó là một tham chiếu thiết yếu: một cộng đoàn chỉ được gọi là Kitô giáo khi được nối kết chặt chẽ với các tông đồ và các vị kế tục các ngài, và kết chặt với Lời Chúa xuyên qua các vị ấy. Cộng đoàn ấy có nét đặc biệt là mối hiệp thông huynh đệ đầy yêu thương: *Hãy xem họ thương yêu nhau hết lòng*. Người chung quanh đã nêu lên lời đó để mô tả cộng đoàn Kitô giáo.

Mối hiệp thông đó không phải là kết quả của những thoả thuận do con người, của một sự chọn lựa chung để tiến đến một mục tiêu thiết định trước; nhưng nó nằm sâu nơi mối hiệp thông với Chúa, với Lời Ngài, với Thánh Thần của Ngài, và với Thánh-thể của Ngài. Những lời trong sách Công-vụ nói rõ là các tín hữu họp nhau lại để bẻ bánh, nghĩa là cử hành “*việc tưởng niệm của Chúa*” như Chúa Giêsu đã từng dạy các môn đệ Ngài thực hiện, để thông dự vào mầu nhiệm của sự chết và sự sống lại của Ngài “*cho đến khi Ngài lại đến*”. Chính Chúa Giêsu Kitô sống bên trong họ, thực hiện mối hiệp nhất siêu việt này, vượt lên trên tất cả những gì đang phân cách và chia rẽ con người.

Họ không những chuyên cần tham dự nghi lễ phụng vụ, mà còn tập họp với nhau để cầu nguyện, như sách Công vụ nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Khi Phê-rô ra khỏi tù, “*ông đến nhà bà Maria, mẹ của Gioan được gọi là Marcô, ở đó có khá đông người đang tụ họp và cầu nguyện*” (Cv. 12, 12).

Khi Phaolô bị bắt và bị nhốt trong tù, chân bị cùm kẹp, người ta mô tả ngài đang cầu nguyện: “*Vào quăng nửa đêm, ông Phaolô và ông Xila hát thánh ca cầu nguyện với Thiên Chúa, các người tù nghe hai ông hát*” (Cv. 16, 25).

Những lối cầu nguyện tự phát, tập thể như thế là nhịp sống của Kitô hữu: chúng nối dài các nghi thức phụng tự, làm khuôn khổ cho các nghi lễ, được xem là những thời điểm cao độ của sinh hoạt này.

Lịch sử Giáo hội thời sơ khai cũng giúp chúng ta hiểu được diễn tiến của việc cử hành thánh lễ dần hồi qui về ngày chủ nhật. Buổi đầu, cũng như chính Chúa Giêsu lúc đang tại thế đã làm, những người Kitô hữu vẫn tiếp tục lên đền thánh Giêrusalem, đồng thời họ tụ họp lại với nhau để cầu nguyện và học hỏi về lời dạy của Thầy. Ngày Sabát là ngày nghỉ lễ của dân Do-thái nay đối với Kitô hữu là ngày chủ nhật, được hiểu là ngày của Chúa. Ý nghĩa của sự chọn lựa này phát xuất từ ánh sáng của mầu nhiệm phục sinh. Mỗi Kitô hữu, thông hiệp với anh chị em mình để mừng phục sinh của Chúa, cuộc vượt qua từ cõi chết đến sự sống lại. Đó là ngày lễ đúng nghĩa, trọng đại nhất, ngày chúng ta mừng biến cố quyết định cho chính cuộc đời chúng ta. Vì

chúng ta chôn vùi sự chết của mình trong cái chết của Đức Kitô và tìm gặp được sự sống khả hoàn muôn đời.

Qua bao thế kỷ, mầu nhiệm phục sinh đạt đến đỉnh cao nơi Thánh Thần hiện xuống, đã không ngừng được cử hành và thấm nhuần cuộc sống Giáo hội; lời ca mừng Alleluia phục sinh rộn rã vang lên trong các nghi thức phụng vụ như chuông đổ dồn trong ngày hội lễ tạo nên bầu khí linh thiêng giữa cộng đồng Kitô hữu, giúp họ tiếp nhận niềm vui cao cả và cảm nghiệm được Chúa hiện diện ngay nơi nỗi khổ đau và thử thách của đời họ. Phục sinh và điếm chung toàn của biến cố này là Hiện Xuống, đó chính là sự hòa giải giữa nhân loại (nơi hình ảnh của người con hoang đàng mà Chúa Giêsu đã nói đến, của người con nhận ra được tất cả những yếu hèn và khốn cùng của mình) với Cha đang giang tay đón mình trong Con Ngài để chúng ta được ở trong vinh quang tình yêu của Ngài.

Nếu chúng ta muốn khám phá ra lại ý nghĩa sâu xa của việc cử hành Thánh-thể, chúng ta cần phải ý thức lại ý nghĩa mầu nhiệm phục sinh, mà mỗi chủ nhật nhắc nhở chúng ta và tìm lại ý nghĩa của giao ước mới và vĩnh cửu đưa chúng ta vào cuộc sống thân mật thật sự với Chúa.

Nếu hôm nay Giáo hội còn mời gọi chúng ta cùng cử hành tưởng niệm Chúa chung với nhau trong ngày chủ nhật, là vì Giáo hội trung thành với Thầy và muốn tiếp tục một truyền thống cầu nguyện, là hơi thở của chính cuộc sống cộng đồng của mình cũng như muốn truyền hơi sống ấy cho trần thế.

Qua các thế kỷ, lời mời gọi đó đã mang hình thức của một luật buộc, vì Giáo-hội biết rằng cuộc gặp gỡ huynh đệ với Chúa như thế đúng là nguồn sống. Nếu chỉ xem lời mời gọi này như một lễ luật xét về mặt pháp lý, áp dụng tùy tiện từ bên ngoài, thì sẽ không hiểu được ý định thâm sâu của Giáo hội; lời dạy này chỉ truyền đạt và cô đọng lời mời gọi của Chúa, xin các môn đệ Ngài ăn lễ vượt qua với Ngài cho đến khi Ngài trở lại trong vinh quang.

Kỳ thực, trước tiên không phải là vấn đề “*buộc phải*” dự lễ, nhưng là “*có thể*” tham dự. Trước hết không phải chính chúng ta cảm nghiệm như thế nào khi dự lễ, nhưng là việc Chúa hoàn thành nơi thánh lễ ấy. Chỉ có đức tin mới dẫn đưa chúng ta tiếp cận “*mầu nhiệm của đức tin*” này, lượng định hoặc cảm nhận được giá trị của nó.

Nếu có ai thích nói rằng việc cử hành thánh lễ sao mà xa lạ với đời sống, với các vấn đề nhân sinh, quá giả tạo và nhạt nhẽo không ăn nhập gì với một cộng đồng thực sự, với một lễ nghi linh động, thì chúng ta nói rằng: “*bạn không có quyền chỉ trích việc cử hành thánh lễ trong họ đạo của bạn nếu bạn chưa từng tận dụng hết khả năng sức lực của bạn để mang đến đó một cái gì của chính bạn*”. Kinh-thánh ví Kitô hữu như là những viên gạch sống động, phải cùng nhau làm nên Thân thể của Chúa Kitô. Giáo-hội không phải nhà tiền chế, nhưng là nối lại từng viên gạch một, là mỗi người chúng ta, và tất cả chúng ta có bổn phận phải làm nên đền thờ sống động để Thiên Chúa cư ngụ. Khi đưa ra lời dạy này, Giáo-hội tiếp nối truyền thống của các cộng đồng tiên khởi, trong đó các chủ chăn “*bằng phép tắc và lời khuyên bảo, dạy dân chúng tham dự họp mặt và không bao giờ bỏ vắng*”; các vị mời gọi họ phải luôn có mặt, để, đừng vì sự bê trễ của họ mà Giáo-hội sút giảm và thân thể Chúa Kitô bị thiếu đi một chi thể của mình¹².

Khi giám mục khẩn thiết nhắc nhở lại việc này cho mọi Kitô hữu, đặc biệt cho giới trẻ, thì vị ấy thật sự là tiếng nói có thẩm quyền của Giáo hội, nối kết cộng đồng Kitô hữu với các thế hệ đi trước, trung thành với các truyền thống mà các thế kỷ Kitô giáo đã lưu truyền, hiệp thông với các bậc tổ tiên trong đức tin từ xưa đến nay.

Tôi muốn lấy lại lời kinh của Thánh Phaolô để tâm sự với mỗi người trong các bạn:

“Tôi quỳ gối trước mặt Chúa Cha, là nguồn gốc mọi gia tộc trên trời dưới đất. Tôi nguyện xin Chúa Cha, thể theo sự phong phú của người là Đấng vinh hiển, ban cho anh em được củng cố mạnh mẽ nhờ Thánh Thần của Người, để con người nội tâm nơi anh em được vững vàng. Xin cho anh em, nhờ lòng tin, được Đức Kitô ngự trong tâm hồn; xin cho anh em được bén rễ sâu và xây dựng vững chắc trên đức ái” (Eph. 3, 14-17).

¹² Trích trong một bản văn của cuốn Didascalia

Tôi muốn nói với mọi người lời này: chúng ta cần tìm lại tình phụ tử và quyền ưu tiên của Thiên Chúa, tình yêu thương nhưng không nơi Ngài, ý nghĩa của việc thờ phụng và chúc tụng Chúa. Vì mãi bơi lội trong dòng văn minh vật chất nên mỗi lần chúng ta thấy trên màn ảnh truyền hình hoặc chung quanh chúng ta những người quỳ gối thành khẩn cầu nguyện, chẳng hạn như những người Hồi-giáo anh em chúng ta, thì chúng ta ngạc nhiên về cử chỉ thờ lạy của họ và sự trung kiên tuyên xưng công khai đức tin của họ vào Chúa.

Chúng ta nên cảm ơn họ, vì họ nhắc nhở chúng ta rằng con người cũng nhờ xã hội không thể tự mãn cho rằng không cần biết đến thần thánh gì nữa; điều răn trên hết vẫn là “*Người hãy thờ phượng Chúa là Thiên Chúa*”.

Bôn phận thờ phượng và chúc tụng Chúa, chúng ta phải sống và phải diễn tả trước mặt Chúa và trước mặt mọi người. Những thánh đường chính toà nguy nga bằng đá của chúng ta (tuy ngày càng nhỏ bé lại so với những kiến trúc đồ sộ của kỹ thuật tân kỳ) thấp vờn thẳng lên trời, nhắc nhở chúng ta nhớ đến chiều kích cao cả nhất của cuộc sống mọi người.

Ước gì các thánh lễ chủ nhật của chúng ta tuyên dương ưu quyền của Thiên Chúa trong thế giới ngày nay; chính Ngài là Cha của mọi người, bảo đảm vững chắc cho nhân loại kết hợp thành anh em trong tình huynh đệ bền vững. Ước gì Kitô hữu tìm lại được nguồn vui phục sinh, là nhịp tim của nghi lễ phụng vụ và cũng là cuộc sống của mọi người biết tận hưởng niềm vui đó.

Để kết luận, tôi xin được nói lại lời của Thánh Phao-lô: “*Làm sao mà không tuyên dương các kỳ công của Thiên Chúa cho được?*” (Cv. 2, 11), như Đức Trinh-nữ đã ca tụng Ngài trong lời kinh “*Magnificat*”? Nhưng làm sao diễn tả cho xứng hợp? Giáo-hội biết rằng tâm tình tôn giáo có thể nâng tâm hồn lên đến mức khôn tả, nên đã tìm ra một cách biểu lộ cô đọng niềm hoan lạc, cảm xúc yêu thương vào trong một lời nói thôi, một lời ca vang thoi: *Alleluia!*

“*Alleluia*” là lời hát mừng Phục sinh và là lời hát mừng rất xa xưa trong Thánh-kinh, trong Cựu Ước¹³, và nhiều nơi trong các nghi thức phụng vụ Tân-ước. Nó có nghĩa là: hãy ca ngợi Chúa! Nó được hát lên để khơi động niềm vui siêu nhiên qua âm điệu ròn rã, diễn tả mọi điều và còn nhiều hơn thế nữa.

Thánh ca đã từ *Alleluia* để kết dệt nhiều giai điệu tuyệt vời, để giúp cộng đoàn lên tiếng tung hô; bằng mọi cách *Alleluia* luôn nhằm diễn tả một niềm vui trào vọt từ tâm hồn, đầy tràn tin yêu (Kh. 19, 1,7). *Alleluia*, chúng ta dừng lại lắng nghe lời ca vang này và đi vào phụng vụ, để niềm vui ấy thấm nhập cuộc sống.

Ước gì Kitô hữu ý thức được ý nghĩa phục sinh, trung tâm của đức tin Kitô giáo, và tìm đến với nhau vào ngày của Chúa (ngày chủ nhật) để cử hành màu nhiệm sống lại và sống màu nhiệm đó ở giữa lòng trần thế.

3- Tìm lại mối liên kết của tình huynh đệ sống động

Con người ở một mình là điều không tốt (Vae soli). Chúng ta cần diễn tả cụ thể lời này của Chúa Giêsu: “*Ở đâu có hai hoặc ba người họp lại với nhau để nhân danh Ta, Ta sẽ ở giữa họ*”, bằng cách áp dụng vào sinh hoạt mục vụ để cô đọng thành hình những “*nhóm Kitô hữu sống Phúc-âm*”. Kitô hữu muốn sống trọn vẹn niềm tin tôn giáo mình nên gia nhập vào lời tổ chức sinh hoạt như thế.

Sinh hoạt tương lai của các họ đạo chúng ta sẽ tùy thuộc vào các nhóm huynh đệ sống đức tin của mình “*ad intra*”, nghĩa là chia sẻ nhịp sống siêu nhiên với các Kitô hữu khác; và “*ad extra*”, nghĩa là chia sẻ sinh hoạt tông đồ, vì Kitô hữu chỉ bảo tồn được đức tin nếu họ biết chiếu

¹³ xem TV. 135,

roi đức tin ấy. Chúa Giêsu đã dạy rằng: “*ai muốn giữ lấy mạng sống mình, thì phải mất*”. Câu nói đó cũng đúng cho đức tin: chỉ có thể bảo tồn khi biết công hiến.

Khẩn thiết phải cổ động thành hình các nhóm nền tảng này. Con số “hai” hoặc “ba” chỉ là lối nói thí dụ, nhưng ở đây thực sự có nghĩa là một nhóm giới hạn, tùy thuộc sự thân thuộc, gần gũi hoặc tùy hoàn cảnh văn hóa, nhưng thế nào đi nữa thì nhóm ấy phải tạo cơ hội thuận tiện để có những cuộc gặp gỡ thường xuyên, định kỳ, mỗi người có dịp phát biểu. Điều quan trọng là các nhóm ấy có thể giúp Kitô hữu kết hợp tình huynh đệ và gặp gỡ nhau thường xuyên.

Chính Chúa đã dạy thành ngữ “anh em”. “*Simon khi người đã trở lại, thì hãy cũng cố anh em người*” (Lc. 12, 31). Hoặc Ngài cũng nói với Maria Magdalêna: “*Maria, hãy đi tìm các anh em (hoặc anh em ta)*”. Những Kitô hữu tiên khởi gọi nhau bằng anh và chị. Lối xưng hô này dần dà quên dần qua các thế kỷ, để chỉ được dùng trong một vài trường hợp ngoại lệ, áp dụng cho các thành phần của các nhà dòng, nhà tu. Việc hạn chế này, cũng như lối dùng chữ sai lệch này làm suy giảm ý thức về tình huynh đệ Kitô hữu. Và bên cạnh vấn đề ngôn ngữ, ta lại còn chứng kiến lối sống Kitô hữu liên hệ đến cách xưng hô đó.

Ngày nay, các cộng đồng mới xuất hiện nhằm phục hoạt mỗi tình huynh đệ ưu tiên ấy giữa Kitô hữu với nhau. Có thể nói rằng then chốt của việc canh tân Giáo-hội thực sự là ý thức lại tình huynh đệ giữa Kitô hữu với nhau.

“Với mọi giá phải cấp tốc tạo lại một cộng đồng căn bản, trong Giáo-hội, biết xây dựng một mối tương quan huynh đệ chân thành, nếu không, thì tình trạng nguội lạnh, hờ hững và phân tán sẽ tiếp tục hủy hoại chúng ta, dù có làm đủ cách để cải đổi và cố gắng tập hợp”¹⁴

Chúng ta phải kiến tạo lại mối tương liên trong các họ đạo chúng ta để xây dựng thành những cộng đồng thật sự chứ không phải là một lối tập hợp vô danh; cộng đồng họ đạo là nơi mà mỗi nhóm riêng qui về để cùng nhau dâng thánh lễ chủ nhật và cùng thực hiện các sáng kiến cần thiết.

Thách đố của các giáo phái

Không những chúng ta buộc phải đương đầu với hiện tượng rút lui của Kitô giáo, mà còn chứng kiến sự gia tăng dồn dập các giáo phái. Hấp lực của các giáo phái cho chúng ta thấy rõ nguy cơ thập tử nhất sinh của nếp sinh hoạt rã rời, thiếu sinh lực của các họ đạo chúng ta, vì các mối tương giao huynh đệ nơi đây như chỉ còn thoi thóp. Nhu cầu gặp gỡ những người anh em, đặc biệt là lớp người trẻ, là nhu cầu thật sự khẩn thiết: các bạn trẻ muốn có một cộng đồng những người trẻ để thấy mình được coi trọng và lắng nghe. Và nhu cầu ấy cũng là nhu cầu chung cho mọi Kitô hữu muốn sống đời sống tôn giáo mình, một đời sống thường đi ngược với trào lưu của thế giới chung quanh. Kitô hữu cần đến những người anh em, chấp nhận thực thi các đòi hỏi của Phúc-âm, chấp nhận các hậu quả của nếp sống ấy trong cuộc sống hằng ngày của mình.

¹⁴ J.P.Audet, ***Le projet évangélique de Jésus***, Foi Vivante- Aubier 1969, tr.148.

Khi nhấn mạnh đến nội dung “Dân Chúa” trong lời định nghĩa về Giáo-hội, Công đồng Vaticanô II đã kêu gọi Kitô hữu khám phá lại mối tương quan nền tảng nhất: Phép rửa, và tình huynh đệ Kitô giáo giữa tất cả những người đã chịu phép rửa, tình huynh đệ phát sinh từ phép rửa ấy.

Không có lý do gì để lo ngại là mối liên hệ huynh đệ giữa Kitô hữu với nhau có thể ngăn cản không cho họ mở ra với thế giới. Họ nên một trong Chúa Giêsu Kitô, nhưng sự hiệp nhất của họ là dấu chứng của Công giáo tính: họ nên “một” để thế giới tin. Họ nên “một” để tình huynh đệ của họ được chứng thực, linh hoạt và tác động; tình huynh đệ ấy tự nó là một dấu chỉ để họ nhận ra lý lịch Kitô hữu chân thật nơi chính họ. Sống trong một thế giới đang dần chết vì không biết đến Chúa Giêsu Kitô, người người đang xâu xé nhau, Kitô hữu có sứ mệnh chứng thực cho mọi người chứng kiến tình huynh đệ nhân loại chân thật, phát sinh từ nguồn suối sâu kín của chính con người: nguồn suối ấy là Đức Giêsu Kitô, Con duy nhất của Thiên Chúa, theo lời nói của Charles de Foucauldù: *Ngài là người anh em chung của mọi người.*

Chương IV

Trước thềm thời đại mới

*Hỡi bạn đang chiến đấu, đừng bao giờ thất vọng;
vì nếu bạn mất đi niềm hy vọng, thì làm sao bạn gặp được điều vượt trên mọi ước mong.*
Héraclite

1- Phục hoạt niềm hy vọng Kitô giáo

Sinh lực thật sự của một Kitô hữu chính là hy vọng. Thánh Phêrô còn tuyên bố mạnh mẽ rằng môn đệ Chúa Kitô “*lúc nào cũng phải sẵn sàng minh chứng cho mọi người thấy niềm hy vọng nơi mình*” (1 P. 3, 15). Hy vọng là một yếu tố làm nên nhân tính của chúng ta. Ngày nay, nội dung này không còn được người ta xem trọng, vì nghĩ chẳng qua đó là một loại thuốc an thần hay là một lối né tránh vấn đề.

Cần phục hoạt lại tầm quan trọng của niềm hy vọng Kitô giáo, vì lúc này hay trước đây, thì nó vẫn là năng lực Chúa ban (= nhân đức đối thần), nghĩa là một nhân đức xuất phát và đặt nền tảng nơi chính Thiên Chúa và chỉ dựa vào Ngài mà thôi. Nó bắt chập những thống kê, tính toán xác suất, hay nhãn quan của chúng ta. Nó làm cho chúng ta ngỡ ngàng. Chúa đã phán rằng: “*Ý nghĩ của các người không phải là ý nghĩ của ta, và con đường của ta không phải là lối đi của các người*” (Is. 55,8). Hy vọng là sức mạnh do từ Thiên Chúa, là Đáng làm chủ điều con người không thể với đến được.

Thời buổi này đòi hỏi chúng ta vượt lên tâm trạng lạc quan hảo huyền, dễ dãi, những tính toán quá trần tục; thúc bách chúng ta nâng niềm hy vọng lên đến ngọn nguồn tốt đỉnh của nó: đó là Lời của Chúa và tình yêu vô tận, trung kiên, bền vững của Ngài. Tất cả các sự kiện này đều giúp chúng ta thấy mình đang ở vào một trong những khúc ngoặt của lịch sử Giáo-hội, Thánh Thần Chúa tác động mâu nhiệm về sự chết và sự sống lại, dẫn đưa chúng ta đến những chiều kích sâu xa, mới mẻ. Thời điểm này đúng là lúc chúng ta cần trầm tĩnh, chăm chỉ lắng nghe “*điều Thánh Thần nói với các Cộng-đồng Giáo-hội*” (Kh. 2, 29).

Cộng-đồng đã được thực hiện : đó là một hồng ân vô giá. Cộng đồng mở ra nhiều viễn ảnh mới, vạch ra những đường nét quan trọng nhằm canh tân Giáo-hội. Nhưng việc triển khai và thực thi các đường hướng nền tảng này là phận vụ của Giáo-hội sau Công đồng.

Các nghị phụ không phải không biết rằng công việc tương lai Giáo-hội phải chu toàn vượt lên trên sức lực của con người. Các ngài đã từng nói rõ: “*Chính Thánh Thần canh tân Giáo-hội, dùng ơn thánh của Ngài để dạy dỗ và hướng dẫn, lấy sức mạnh của Phúc-âm để phục hoạt cho cường tráng*” (*Hc Lumen Gentium*). Cần cần nhắc từng chữ một; chúng ta cần biết vượt lên trên thế giới chỉ biết có con người với những giới hạn của nó, để hướng nhìn về Chúa Thánh Thần. Người viết sử sau này hẳn sẽ nói rằng Công-đồng đã mở ra một vài cửa sổ của Nhà-hội, đưa một làn gió mát đầu tiên của mùa xuân lưu chuyển trong các cộng đồng. Nhưng Thánh Thần còn dùng nhiều con đường, nhiều phương thế canh tân khác nữa. Suốt nhiều thế kỷ, Ngài đột nhiên dấy lên ngọn triều ân sủng, qua cuộc đời của một vài vị thánh chi phối nếp suy tư và hành động của thời đại mình. Phanxicô, Đaminh, Catarina Xiêna, Inhaxiô, Têrêxa Avila đều đã chứng thực sự hiện diện của Ngài trong những ngày tháng cực kỳ khó khăn cho Giáo-hội.

Đức tin cũng còn cho chúng ta thấy được rằng khổ đau là mầm sống. Những khổ đau ngày nay của Giáo-hội phải thúc đẩy chúng ta hy vọng; và sự việc đó không có gì là bất thường; đúng như thế, vì không có gì phong phú và hứa hẹn cho tương lai hơn là Ngày Thứ Sáu Tuần-thánh.

2- Niềm hy vọng linh hoạt

Sống hy vọng một cách trung thực đối với Kitô hữu còn phải được hiểu là chia sẻ niềm hy vọng của mình cho kẻ khác. Đền tháp lên không phải để lấy thúng úp lại. Ánh sáng tự bản chất là để chiếu soi cho mọi người. Bỏ phận làm tông đồ cần được ghi khắc trong cuộc sống đức tin của chúng ta. Cuốn giáo lý xưa khi chúng ta còn bé đưa ra câu hỏi đầu tiên thế này: *Chúng ta được tạo dựng để làm gì?* Câu trả lời là: Để biết, yêu và phục vụ Chúa. Và câu trả lời ấy dừng lại ở đây! Người ta quên thêm: và để làm cho kẻ khác biết, yêu, phục vụ Chúa. Thiều sót đó đã tạo cho chúng ta thói quen có một cái nhìn phiến diện về ơn kêu gọi làm Kitô hữu của chúng ta, và không hiểu được rằng làm việc tông đồ là làm cho mình thành người có đạo. Chúng ta phải nghiêm chỉnh thú nhận là Giáo-hội (xét về mặt Giáo quyền) trong quá khứ đã không nhấn mạnh đủ về bổn phận mang niềm hy vọng Phúc-âm đến cho mọi người, và đã không thúc bách thực thi niềm hy

vọng Kitô giáo bằng những hành động cụ thể. Bản văn cuốn Giáo-lý công-giáo số 1818 nhắc lại đúng lúc: “Đức tông cây chu toàn những ước vọng thúc đẩy các sinh hoạt của con người”.

Một trong những nhà thần học lớn của chúng ta, linh mục Avery Dulles, S.J. đã nói đến tình trạng tinh ngộ của Kitô hữu về bốn phạm rao truyền Phúc-âm trong thời gian qua, tại một cuộc hội thảo quan trọng ở Đại học Fordham với chủ đề: “Đức Gioan Phaolô II và công cuộc rao truyền Phúc âm mới”. Qua một vài nhận xét, nhà thần học này trước hết cho chúng ta biết rằng Công đồng Vaticanô I chỉ dùng đến thành ngữ Phúc-âm một lần và không hề dùng đến thành ngữ rao truyền Phúc-âm lần nào hết. Trái lại, Công đồng Vaticanô II đã nhắc lại chữ này đến 157 lần. Thế nhưng, người ta có lắng nghe và thật sự hiểu về nội dung chữ này hay không?

Avery Dulles trả lời thế này:

“Đa số người công giáo không lưu ý về công cuộc Phúc-âm hóa. Chính từ ngữ này đối với họ có một âm hưởng tin lành. Giáo-hội công giáo nặng về định chế, bí tích và phẩm cấp trong các cơ cấu của mình. Sinh hoạt ưu tiên tập chú vào việc giảng dạy và mục vụ cho giáo dân của riêng mình; nhu cầu và đòi hỏi của cộng đồng khép kín này chiếm hết tâm tư và sinh hoạt của thể chế.

Người công giáo ngày nay, đôi khi lưu ý đến vấn đề hòa bình và công lý, nhưng chủ yếu bị thu hút bởi những vấn đề nội bộ của Giáo hội mình, nên tương đối cảm thấy ít có trách nhiệm để truyền bá đức tin. Nhưng Giáo-hội có trung thành với sứ mệnh rao truyền Phúc âm thì mới có thể hy vọng cống hiến một cái gì đặc biệt của mình cho các sinh hoạt xã hội, chính trị và văn hóa.

Và để kết luận diễn giả nói:

Trong nhiều thế kỷ, Phúc-âm-hóa (rao truyền Phúc-âm) chỉ là đưa con nghèo, ít được tiếp nhận trong gia đình Giáo hội. Ngay cả khi chữ này đã được nói đến, thì Phúc âm-hóa cũng chỉ được xem là một việc phụ thuộc, một ơn gọi đặc biệt dành cho vài linh mục và tu sĩ nam nữ nào đó.

Dường như ngày nay, chúng ta đang chứng kiến một Giáo-hội công giáo mới, thực sự rao truyền Phúc-âm, mà không mất đi những chiều kích trí thức, bí tích, xã hội”.

Làm sao có thể không chia sẻ cho mọi người niềm hy vọng phát sinh từ chính đức tin của chúng ta! Làm sao có thể không tin tưởng vào Thánh Thần đang thúc đẩy Kitô hữu phục hoạt sức mạnh canh tân cuộc sống đức tin của họ, thực thi niềm hy vọng giữa mọi người!

Phần II

**Kitô hữu được Chúa Thánh Thần
ban sự sống**

Chương V

Lễ hiện xuống khởi nguyên xây dựng nên Giáo-hội

*Nhu cầu khẩn thiết nhất của Giáo-hội
luôn là sống Ngày Hiện Xuống*
Đức Phaolô VI

Khi từ giã các tông đồ để về trời, Chúa Giêsu dặn dò các vị đừng đi xa khỏi Giêrusalem, nhưng đợi chờ lời hứa của Chúa Cha; Ngài nói với họ: “*Anh em đã từng nghe Thầy nói: Gioan làm phép rửa bằng nước, còn anh em trong ít ngày nữa sẽ chịu phép rửa trong Thánh Thần*”. (Cv. 1,4-5)

Vâng lời Thầy, các tông đồ trở lại Giêrusalem, đến Nhà Hội, nơi “*Phòng Cao*”, là chỗ họ thường gặp gỡ nhau. Họ ở đây chờ đợi lời hứa ấy được thực hiện; họ chung lòng kiên trì cầu khẩn, mong chờ và hy vọng, hiệp thông với Đức Maria, Mẹ Chúa Giêsu.

Sách Tông-đồ Công-vụ kể lại sự kiện Chúa Thánh Thần xuất hiện cho nhóm tiên khởi gồm một trăm hai mươi môn đệ, trong ngày Hiện Xuống, qua một cơn gió mạnh làm rung chuyển ngôi nhà, và qua những lưỡi lửa giống nhau đổ xuống trên đầu mỗi người.

Ơn Thánh Thần tuôn tràn lần này đánh dấu việc Giáo-hội khai sinh trước mọi người: Ôn ấy đã biến đổi các tông đồ, từ sợ hãi và run rẩy, trước hết là Phêrô, thành những chứng nhân can

cường của Chúa Kitô; từ nay họ sẽ can đảm và mạnh dạn lên đường rao truyền Chúa Giêsu Đấng chịu đóng đinh đã thực sự sống lại và là Đấng hằng sống; họ chứng thực lời rao truyền của mình bằng những dấu chỉ và những việc lạ lùng, và bằng cả việc tuân đạo.

1- Ngày Hiện Xuống tiếp diễn

Nhưng ơn Thánh Thần tuôn đổ không phải là một sự kiện hoàn toàn thuộc về quá khứ: Ngày Hiện xuống như một kinh nghiệm biến đổi nhờ sức mạnh Chúa Thánh Thần vẫn luôn tiếp diễn trong Giáo-hội.

Sách Tông-đồ Công-vụ đã từng ghi lại nhiều kinh nghiệm khác về việc Chúa Thánh Thần rõ ràng đã can thiệp và thúc đẩy những cuộc trở lại, những lần chữa lành bệnh, những định hướng mục vụ mới mẻ. Ngày Hiện xuống vẫn còn tái diễn hôm nay.

Gần đây, khi loan báo việc tổ chức Côngđồng, Đức Gioan XXIII không ngần ngại tuyên bố rằng đây là một ơn đặc biệt của Chúa Thánh Thần; và xin các Giám mục hiệp lòng với Đức Maria cầu xin Chúa Thánh Thần: *“thực hiện lại những việc lạ lùng trong thời buổi chúng ta như một Ngày Hiện Xuống mới”*.

Sau vị Giáo-hoàng này, Đức Phaolô VI lại xác quyết *“nhu cầu khẩn thiết nhất của Giáo-hội là luôn luôn sống Ngày Hiện Xuống”*.

Ngày nay, Đức Gioan-Phaolô II nhiều dịp cũng đã lặp lại rằng công cuộc rao truyền Phúc âm mới phải mức lấy hứng khởi từ ơn Thánh Thần Hiện Xuống.

Kinh nghiệm về Chúa Thánh Thần trong lời cầu nguyện - (kinh nghiệm hoá cải nội tâm, kinh nghiệm khám phá được sự hiện diện của Chúa Kitô sống bên mình, kinh nghiệm tiếp cận Chúa Thánh Thần, đón nhận các ơn, các đoàn sủng, sức mạnh của Ngài) - có thể chứng thực trước mắt ta qua trào lưu gọi là Canh-tân đoàn-sủng (Thánh Linh); nhưng để đánh dấu tầm quan trọng sâu xa của kinh nghiệm này và tránh các hình thức phân cách giả tạo, nên gọi trào lưu canh tân này là *Canh tân trong Thánh Thần*.

Kinh nghiệm ơn Chúa Thánh Thần như thế là một ơn sủng ban cho toàn dân Chúa, giáo dân cũng như tu sĩ, linh mục, giám mục.

Tất cả chúng ta cần khiêm tốn cầu xin ơn ấy và tin tưởng đợi chờ, vì biết rằng Hiện Xuống luôn tiếp diễn; và như Công-đồng đã nhắc nhở, các đoàn sủng của Giáo-hội thời sơ khai không phải chỉ là chuyện đã qua; Chúa còn muốn nhờ Thánh Thần Ngài thực hiện nhiều ơn lạ lùng trong chúng ta và qua chúng ta.

Những hoa trái của *“phép rửa trong Thánh Thần này”* quá dư tràn, giúp ta nhận ra được một nguồn ân sủng vượt ra ngoài biên giới những nhóm cầu nguyện hoặc là những cộng đoàn gọi là Thánh Linh.

Đây đúng là một cuộc canh tân trong Thánh Thần mà Chúa ban cho toàn thể Giáo-hội, theo ý muốn tự do khôn lường nơi Ngài.

2- Tin vào Chúa Thánh Thần trong Giáo-hội

Khi Kitô hữu đi vào mầu nhiệm Chúa Kitô qua Phép Rửa, thì đồng thời cũng thấm nhập mầu nhiệm sự chết và sự sống lại của Ngài, và tiếp nhận tràn đầy Chúa Thánh Thần.

Khi Kitô hữu được rửa tội trong nước là dấu chỉ của sự tái sinh, thì đồng thời được rửa trong Thánh Thần, Đấng ban sự sống và thánh hóa mình.

Cần phải tin vào sự thánh thiện nguyên sơ này, sự thánh thiện ban cho một cách nhưng không; chúng ta dần hồi sẽ thực hiện các đòi hỏi toàn bích hơn của sự thánh thiện ấy qua cuộc sống của mình. Đây là bối cảnh đảo ngược với quan điểm thông thường của chúng ta: sự thánh

thiện của Kitô hữu không phải là nỗ lực cố gắng của mình, hoặc tự vươn mình tiến về đỉnh cao mà mình chưa thấy, nhưng đúng là sự hoàn thành điều mà Chúa đã xướng xuất.

Trong Kinh Tin-kính, Giáo-hội được gọi là *“duy nhất, thánh thiện, công giáo và tông truyền”*. Thuộc tính đầu tiên trong bốn thuộc tính của Giáo-hội là sự thánh thiện. Giáo-hội đã được gọi là thánh trong những lời diễn tả xưa nhất của Kinh Tin kính.

Có thể thành ngữ xa xưa nhất là: *Tôi tin vào Chúa Thánh Thần trong Hội-thánh..* Sự thánh thiện của Giáo-hội xuất hiện như là ơn khởi phát của Thánh Thần. Kitô hữu thời trước đã có lý khi nói đến *“Hội-thánh Mẹ chúng ta”*. Những chữ này không phải là lời nói đạo đức, nhưng là lời tuyên xưng đức tin. Chúng ta tin vào Giáo-hội là Mẹ siêu nhiên, ban cho chúng ta sự sống và sự thánh thiện.

Giáo-hội mà đức tin chúng ta tuyên xưng không phải là một tập thể hoặc toàn thể những ai nêu tên đức Kitô với tư cách cá nhân hay với tư cách cộng đồng. Giáo-hội có một sự hiện hữu, một sự trường tồn đi trước và vượt lên sự gia nhập một cách ý thức của các tín hữu vào Chúa Giêsu Kitô và vào một cộng đoàn nào đó mà họ là thành phần. Giáo-hội kỳ thực vừa là cộng đồng mà chúng ta cùng nhau xây dựng - Giáo-hội, là chúng ta - và vừa là người Mẹ bồng ẵm chúng ta, là cộng đoàn Mẹ thánh cho chúng ta sự sống của Thiên Chúa, trong Đức Kitô và nhờ Chúa Thánh Thần.

Giáo-hội mà đức tin chúng ta tuyên xưng thánh thiện từ khi phát sinh. Sự thánh thiện ấy của Giáo-hội không phải là tổng cộng các thánh làm nên, các thánh mà Giáo-hội đã sinh ra; nhưng chính sự thánh thiện riêng nơi Giáo-hội - sự thánh thiện của Đức Kitô và của Thánh Thần Chúa nơi Giáo-hội - nảy sinh hoa trái nơi chúng ta. Không phải các thánh làm ta bái phục, nhưng chính Chúa và chỉ có Ngài là đáng bái phục trong các thánh của Ngài.

Theo ý nghĩa đó, Giáo-hội là trung gian mang sự thánh thiện của Chúa đến cho chúng ta. Giáo-hội là một bà mẹ sinh ra các thánh, là những người được Giáo-hội tài bồi. Theo đúng từ ngữ, chúng ta không phải cố *“trở thành”* những vị thánh, nhưng phải bảo tồn và làm triển nở sự thánh thiện nguyên sơ nơi chúng ta.

3- Chúa Thánh Thần trong công cuộc Phúc-âm-hóa mới

Người ta thường có thói quen xấu cứ nghĩ rằng canh tân Giáo-hội đóng khung trong việc tổ chức lại, thích ứng với các thể chế bên ngoài, với các loại cải cách cơ cấu theo các định chế thế tục. Một Giám mục Pháp, Đức cha Matagrín, có lần viết cho tôi câu này: *“Chúng ta có khả năng làm ra các ống dẫn và các đường mương, nhưng chúng ta không đủ sức làm trào vọt lên một nguồn suối”*.

Đức Gioan XXIII không phải không biết đến việc cần thiết phải thực hiện một số cải cách, nhưng ngài đã đi sâu vào vấn đề, vào ngọn nguồn của sự việc, khi kêu gọi Kitô hữu đón nhận ơn Chúa, để chu toàn một mùa Hiện xuống mới trên Giáo-hội. Giáo-hội luôn luôn phải xây dựng lại trên nền tảng mà Giáo-hội đã từng được xây dựng, nghĩa là trên Phòng Cao, nơi kinh nghiệm nền tảng khởi thủy, đó là biến cố Hiện Xuống.

Công cuộc canh tân mà người ta có thể chờ đợi nơi mùa Hiện Xuống mới, trước hết không phải là canh tân bên ngoài, nhưng canh tân tận căn nguồn, trong việc người ta tự do để cho Chúa phục hoạt lại hồng ân phát xuất từ chính Ngài. *“Ước gì người biết được ơn của Chúa”*. Dân dè ơn Hiện Xuống đầy ứ thấm nhuần cả thân thể, tỏ hiện ra trong các hình thức bên ngoài.

Nếu Công-đồng được xem là một biến cố Hiện Xuống thì hoa trái thật sự của Công-đồng sẽ là những ai mang dấu ấn của Thánh Thần. Một trong những nét cá biệt thiết yếu nơi hành động của Chúa Thánh Thần là đặc tính bất ngờ, vượt lên trên tiên liệu do chúng ta chủ xướng. Hành động của Chúa luôn có tính cách khác thường, thể hiện sự nhưng không và siêu việt của Ngài.

Nên sau Công đồng, các hoa trái của Thánh Thần có thể đã xuất hiện nơi mà ta không ngờ và không xuất hiện nơi mà ta chờ mong. Những chờ đợi quá thuần túy trần tục có thể không được thoã mãn. Những tiên liệu có thể đã không được thực hiện.

Trái lại, những mầm sống đã nảy sinh nơi mà người ta ít mong mỏi hơn cả. Một mùa xuân như đã lộ dạng nơi sâu kín của các tâm hồn, nơi các nhóm căn bản, nơi những người bé nhỏ. Điều đáng làm ta lưu ý là những công cuộc canh tân lớn lao trong Giáo-hội thường khai sinh ra nơi khiêm hạ, trong chiều sâu kín của tâm hồn con người nam nữ hoặc trẻ em bình dị.

Thiên Chúa gieo vào trong tâm hồn kẻ khiêm tốn, những người bé nhỏ, những kẻ ẩn kín vô danh. Tin-mừng của Chúa phải giải dầm trong kín đáo trước khi chiếu sáng ra nơi công chúng. Kinh-thánh đã viết là thiên thần nói lời này với các mục đồng “*Này tôi báo cho anh em một tin mừng trọng đại, cũng là tin mừng cho toàn dân*” (Lc. 2, 10).

Thánh Phaolô nhắc chúng ta rằng cái gì nghèo, cái gì yếu, cái gì không đáng là cái gì cả, thì chính Chúa đã chọn cái đó. Những điều cao cả, vĩ đại không sinh ra giữa ban ngày tỏa rạng. Chúa khơi chúng xuất hiện nơi thâm kín, trong im lặng, trong đêm, và chính những người khiêm hạ là những người đầu tiên nhận ra được. Đó là dấu chỉ của Thánh Thần.

Như vậy mầm đã gieo âm thầm và lớn lên trong Chúa Thánh Thần qua Công-đồng có thể tượng trưng rõ rệt ở đâu? Con đường giáo dục của Chúa vẫn là một; qua những cuộc khai sinh và phục hoạt tiếp nối trong lịch sử thánh của nhân loại, con đường của Chúa thể hiện mối liên hệ sâu xa và tiếp cận kín đáo giữa Thánh Thần và những người khiêm hạ.

Hình ảnh Mẹ Maria tức khắc xuất hiện trước mặt chúng ta. Một mối liên hệ thâm sâu giữa Công-đồng Vaticanô II và biến cố Truyền-tin hé lộ.

Một thiên thần tìm đến Giáo-hội và xin Giáo-hội trở lại làm “*mẹ*” để tái sinh, để đưa sự sống Chúa Kitô vào nhân loại và trần thế. Giáo-hội của con người cảm thấy mình cần cỗi, đuối sức không kham nổi sứ mệnh rao truyền Phúc-âm, mất nhuệ khí để gieo vãi đức tin vào thế giới trước mắt, nhất là cho giới trẻ. Cũng như vào lúc truyền tin, Giáo-hội đã ngạc nhiên, đã thắc mắc như Maria: “*Làm sao việc đó có thể xảy ra được*”. Cảm nghiệm về nỗi bất lực đó của con người nơi Maria cũng là cảm thức bất lực của Giáo-hội trước phận vụ phải chu toàn sứ mệnh làm mẹ, làm nảy sinh đức tin và truyền bá Phúc-âm. Bây giờ, Giáo-hội có thể đương đầu với cảm dỗ ngỡ vực, thất vọng, hoặc cảm dỗ tinh tế hơn đó là chuyển qua một lối thoái thác khác: hoạch định thiết kế cơ cấu, tổ chức lập chương trình, thích ứng, tục hóa...

Nhưng Giáo-hội có thể nói xin vâng với Thánh Thần, Giáo-hội làm như Maria và với Maria để có thể đi xa hơn nữa vào mầu nhiệm Chúa Thánh Thần.

“Thánh Thần sẽ ngự xuống trên bà và quyền năng Đấng Tối Cao sẽ phủ bóng trên bà, vì thế người con sinh ra sẽ là thánh và được gọi là Con Thiên Chúa” (Lc. 1, 35). “Và đây, chính Thầy sẽ gửi cho anh em điều Cha Thầy đã hứa. Còn anh em hãy ở lại trong thành, cho đến khi nhận được quyền năng từ trời cao ban xuống” (Lc. 24, 49).

Làm sao có thể quên lời nói của Karl Rahner: “*Tiếng xin vâng của Maria đã là lời khởi đầu của Giáo-hội* “. Ngày nay, dường như Giáo hội phải nói lại lời khởi nguyên này, lời đã khai sinh và tái sinh Giáo-hội, lời *xin vâng* của Mẹ với Thánh Thần, để trong Mẹ và do Mẹ công cuộc nhập thể của Đức Kitô là Chúa và là Đấng Cứu độ cho mọi chiều kích của con người và cho mọi người, được hoàn thành trong thời đại chúng ta. Vaticanô II đã là một lời kêu cầu Thánh Thần và còn là như thế. Những dấu chỉ tiên phong của một Mùa Hiện xuống mới đã xuất hiện trong Giáo-hội và trên thế giới. Chúng ta có đủ sức để nhận ra không?

Chúng ta có thể còn nghe được tiếng hô của Isaia nói với dân chúng:

“Đừng bám riết quá khứ, đừng dừng lại điều đã không còn nữa. Này: ta đã bắt đầu một công trình mới. Người không nhận ra sao? Vâng, ta sẽ đắp một con đường trong sa mạc, sẽ vạch những nẻo đường trong hoang địa”.

Chương VI

Đón nhận Maria là mở cửa

đón Chúa Thánh Thần

*“Giáo-hội phải tìm lại tuổi xanh,
bằng cách tìm lại Người Mẹ của mình”*
Hong y Decourtray

1- Mẫu-nhiệm Nhập-thể làm cho chúng ta thành thần thánh

Chúng ta chưa nắm bắt được chiều kích của tiếng “*Xin vâng*” của Mẹ Maria trong mẫu nhiệm Nhập thể vì chúng ta nhìn sự kiện này dưới nhãn quan quá trần tục. Chúng ta quên hoặc không nhấn mạnh đến khía cạnh siêu nhiên: Con Thiên Chúa đã làm người để con người trở thành con Thiên Chúa trong Ngài. Có hai chiều luân chuyển: một chiều đi xuống và một chiều đi lên.

Chúng ta đã cố thắm nhập khía cạnh “Ngài đến giữa chúng ta” trong khung cảnh huy hoàng của đêm Giáng-sinh; chúng ta thờ lạy Chúa Hài đồng với các mục đồng và các nhà chiêm tinh, nhìn ngắm khuôn mặt rạng rỡ của Maria và Giuse.

Nhưng có một chiều kích khác: trời cao đã đến với chúng ta để đưa chúng ta về trời. Mẫu nhiệm Nhập thể là khởi nguyên làm cho chúng ta thành thần thánh. Trong Đức Giêsu, Con một của Thiên Chúa, chúng ta trở thành nghĩa tử của Thiên Chúa.

Không phải chỉ có sự kiện trời hé mở để Con Thiên Chúa đi vào trần thế, nhưng cuộc giáng trần kỳ diệu ấy cũng đang mở cửa để chúng ta đi vào gia đình Thiên Chúa Ba Ngôi, mặc dù bước đường đi lên của chúng ta còn ẩn kín, nhưng nó hiện thực.

Nhìn từ trên cao xuống, chúng ta chiêm ngắm Chúa Cha, Đấng ban Thánh Thần cho chúng ta trong Chúa Con và nhờ Chúa Con. Đó là then chốt của mẫu nhiệm mà thiên thần truyền báo cho Maria: “*Thánh Thần bao phủ bà bằng bóng dọi của Ngài*” (Lc. 1, 35). Nhưng đó cũng là chìa khóa đưa chúng ta vào mẫu nhiệm thần-hóa chúng ta. Công cuộc thần-hóa này cũng do Thánh Thần ấy, là Đấng mà Chúa Cha và Chúa Con gửi đến cho chúng ta vào ngày Hiện Xuống. Anh em sẽ được rửa trong Thánh Thần. Đó là lời “*đối xứng*” với lời của thiên thần trong lần truyền tin đầu tiên cho Maria.

Cuộc gặp gỡ đất-trời nhờ Thánh Thần và lời “*xin vâng*” của Maria trong buổi truyền tin, bao trùm mẫu nhiệm Nhập thể. Tiếng xin vâng nói với con Thiên Chúa, Đấng Cứu độ nhân trần, đến để thần-hóa con người bằng cách thông ban Thánh Thần của Chúa Cha và Chúa Con; công cuộc thần-hóa ấy đúng là hoa trái của ơn cứu độ. Tiếng *xin vâng* này là trần thế xin vâng theo “*chương trình của Thiên Chúa*” được thực hiện trên Maria; Maria nói “*xin vâng*” nhân danh toàn nhân loại.

Theo cái nhìn của Thiên Chúa, mẫu nhiệm Nhập thể của Đức Giêsu không tách rời khỏi việc khai sinh ra Giáo-hội, vì Giáo hội là thân thể Chúa Giêsu Kitô, được Thánh Thần thông truyền và quảng bá cho nhân loại. Vào ngày Hiện Xuống, mẫu nhiệm Nhập thể mở ra cho trần thế nhìn thấy; đây là thời mới của Thiên Chúa, là kỷ nguyên mới bắt đầu thời của Thánh Thần.

Tiếng xin vâng đầu tiên của Maria đã hàm ngụ tiếng xin vâng trong ngày Hiện Xuống; Maria lần này nói tiếng xin vâng để khai sinh công cuộc rao truyền Tin Mừng, vì từ nay Chúa Kitô hành động nhờ Thánh Thần. Maria Mẹ Chúa Giêsu, Mẹ trở thành Mẹ của Giáo-hội. Mẹ thân xác tiếp nối làm Mẹ tinh thần, nghĩa là Mẹ trong Thánh Thần. Không bao giờ được phân rẽ điều mà Chúa đã kết buộc: “*Maria và Thánh Thần*”.

Chúng ta có thói quen chỉ đặt Đức Maria trong khung cảnh của mẫu nhiệm Nhập thể “từ trên xuống”. Chúng ta cũng cần phải định vị vai trò của Mẹ ở tiền trình “đi lên” trong kỷ nguyên mới bắt đầu từ ngày Hiện Xuống của Thánh Thần.

Thánh Phaolô gọi Đức Kitô là *Thần ban sự sống* để nhấn mạnh rằng chúng ta đã đi vào kỷ nguyên của Thánh Thần. Và Maria là người đầu tiên đi vào thời đại ấy, thời đại của Giáo-hội. Chúng ta gọi Giáo-hội là "*Hội-thánh Mẹ chúng ta*". Và chúng ta gọi Maria là Mẹ của Giáo-hội.

Chúng ta chưa ý thức rõ ràng, không phải là hai chức làm mẹ ở gần nhau, nhưng kỳ thực chỉ là *một* thân phận làm mẹ chúng ta nơi Maria, nối dài đến Giáo-hội hữu hình đang sinh ra những người con qua nước của bí tích Rửa tội. Chúng ta phải đón nhận Maria vì Đấng sinh ra cho chúng ta trong Mẹ là do Chúa Thánh Thần. Chúng ta đón nhận Mẹ Maria, là chúng ta mở lòng tiếp nhận Thánh Thần.

Chúng ta còn chấp chững lần mò tiến đến kho tàng "*bí nhiệm của Ngày Hiện Xuống*". Maria có mặt ở Phòng-hội lúc ấy, ở giữa một trăm hai mươi môn đệ. Đây không phải là sự trùng hợp bất chùng, nhưng là để Mẹ khai nguyên một đàn con mới vào lúc mà Người *Con duy nhất của Mẹ khai nguyên "một mùa rao giảng Tin-mừng mới"* trong Thánh Thần và do Thánh Thần.

Kỳ thực, sự kiện đó đã qua. Sứ mệnh của Chúa Giêsu nay là sứ mệnh của Đức Kitô phục sinh và hằng sống, thực hiện nhờ Chúa Thánh Thần.

Chính Thánh Thần sẽ dần dần mặc khải cho chúng ta những gì chúng ta chưa từng hiểu thấu; chính Ngài sẽ thực hiện nơi chúng ta những việc trọng đại, còn hơn cả những gì Chúa Giêsu đã làm lúc còn tại thế. Chính Thánh Thần - là thần trí của Ngài - ban sự sống cho Giáo-hội và đẩy lên các vị thánh.

Tôi tin Thánh Thần "*ban sự sống*". Và Maria kết hợp với Thánh Thần luôn mãi. Mẹ tiếp nhận mọi sự từ Chúa Thánh Thần. Maria làm mẹ nhằm giúp chúng ta biết rằng cần phải để Chúa Thánh Thần làm mọi sự trong chúng ta. Mẹ được đưa về trời là việc làm của Thánh Thần, Đấng chu toàn công trình tạo dựng của Thiên Chúa, "*đây là sứ mạng hoàn thành*".

Giao ước "*Thánh Thần - Maria*" này giúp chúng ta hiểu chương trình tạo dựng theo hình ảnh và giống Chúa; và để trung thực với hình ảnh của mình, Ngài đã dựng nên con người là đàn ông và phụ nữ. Đã có một truyền thống nhìn Chúa Giêsu là Adam mới và Maria là Evà mới. Truyền thống ấy cho thấy có sự bổ sung phong phú.

Đây không phải là hai thành phần bình đẳng: Giêsu - Maria. Nhưng có một sự bổ sung về vai trò và chức năng, có một khía cạnh "*nữ*" nơi Maria, đóng vai trò đặc biệt của mình, mà Phúcâm đã ghi, chẳng hạn ở tiệc cưới Cana. Có một khía cạnh "*nữ*" trong Giáo-hội.

Linh mục Da Haes đã từng nói: "*Maria, đó là Giáo-hội toàn hảo*". Nhưng đừng nên nhân đôi vai trò của Chúa Giêsu, rồi vai trò Đức Maria. Không phải như thế, vai trò của Maria không nằm trong khung cứu độ. Chỉ có Chúa Giêsu là Đấng trung gian, là Đấng Cứu-độ. Nhưng Maria tiếp nhận ơn cứu độ duy nhất ấy và giúp mọi người mở rộng lòng đón nhận ơn ấy.

Kết hợp Giáo-hội khải hoàn và các thánh với Maria, công trình đặc biệt của Chúa, là ca tụng vinh quang Chúa. Maria là Nữ-vương Thiên đàng và các thiên thần. Mọi hành động của Mẹ là Thánh Thần ở trong Mẹ và nhờ Mẹ. Đó là Thánh Thần của Chúa Con. Đó là Thánh Thần của Chúa Cha. Toàn thể con người Maria là trong Chúa Thánh Thần và trong Chúa Kitô.

Chỉ có Chúa Thánh Thần mới cho chúng ta biết về Maria. Chính Chúa Thánh Thần dạy Maria gọi tên "*Giêsu*". Chính Chúa Thánh Thần chuẩn bị Maria để chu toàn sứ mệnh của mình, khi Ngài tạo dựng nên Mẹ toàn thánh, hoàn toàn vô nhiễm (làm nhà tạm của Chúa). Maria là sự vinh quang của Thánh Thần, toàn thắng tội lỗi và sự chết, vì Thánh Thần đã phục sinh Chúa Giêsu từ cõi chết.

2- Một giao ước có hai chiều kích

Hồng y Mercier đã viết rằng: "*Kitô giáo là một giao ước của hai mối tình trong Chúa Giêsu Kitô*". Tình yêu Thiên Chúa đến từ trời cao để thực hiện giao ước thần thánh, tình yêu ấy gọi là Thánh Thần. Tình yêu con người từ đất vươn lên gặp gỡ Chúa, được gọi là Maria.

Hẳn nhiên, tình yêu nơi Maria vươn lên gặp gỡ Thánh Thần, thì đã có sự can thiệp của chính tình yêu đi trước của Chúa rồi. Maria đã đón nhận Thánh Thần vào cuộc sống mình, còn Chúa Thánh Thần linh hoạt việc làm của Mẹ.

Đất đã cho hoa trái và trời đổ mưa Đấng Cứu-độ nơi Maria: lời hứa làm nên toàn giao ước cũ nay thực hiện nơi Maria. Mâu nhiệm Nhập thể và tất cả những sự việc phát sinh từ sự kiện này lại nằm nơi mối giao thoa gặp gỡ giữa Thiên Chúa và nhân loại, nơi Israel, dân Chúa.

Chúng ta dừng lại nơi điểm được xem là tâm điểm của mâu nhiệm này: sự gặp gỡ giữa Thánh Thần và Maria. *“Thánh Thần sẽ ngự xuống trên bà và quyền năng Đấng Tối Cao sẽ phủ trên bà...”* (Lc. 1,35).

Đây có phải là một sự kiện lịch sử xa xưa, đã qua đi rồi không? Hay những lời này hé mở cho mọi thời đại trong tương lai một qui luật bất biến về hành động của Thiên Chúa trên trần gian?

Vấn đề nêu lên rất quan trọng. Thu hẹp giao ước của Thánh Thần và Maria vào sự kiện sinh Chúa Giêsu, là giản lược giao ước này ở cấp độ một thời điểm lịch sử; dù có lớn lao cũng chỉ là một giây lát, rồi mọi sự đi vào dĩ vãng. Đó là định vị Đức Maria trong lịch sử, chứ không phải trong hiện tại hay trong tương lai.

Phải chăng đó là điều Chúa muốn? Hay là cần phải hiểu rằng Thánh Thần luôn luôn đến bao phủ Mẹ bằng sức mạnh của Ngài?

Cùng với toàn thể Giáo-hội Công-giáo, chúng ta tin rằng sự kết hợp giữa Thánh Thần và Maria được thực hiện cho muôn thế hệ, giao ước này từ đây không bao giờ hủy bỏ, và đến nay Chúa Giêsu vẫn tiếp tục sinh ra một cách kín đáo trong tâm hồn mọi người, nhờ Thánh Thần và nhờ Mẹ Maria.

Chúng ta tin vào mâu nhiệm này, mâu nhiệm nằm sâu trong công trình cứu chuộc của Chúa, vì, như chúng ta sẽ thấy sau này, Maria và Giáo-hội làm nên một. Đến độ sinh ra từ *“Thánh Thần và Mẹ Maria”* có nghĩa là sinh ra từ *“Thánh Thần và từ Giáo-hội”*; và Phép rửa đem lại cho chúng ta sự sống là kết quả của người mẹ, vừa là hai và vừa duy nhất này, dù bằng phương thức khác nhau.

Mọi việc sùng kính Đức Mẹ Maria mà không biết đến hay xem nhẹ mâu nhiệm này, thì chỉ là một lối sùng kính nặng tình cảm, mơ hồ và thiếu sinh lực. Vì khi tách khỏi căn rễ sâu kín thật sự này, thì lòng sùng kính của ta chỉ như một đóa hoa trồng trong chậu chứ không phải là một cây cổ thụ đâm rễ sâu xuống lòng đất. Nó sẽ bị vùi dập bởi bất cứ ngọn gió nào lướt đến, thay vì là *“cây xanh kia tươi tốt trồng gần giòng suối, nảy sinh hoa trái đúng mùa và cành lá không tàn úa”* (Tv. 1, 3).

Thiên chức làm mẹ của Maria có rễ sâu trong chính mâu nhiệm Nhập thể. Phải luôn trở lại điểm then chốt này. Vì mâu nhiệm Nhập thể đã hàm ngụ ngay cả sự cứu độ rồi. Đấng sinh ra chỉ đến trần gian là để hiến thân làm của lễ tế. Ngài không chết như mọi con người khác vì Ngài đã sinh ra làm người: nhưng Ngài sinh ra là để chết. Ngài sinh ra trong cương vị thầy cả và là lễ tế của ơn Cứu độ.

Những bà mẹ nhân trần sinh con, và các con một ngày kia có thể trở thành tư tế. Đối với các linh mục, phẩm giá tư tế là một ơn nhưng không, không tùy thuộc từ bản tính tự nhiên của họ. Trái lại, Maria là Mẹ của Chúa Giêsu, Đấng sinh ra là tư tế do tự sự kiện Nhập thể này, Ngài là con chiên của Thiên Chúa. Vì vậy thiên chức làm Mẹ của Maria hoàn thành nơi mâu nhiệm Cứu-độ.

Mâu nhiệm Cứu-độ là một mâu nhiệm có hai khía cạnh: nó vừa có nghĩa là Thiên Chúa, Đấng Tối-cao, Siêu-việt, luôn là Thiên Chúa nơi Ngài, đã xuống thế để ở giữa chúng ta. Nhưng nó cũng là một cử chỉ đưa con người lên tham dự chính bản tính của Thiên Chúa.

Chúa làm người, nhưng cứu cánh của mâu nhiệm Nhập thể là thần hóa con người, làm cho con người tham dự vào bản tính của Chúa, trở thành nghĩa tử, được chọn và yêu mến trong Người Con duy nhất của Ngài: đây là một *“cuộc trao đổi kỳ diệu”*, theo lối nói của phụng vụ: Con

Thiên Chúa đã thành người trong Đức Maria để chúng ta thành hình ảnh của Thiên Chúa, nghĩa là được thần hóa.

Thiên Chúa làm người nhưng vẫn là Thiên Chúa, và đồng thời Ngài thần hóa chúng ta, biến đổi thân phận chúng ta, nhưng chúng ta vẫn luôn là người. Chính nhờ tiếng “*xin vâng*” của Đức Maria mà chúng ta đi vào “*cuộc trao đổi kỳ diệu*” này, để được thần hóa như Đức Kitô đã được nhân hoá. Đó là chiều sâu và rộng của Giao ước làm điểm khởi nguyên cho đời sống Kitô hữu, và làm trọng điểm cho mọi công cuộc truyền bá Phúc-âm chân thật.

3- Bước đầu dẫn đến Giao-ước:

Đức Maria vô nhiễm sinh ra đời

Lễ sinh nhật Đức Maria (ngày 18 tháng 9) công hiến cho chúng ta cơ hội để mừng hai giao ước:

- Giao ước đầu liên quan đến trời cao: dẫn đưa chúng ta vào chương trình cứu độ trần thế của Chúa.

- Giao ước thứ hai liên quan đến cuộc sống nhân trần: là gió mát lúc hừng đông, trong buổi sáng đầu tiên.

Nhìn từ trời cao

Đây là một lễ của Ba Ngôi Thiên Chúa; giây phút đầu chuẩn bị Giao-ước sẽ nối Đất - Trời.

- Maria là người con gái mến yêu của Chúa Cha, Đáng chuẩn bị cho Mẹ hoàn thành thân phận cao cả.
- Ngài sẽ là Mẹ Ngôi Lời Thiên Chúa, Đáng sẽ chọn Mẹ làm nơi cư ngụ.
- Ngài là người sẽ nói “xin vâng” quyết định đón Chúa Thánh Thần đến vào lúc Truyền tin.

Nhìn từ phía nhân trần

Chúng ta có thể làm cách nào để mừng lễ sinh nhật Đức Maria, ngày 8 tháng 9 theo niên lịch phụng vụ của chúng ta, một cách sốt sắng và ý thức hơn chăng?, vì chúng ta đã mừng lễ ấy mỗi năm, nhưng chưa đúng mức trong khuôn khổ nếp sống của người Kitô hữu.

Trước hết, mong sao Kitô hữu cố gắng tham dự *Thánh-thể* mà Giáo-hội cử hành trong ngày kỷ niệm sinh nhật Mẹ Thiên-đàng của mình, và lôi kéo thêm người khác cùng tham dự.

Chúng ta giờ đây nên đi vào nội dung của lời kinh mà phụng vụ giúp chúng ta suy niệm trong ngày ấy:

“Lạy Chúa, bởi mầu nhiệm hiệp thông này, Chúa mang lại sức lực cho Giáo-hội Chúa; xin Chúa làm cho Giáo-hội vui mừng, hân hoan vì Đức Trinh-nữ Maria được sinh ra, đem đến niềm hy vọng và bình minh ơn Cứu độ cho trần thế”.

Trên bình diện cuộc sống gia đình, nên chuẩn bị và mừng lễ này ở ngay trong nhà mình; có thể đặt mẫu hình sinh nhật Đức Maria¹⁵ trên bàn thờ trong nhà (ở xã hội Tây phương người ta hay dọn một nơi cầu nguyện ở góc nhà).

¹⁵ Một mẫu tượng giấy có hình sinh nhật Đức Mẹ kèm theo lời chú thích và bài hát do Hội FIAT phổ biến

Ngày lễ này trong phụng vụ cũng có một âm hưởng đặc biệt trong những nơi đã biết đến chuỗi nhỏ FIAT; chuỗi nhỏ này phổ biến rộng rãi trên thế giới, khai sinh vào ngày 08.9.1984. Mẫu nhiệm vui đầu tiên của chuỗi này là *“Sinh nhật của Mẹ Maria”*.

Khi mừng lễ sinh nhật Đức Mẹ, chúng ta chuyển những tình cảm hiếu thảo của mình trong ngày lễ Các bà mẹ (thường rất phổ biến ngày nay) lên đến mức siêu nhiên.

Nhân loại có thể biết hay không biết, nhưng với con mắt đức tin, Maria là Mẹ của toàn nhân loại; Maria là Mẹ của tất cả các bà mẹ. Mẹ là Mẹ của Giáo-hội luôn mãi.

Do đó, lễ sinh nhật Đức Mẹ là một lễ hy vọng hướng đến việc canh tân Giáo-hội. Như Đức Hồng y Decourtray từng nói: *“Giáo-hội phải tìm tuổi xanh của mình, bằng cách tìm cách gặp lại Mẹ mình”*. Trong nỗ lực Phúc-âm hóa mới, việc làm đó đặc biệt cần thiết.

Thánh-bộ Nghi-lễ đã nêu lên một loạt những gợi ý thực tiễn và bổ ích giúp cho việc Mừng Năm Thánh Mẫu mang lại nhiều kết quả nơi các Giáo-hội địa phương. Trong *“ Các hướng dẫn và đề nghị mừng năm Thánh Mẫu ”* (Orientamenti e proposte per l’anno Mariano), thánh bộ lưu ý đến bốn lễ mừng kính Đức Maria đang được phổ biến trong việc sùng kính của dân chúng. Trong những lễ cần phải tôn vinh lại, thánh bộ liên hệ đã nêu lên lễ Sinh nhật Đức Maria.

Thật vậy, tôi nghĩ là lễ Sinh nhật Đức Maria không được Kitô hữu lưu ý đúng mức. Lễ ấy qua đi không ai hay biết, hoặc cũng vì nó được xếp vào phụng vụ của một tuần lễ thường, hoặc vì bị các lễ trọng khác che mờ.

Sinh nhật Đức Maria đáng được Kitô hữu mến chuộng vì lễ ấy nhắc lại ơn huệ duy nhất là *ơn vô-nhiễm nguyên tội*, đánh dấu Đấng sẽ làm Mẹ Đấng Cứu-độ được sinh ra.

Dân chúng sùng mộ muốn chiêm ngắm Chúa Giêsu trong máng cỏ Giáng sinh; nhưng không lưu ý đến nôi của Maria, như muốn để niềm vui này thành niềm vui riêng tư của Thánh Gioakim và Thánh Anna.

Tại sao chúng ta không hiệp thông vào nỗi vui mừng ấy một cách nồng nhiệt hơn? Hãy mừng vui khi Mẹ chúng ta sinh ra: trong lúc thế giới phổ biến ngày càng rộng rãi *“Ngày lễ các bà mẹ”*, Kitô hữu chúng ta cũng nên mừng lễ sinh nhật của Mẹ chúng ta, Đấng đã giúp chúng ta được sinh ra trong ơn Cứu-độ, đặc biệt là trong khung cảnh gia đình chúng ta.

Chúng ta đừng bao giờ quên rằng Chúa Giêsu là Đấng Cứu-độ duy nhất, nhưng tại sao lại quên mừng mẫu nhiệm dọn đường và chuẩn bị cho ơn Cứu-độ đó? Thánh Gioan Damascène hân hoan mời gọi thế này:

“Tất cả anh chị em hãy đến, hãy hân hoan mừng ngày sinh nhật, hãy vui niềm vui của toàn thế giới! Hôm nay, từ bản tính phàm trần, một trời mới đã được tạo thành ở trên trần thế. Hôm nay là khởi đầu ơn Cứu-độ cho nhân trần”.

Phụng vụ ngày nay cho chúng ta hay Đức Maria *“đã mang đến nguồn hy vọng và bình minh ơn Cứu-độ cho trần thế”*.

Khó mà thấy được cảnh trí nào của thiên nhiên gây xúc động hơn là giây phút đến trước lúc mặt trời mọc. Rạng đông công hiện một luồng sáng và hơi ấm toả dần trên cảnh vật. Chào đón ngày sinh nhật Mẹ là đã nhìn nhận rạng đông của ngày Cứu độ là Chúa Giêsu. Chào đón Maria trong buổi Truyền tin là đã nhận Chúa Giêsu, mặt trời mang sự sống cho chúng ta.

Phụng vụ của lễ chế Byzantine, rất lưu ý đến lễ Sinh nhật Đức Maria, ca hát rằng:

“Ngày này là bước đầu niềm vui cho mọi người. Trong ngày này các luồng gió báo tin cứu-độ bắt đầu thổi”.

Chúng ta cũng đón chào ngọn gió đầu Mùa Xuân của ơn phúc trong ngày Sinh nhật Mẹ.

Đức Giáo-hoàng Gioan-Phaolô II đã viết thư cho tôi trong ngày 8.10.1988, khích lệ nhóm FIAT trong sứ mệnh vận động mừng lễ Sinh nhật Đức Mẹ như sau:

“Tôi xin chân thành cảm ơn bức thư đề ngày 19.8 vừa qua, và tỏ bày niềm vui của tôi đối với sáng kiến tốt đẹp của Hồng y và của nhóm FIAT nhằm giúp các gia đình Kitô hữu và tín hữu nhiều nước biết nuôi dưỡng tinh thần và ơn ích của Năm Thánh Mẫu”

1987-1988, đặc biệt mừng lễ Sinh nhật Trinh nữ Maria một cách sốt sắng; “Mẹ là Đấng mang đến nguồn hy vọng và bình minh ơn cứu-độ cho nhân trần”.

Xin Mẹ Rất thánh của Chúa Kitô Đấng Cứu chuộc hỗ trợ ngài trong nỗ lực tông đồ của ngài!

Tôi thành tâm chúc lành cho ngài!

Chương VII

**Kitô hữu
được Chúa Thánh Thần ban sự sống,
người đó là ai?**

*“Kitô hữu là người được Chúa Giêsu Kitô
phó thác kẻ khác cho mình”*

1- Là người đã gặp Chúa Giêsu Kitô

Phúc-âm kể lại cho chúng ta biết là theo lệnh của Chúa các tông đồ đã lên núi để gặp Ngài. Tôi tin rằng *mọi sứ mệnh đều bắt đầu bằng việc gặp gỡ Chúa Kitô.*

Điều làm nên một Kitô hữu, trước hết là việc này: Kitô hữu là người đã từng gặp được Chúa chúng ta là Đức Giêsu Kitô. Chắc bạn còn nhớ câu nói của Claudel trong ngày ông trở lại tại nhà thờ Đức Bà Paris: *Lạy Chúa, bỗng nhiên Chúa là Một Ai ở trước mặt con.* Kitô giáo không phải là một triết thuyết, một ý thức hệ, một nền thần học, cũng không phải một mớ các lời hay ý đẹp hoặc chân lý, dù quan trọng đến mấy đi nữa! Kitô giáo trước hết là *Một Ai.* Ở đây sứ điệp và người mang sứ điệp là một.

Chúng ta tin vào Lời Thiên Chúa làm người, chúng ta tin vào Chúa chúng ta là Đức Giêsu Kitô, Con một Thiên Chúa, người anh của mọi người. Cuộc gặp gỡ này là phần cốt lõi của cuộc sống Kitô hữu: vì chúng ta đã gặp Ngài, vì chúng ta đã dâng hiến cuộc đời chúng ta cho Chúa Giêsu, nên chúng ta hợp nhau lại đây và sống cuộc đời mình dưới dấu chỉ của Ngài. Và Phúc âm nhắc chúng ta biết rằng khi thấy Thầy, gặp Thầy ở trên núi ấy, một vài người đã xung đột, một số khác lại nghi ngờ; nhưng có một số lại tuân phục. Cuộc gặp gỡ ấy như một giao điểm của các nẻo đường đời.

Trong thời đại ngày nay, bao nhiêu Kitô hữu bị cám dỗ nghi ngờ về Chúa Giêsu, chỉ vì thế giới bung bê ra khắp mọi nẻo đường, đi quá xa sứ điệp của Chúa; đây là lúc chúng ta sẽ bắt đầu phục hoạt lại đức tin của chúng ta vào Ngài. Và nếu tôi mở lòng tôi tìm gặp Chúa, tôi đi đến với Ngài, không phải với đức tin cá nhân của tôi, một đức tin của con người yếu hèn, nhưng tôi bước đến bên Ngài với đức tin của toàn Giáo-hội Ngài; như thế bước đi của tôi thật oai dũng và xinh tươi.

Khi linh mục chuẩn bị hiệp lễ, vị ấy đọc lên những lời kinh này, lời kinh làm tôi rúng động: *"Lạy Chúa, xin đừng nhìn đến tội lỗi con, nhưng hãy nhìn đến đức tin của Giáo-hội Chúa..."*

Lạy Chúa, con đến với Chúa với đức tin của các tông đồ, của Phêrô, Phaolô và của mỗi người trong mười hai vị; con đến với Chúa với đức tin vô đối của Maria: *"Phúc thay cho bà vì bà đã tin!"*. Con đến với Chúa với cả đức tin của các vị tử đạo, với đức tin của thánh Rémi và tất cả những ai đã mang lại đức tin cho xứ sở chúng con. Con tin với đức tin của những vị tuyên xưng đức tin, các giáo phụ, các nhà thần bí và các thánh; với tất cả đức tin ấy, lạy Chúa, con xin qui phục Ngài.

2- Là người mà người ta có thể thấy được Chúa Giêsu xuyên qua mình.

Kitô hữu là người đã gặp Chúa Giêsu Kitô, thâm nhập cuộc sống của Ngài, đón nhận Ngài, không phải chỉ nhận biết, chỉ thương mến Ngài mà thôi mà hiến trọn đời mình sẵn sàng phục vụ Ngài. Kitô hữu trước tiên là người muốn thực hiện Chúa Giêsu một cách ưu tiên trong đời mình, vì biết rằng Lời của Chúa không phải là những lời như bao lời nói khác.

Không phải chính Chúa đã từng nói lời này sao:

"Lời ta là chân lý và là sự sống, lời ta mang lại sức sống? " Bỏn phận tiên quyết của chúng ta trước mặt Chúa là sống bằng sự sống của Ngài, để Ngài sống trong chúng ta; mà đó là điều mà thế giới chờ đợi nơi chúng ta, đó là thách đố mà thế giới nêu lên cho chúng ta.

Biết bao người chung quanh chúng ta không hề mở đọc Phúc-âm! Họ không đọc các trang sách thánh của Mathêu, Gioan, Luca; họ hẳn không đọc các trang sách thánh của các tông đồ...nhưng họ lại nhìn chúng ta sống. Xuyên qua bao thế kỷ, cũng một diễn tiến đó xảy ra như

Phúc-âm đã từng kể cho chúng ta nghe khi một vài người trong đám đông đi riêng ra tìm đến một trong các tông đồ là Philipphê và nói với ngài: “*Chúng tôi mong được gặp ông Giêsu!*”.

Câu hỏi đó là câu hỏi trường kỳ xuyên qua bao thế hệ nhắn gửi đến mỗi một người trong chúng ta, giám mục, linh mục, tín hữu: *Chúng tôi muốn gặp được Chúa Giêsu trong Giáo-hội hôm nay qua cuộc sống các ngài. Sau đó chúng tôi sẽ nghe các ngài nói... Chúng tôi muốn được gặp Chúa Giêsu!* Và đó là điều làm cho mỗi người chúng ta đau khổ: vì tất cả chúng ta đây, chúng ta quá mờ đục, nhưng lòng chúng ta vẫn ao ước được trở thành những tấm kiếng màu rực sáng dưới ánh mặt trời để diễn tả toàn Phúc-âm trong lời nói, việc làm của chúng ta. Chính vì thế, trước khi cử hành Thánh-thể, chúng ta có bồn phận đầm ngực mình vì chúng ta không trong sáng để người ta thấy được Chúa nơi chúng ta.

Bây giờ, chúng ta mới có thể lên đường vào đời thực hiện sứ điệp của Chúa.

3- Là người tuyên xưng Chúa trước mọi người

Kitô hữu là người đã gặp Chúa Kitô, là người hiến đời mình để Chúa có thể sống trong mình. Và tiếp đó là người tuyên xưng Chúa trước mọi người. Lúc này, có một sự khủng hoảng trong ý niệm về việc làm chứng công khai, rao truyền Phúc-âm trực tiếp; Kitô hữu như muốn thu mình rút lui và sợ hãi.

Người ta đã nhấn mạnh quá mức một vài sự thật - những điều vẫn luôn đúng - nhưng vì quá nhấn mạnh một chiều, nên có nguy cơ làm che mờ chân lý bổ sung; không khác chỉ chiếu sáng một phần của nhà hội, phần kia lại để chìm trong bóng tối.

Người ta nói rất nhiều, ngay cả tại Côngđồng (và đúng là cần nói) về việc phải tôn trọng tự do tin tưởng, và đó là một sự thật; người ta nói nhiều đến sự hiện hữu của một phần chân lý trong các tôn giáo, có những mảnh Lời Chúa có giá trị vàng ngọc, và điều đó cũng rất đúng. Nhưng sự kiện ấy không chuẩn cho chúng ta bồn phận phải tiếp cận với người đương thời để loan báo Phúc âm cho họ, nói với họ về Chúa Giêsu Kitô, đến với họ không phải như một người có đủ thứ đến với một kẻ không có gì, nhưng là chia sẻ cho người anh em kho tàng quý giá của hạnh phúc mình đang sống, thông báo cho họ nguồn vui, mặt trời của cuộc đời mình là Đức Giêsu Kitô.

Biết bao người chung quanh ta đang sống, nhưng không biết mình từ đâu tới, đang đi về đâu và đâu là ý nghĩa thâm sâu và tối hậu của cuộc đời mình! Chúng ta không có quyền giữ riêng cho mình hạnh phúc và niềm vui của đức tin chúng ta. Phải nói lên cho họ nghe, đồng thời cần ý thức là Lời Chúa ta nói với họ trước hết sẽ phán xét chúng ta, cần ý thức chúng ta là kẻ bất toàn, đôn mỏng, nhưng bởi quyền năng của Chúa, chính Chúa muốn tiếp tục công việc của Ngài xuyên qua chúng ta: “*Thầy sẽ ở với anh em cho đến tận thế*”.

Chúa không dùng môi miệng nào khác ngoài môi miệng chúng ta, tay chân nào khác ngoài tay chân chúng ta, để lên đường đi vào trần thế này truyền bá sứ điệp của Ngài. Chúng ta không có quyền giam Chúa lại trong tâm hồn chúng ta và buộc Chúa im lặng trong chúng ta.

Tôi nghĩ là chúng ta phải trừ con qui câm này, con qui bịt miệng biết bao Kitô hữu, nghĩ rằng im lặng là tôn trọng niềm tin của kẻ khác, và quên rằng sự tôn trọng thâm sâu nhất mà chúng ta có thể tỏ bày cho người trước mặt, đó là khiêm tốn trình bày cho họ biết điều chúng ta cảm thấy tốt nhất xảy đến nơi chúng ta: điều ấy là Chúa chúng ta, Đức Giêsu Kitô, đang nói với con người hôm nay qua chúng ta.

Và ở một khía cạnh khác, tôi dám nói là người ta sẵn sàng để nghe chúng ta, mặc dù chính họ cũng không hay: ta sẽ ngạc nhiên khi khám phá nơi họ đã có một lời mời gọi, có những thắc mắc khắc khoải sẵn đây, từ đáy lòng mỗi người; Kitô hữu chúng ta có phận vụ đáp ứng lời mời gọi và chất vấn ấy.

Phận sự đó quá to tát, vượt lên trên sức lực và khả năng của chúng ta? Đối diện với thế giới ngày nay, đôi khi chúng ta bị cám dỗ để nói như các bà vào buổi sáng Phục sinh: *Ai sẽ đi sức đây giùm hòn đá che mộ cho chúng ta.*

Chúng ta có câu trả lời nào, sức mạnh nào khác hơn là tin vào sự hiện diện của Chúa thực sự ở nơi Giáo-hội Ngài; chúng ta tin vào đâu ngoài Chúa trong Giáo hội khi mọi người đang đi vào con lốc của một thời đại mà tiến hóa gặp trăm ngàn khó khăn vì vận tốc quá nhanh, trăm ngàn thay đổi từng thế kỷ tưởng chừng như chỉ xảy ra trong năm hoặc mười năm.

Chúng ta cần trung kiên trong niềm tin vào Chúa đang hiện diện giữa chúng ta, đã gửi Thánh Thần Ngài cho chúng ta. *“Tôi tin Chúa Thánh Thần trong Giáo-hội hôm qua. Tôi tin Chúa Thánh Thần đang nói trong Giáo-hội hôm nay. Tôi tin Chúa Thánh Thần sẽ nói ngày mai...”*. Chúng ta được mời gọi để mở lòng đón nhận đức tin ấy, để Chúa có thể tiếp tục sứ mạng cao cả của Ngài nơi mỗi người chúng ta, xuyên qua mỗi người chúng ta.

3- Là người làm chứng cho tình yêu

Tình yêu múc lấy nguồn suối nơi Thiên Chúa, vì Thiên Chúa chính là Tình-yêu như thánh Gioan đã nói: Đối với Chúa sống là yêu. Thế giới đã phát sinh từ nguồn suối này do bởi tình yêu mà Thiên Chúa đã tạo dựng; và tình yêu ấy đã không ngừng tác động qua lịch sử ơn cứu độ. Vì thế chúng ta phải khám phá ý nghĩa tối hậu của tình yêu nhân loại nơi Thiên Chúa.

Khi tạo dựng chúng ta, Chúa đã tác thành chúng ta theo hình ảnh của Ngài và giống với Ngài: Ngài đã uốn nắn tâm hồn chúng ta theo bản mẫu là tâm hồn của Ngài. Mọi tương quan thân thiết giữa con người với nhau giúp ta khám phá dần hồi, một cách cụ thể, ý nghĩa câu nói này: Yêu như Chúa. Văn hào Dante có lần đã tâm sự với nàng Béatrice:

“Anh làm sao có thể ao ước gặp Chúa được, nếu anh đã không từng nhận ra Ngài nơi cái nhìn của em?”.

Thực vậy, qua kinh nghiệm yêu thương, con người xác quyết được rằng tìm về yêu thương là cốt lõi của bản tính con người. Chi cần chất vấn con người về khát vọng thâm sâu nhất của họ. Thực sự, họ muốn gì? Và tìm gì?

Bên ngoài, xem ra họ ước ao đi tìm đủ thứ: chính trị, nghề nghiệp, kinh doanh, văn chương, dục vọng, thể thao.v.v... nhưng, truy cứu thấu đáo, ta sẽ thấy bên dưới những mục tiêu đa tạp này, là một kinh nghiệm hết sức đơn sơ và sâu kín: **yêu và được yêu**.

Nơi bất cứ ai, giàu hoặc nghèo, ý thức hay không lưu ý, luôn luôn có nỗi khao khát một tình yêu chân thực, vượt thời gian và những chuẩn mực nhất thời của con người yếu đuối nghĩ ra. Biết bao thảm trạng và thất bại trong cuộc sống của nhiều người đã xảy đến vì lúc thiếu thời họ không hưởng được tình yêu thương, săn sóc và hơi ấm của người cha hay người mẹ có thể giúp cho cuộc sống tình cảm và tinh thần họ phát triển bình thường. Biết bao cuộc đời hư hỏng, vì thiếu tình yêu lúc ấu thơ hoặc trên bước đường trưởng thành.

Điều mà con người cố tìm cho ra xuyên qua những ánh sáng chiếu rọi mà họ khám phá hoặc họ hy vọng khám phá được, đó là một Tình-yêu dũng mạnh vượt thời gian và sự chết. Một tình yêu không làm suy nhược bao giờ, nhưng mang lại sự sống và thăng tiến tất cả những gì nó tiếp cận.

Thánh Augustinô đã diễn tả tâm thức ray rứt này ở tận đáy lòng con người: *“Chúa dựng nên chúng con để hướng về Chúa, Lạy Chúa; và tâm tư chúng con luôn khắc khoải cho đến khi tìm được an nghỉ trong Ngài”*.

Nếu tình yêu, tự bản tính thâm sâu, kết buộc vào Thiên Chúa, thì tội lỗi trước hết là sự khước từ yêu thương; và chỉ hiểu được tội lỗi khi đưa nó vào mối tương quan giữa con người với Thiên Chúa. Đã hẳn là các tội lỗi cố tình và rõ rệt nhằm chống lại với Thiên Chúa không phải là tội thường thấy. Người ta không trách oán Chúa, người ta thường chỉ muốn làm ngơ không biết đến Ngài. Giám mục A.M. Charue đã viết: *“Người ta truy tìm một sự khoái lạc riêng cho mình mà*

không lưu ý hoặc bất chấp thiệt hại có thể ảnh hưởng ngay cho mình hoặc người bên cạnh. Tuy nhiên, “tự hủy hoại phẩm giá mình, khinh miệt quyền lợi kẻ khác” là phản lại bác ái của Chúa”.

Một thái độ sống như thế quên rằng Đấng Tạo Hóa và là Cha của chúng ta không bao giờ hờ hững, không bao giờ ngừng yêu thương con cái Ngài.

Vì vậy, một thế giới tuyên dương cái chết của Chúa, thì hẳn nhiên phải chối từ sự hiện hữu của tội lỗi.

Vì không nhận có một Thiên Chúa mời gọi mình, thì không có một đấng tuyệt đối nào buộc mình phải trả lời về hành động của mình: bấy giờ tội lỗi chỉ còn được xem là huyền hoặc. Kỳ thực, chúng ta chỉ có thể hiểu được ý nghĩa của tội lỗi khi cảm nhận được mối tương quan sống động - tức là Giao ước - với Cha chung.

Mạc khải đưa chúng ta vào tình yêu Thiên Chúa đối với chúng ta. Qua ánh sáng Mạc khải, qua ánh sáng Tin-mừng, chúng ta mới hiểu và đánh giá được những sự khước từ do phía chúng ta.

Nhà tư tưởng Chesterton, ngày kia phát biểu một câu bẻ ngoài có vẻ nghịch lý: *“Một vị thánh, là người biết mình là kẻ có tội”*. Chúng ta khó lòng nhận ra mình có tội; có thể chúng ta đã nói nhiều lần một cách máy móc, qua miệng lưỡi chúng ta; nhưng thực sự ý thức từ nơi tâm trí và cảm nhận sự thật mình là kẻ có tội, thì không dễ. Thú nhận mình có tội là một ơn sung về lòng khiêm hạ, và khiêm hạ là một nhân đức hiếm có. Sự thú nhận này không phát xuất từ nỗi ray rứt bệnh hoạn, nhưng là ý thức về tình yêu thương và sự thánh thiện của Chúa, khác xa với thân phận và tâm tư yếu hèn của chúng ta.

Ý thức về tội lỗi gắn liền với trực giác về ơn tha thứ. *“Khởi đầu của một cuộc trở lại chân thật, là cái nhìn của Chúa trên người tội lỗi; Chúa yêu thương, tìm kiếm, khổ đau đến chấp nhận Thánh giá; Chúa đã tha thứ trước nữa, cho người có tội biết Chúa triu mến, yêu thương người ấy, nên tạo ra nơi tâm hồn họ nỗi dằn vò để họ quay trở lại”*.

Với chiêu bài *“tẩy trừ mặc cảm tội lỗi”*, một số người ngày nay đòi hỏi quyền tự do cho mình *“vô tội”*, một quyền tự do không bị trói buộc bởi một trách nhiệm nào về hành vi của mình với bất kỳ cái gì khác, ngoài sự tự do vô hạn của riêng mình. Nhưng từ chối không muốn phải trả lời với ai khác về những thất bại hay thành công của mình, phải chăng là tự mình từ khước khả năng có thể được thứ tha?

Phải chăng là tự mình tách rời khỏi Đấng duy nhất có thể làm cho chúng ta làm hòa lại với nhau, khi chính Ngài cho chúng ta tấm gương tha thứ vô điều kiện? Một thứ tự do không muốn trách nhiệm về lập trường của mình trước một ai khác, phải chăng tự vất bỏ những chiêu kích thiết yếu nhất của chính mình?

Vì tự do cũng có nghĩa là đồng ý để cho người mà chúng ta đã làm cho họ thất vọng, tha thứ, tiếp nhận mình. Đó là điều chúng ta khám phá được khi nhìn vào Chúa Kitô, là Chúa và Đấng Cứu-độ, là Đấng duy nhất ban cho chúng ta khả năng kinh nghiệm được sự tự do toàn bích, là tự do của tình yêu.

Biết mình được Chúa yêu thương

Kitô hữu định nghĩa mình là người tin vào tình yêu của Chúa. Thánh Gioan nói rằng: *Phần chúng tôi, chúng tôi đã tin vào Tình yêu*. Kitô hữu tin rằng Chúa yêu mình, cá nhân mình như một người duy nhất, yêu mình mãi mãi, trung kiên. Một tín hữu, là một “người trung kiên” đáp trả tình yêu trung kiên của Chúa đối với mình:

Toàn bộ Kinh-thánh minh chứng sự kiên trì của Chúa trong tình yêu. Sự trung kiên ấy, Đấng Tạo hóa không những cam kết thực hiện trong giây phút hiện tại của con người, nhưng Ngài cam kết yêu tiếp tục, yêu mãi mãi, yêu để giải phóng con người.

Nhiều Kitô hữu không dám tin rằng tình yêu vô biên ấy đến cho mình; họ không dám tin vào tình yêu ban đầu, trung kiên không ngại, bao trùm hết cuộc sống nhân loại. Lý do họ không tin phải chăng thường là vì họ đã không chứng kiến những Kitô hữu phản ánh được tình yêu trung kiên của Chúa trên bước đường đời của họ.

Gần đây, một vị tuyên úy các bạn trẻ tâm sự với tôi là có quá nhiều người trẻ hôm nay khó tin được là Chúa yêu họ, yêu từng người trong họ. Họ cảm thấy khắc khoải, lo âu trước tương lai bất trắc.

Biết mình được Thiên Chúa yêu thương, Thiên Chúa Cha, Con và Thánh Thần, tình yêu duy nhất của Chúa Ba ngôi: Sự kiện này làm cuộc sống và tâm tư con người bàng hoàng. Nhưng nền đạo đức Kitô giáo lại mức lấy nguồn suối của mình nơi xác tín đó của đức tin.

Nhiều chân trời mới mở ra cho chúng ta. Vì đức tin dạy chúng ta rằng không những chúng ta được Chúa yêu thương, trong hoàn cảnh hiện tại của chúng ta, nhưng Chúa còn muốn trở nên “*sức mạnh yêu thương*” nơi chúng ta, qua chúng ta.

Không những chúng ta yêu người bên cạnh đứng như sự mong chờ của họ, nhưng chúng ta còn được Chúa mời để yêu với chính tình yêu của Chúa, với trái tim của Chúa; Chúa mượn trái tim ta để diễn tả tình yêu đó một cách cụ thể và hấp dẫn.

Có thi sĩ viết: *Khi bạn yêu, đừng nói: Chúa ở trong lòng tôi, nhưng nên nói: tôi ở trong lòng của Chúa.* Kitô hữu càng để Chúa tác động trên mình, thì tình yêu của người ấy sẽ trải tràn ra các chiều kích của thế giới và ôm trọn nỗi khổ đau của nhân loại. Một Mẹ Têrêxa, qua nhiều năm tháng đi tìm những kẻ khốn cùng trên lề các nẻo đường Calcutta - hơn hai mươi bảy ngàn trong hai mươi năm - đó là tình yêu nhân loại được ân sủng gia tăng cường độ, một tình yêu được đổ đầy bằng một tình yêu mãi mãi nâng cao. Không có gì nhân loại hơn trái tim của một vị thánh: đó là một trải nghiệm về sự trung thực không bao giờ sai.

Trong tình yêu hôn nhân, tình yêu Kitô giáo không hề làm sút giảm chút nào: bên trong hôn phối, qua bí tích, đôi vợ chồng có thể đáp ứng trọn vẹn nghĩa vợ chồng.

Trên bình diện dân thân cho công lý cũng thế, Kitô hữu chiến đấu cho công bằng xã hội để thể hiện tình yêu cứu độ của Thiên Chúa.

Ý thức về yêu sách của dân thân này thúc đẩy người tín hữu thường xuyên xét lại lối sống của mình và lời giáo huấn của Phúc-âm. Ở trong bất cứ hoàn cảnh nào, Kitô hữu cũng mức lấy hứng khởi của tình yêu thương để làm bung bể những tính toán nhỏ nhen hoặc những lo sợ ỨC ẾP mà họ thường gặp phải.

Chương VIII

**Đón nhận Chúa Thánh Thần
để rao truyền Chúa Kitô**

“ Thiên Chúa không có lời nói nào khác, tay chân nào

khác ngoài lời nói, tay chân của
bạn
để mang Phúc-âm đến cho thế gian”.
Frank Duff

1- Mỗi một Kitô-hữu đều được mời gọi để trở thành nhân chứng của Phúc-âm

Chúa gọi mỗi Kitô-hữu tham gia vào công cuộc truyền bá Phúc-âm mới qua chính phép rửa tội mà họ đã nhận lãnh, chứ không phải là một ơn gọi nào khác thêm vào. Công-đồng đã nhắc kỹ điều ấy.

Không một Kitô-hữu nào được miễn trừ bổn phận làm chứng về đức tin của mình. Những hình thức truyền giáo thay đổi tùy hoàn cảnh sống cụ thể, nhưng bổn phận truyền giáo là bổn phận nền tảng của từng người không trừ ai.

Phải thành thực thú nhận rằng đa số Kitô-hữu ngay cả những người thường xuyên hành đạo, vẫn chưa hiểu là mọi Kitô-hữu phải rao truyền Chúa Kitô, mọi người đã được tiếp nhận Tin-mừng đều có sứ mệnh rao truyền Tin Mừng ấy lại cho kẻ khác.

Giáo-hội còn chưa thực thi đầy đủ “*bản chất truyền giáo*” của mình; bây giờ là lúc cần phải giải tỏa những lý do giả tạo cố dôn Kitô hữu vào tình trạng ù lì, ngậm miệng làm thinh hay dửng dưng.

Chúng ta phải can đảm tố giác cám dỗ của thái độ câm nín âm hiểm này, và đuổi ngay con quỷ câm và những lý do giả tạo ra khỏi cuộc sống chúng ta.

1- Hai bổn phận cơ bản

Thường người ta nại lý do là cuộc sống hằng ngày chiếm hết thì giờ và sức lực nên không thể chu toàn bổn phận làm tông đồ. Lỗi khước từ đó gợi nhớ lại câu truyện trong Phúc-âm, khi những người được mời đến dự tiệc cưới đã thoái thác nại lý do quá bận rộn về những công việc khẩn thiết phải ưu tiên: *Tôi đã mua một đám đất và tôi phải đi xem; tôi đã mua năm cặp bò và tôi phải đi thú; tôi mới cưới vợ nên bận rộn quá.*

Bổn phận làm tông đồ gắn liền với bổn phận Kitô hữu, chúng ta không nhất thiết là phải tham gia phong trào sinh hoạt nào đó. Có nhiều phương thức làm tông đồ khác nhau, nhưng không thể nại đến sự kiện này để xóa bỏ bổn phận hàng đầu của chúng ta, tức là bổn phận làm người đã chịu phép rửa. Có bổn phận làm người và còn bổn phận làm Kitô hữu, ta cần biết phối hợp. Chúng ta đã không biết chu toàn đồng thời các bổn phận khác nhau trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta sao?: bổn phận gia đình, nghề nghiệp, công dân. Đối với Kitô-hữu biết ý thức về phép rửa của mình, bổn phận căn bản gắn liền với thân phận họ là yêu mến và phục vụ Chúa với cả sức lực mình và yêu thương kẻ khác như chính mình. Bổn phận này rất cao cả, đòi hỏi những chọn lựa khó khăn và nhiều hy sinh: nếu tôi chấp nhận dành một số thì giờ phục vụ không công cho người bên cạnh tôi cách này hay cách khác, hẳn nhiên công tác ấy đòi hỏi tôi phải trả một giá nào đó. Phục vụ không công có nghĩa là từ khước nhận tiền hoặc hy sinh một lối sống thoải mái...

2- Hai hình thức nghèo đói

Nếu có hai bổn phận căn bản, tự nhiên và siêu nhiên, thì cũng có hai hình thức nghèo đói để cứu giúp. Có tình trạng nghèo đói trong cuộc sống vật chất con người dưới nhiều dạng khác

nghèo cần được cứu tế (đói rách, thiên tai, dịch bệnh...). Hình thức nghèo đói này dễ làm ta xúc động vì dễ thấy, dễ nhận ra hơn là hình thức thứ hai.

Nghèo đói làm cho con người khốn đốn một cách thâm cay, mặc dù có tràn đầy của cải vật chất, đó là cảnh cùng khổ về mặt siêu nhiên, tinh thần, đặc biệt là tình cảnh bơ vơ hoặc chán nản nơi những người trẻ; họ đi tìm một trong những ảo tưởng để sống vất vưởng qua nghiện ngập hoặc thác loạn tính dục. Khi chúng ta nói đến những chứng nhân của Chúa Kitô, hẳn chúng ta nghĩ ngay đến cánh đồng bao la trước mắt chờ đón chúng ta.

3- Hai hình thức làm chứng

Cuối cùng cần phân biệt hai loại làm chứng: làm chứng khách quan và làm chứng qua con người cụ thể của mình, hai lối này cần bổ túc nhau.

Việc làm chứng của các người dạy giáo lý, các giáo sư về tôn giáo, các nhà giảng thuyết, là làm chứng khách quan : ở đây mục tiêu ưu tiên nhắm đến là dạy và đào tạo tôn giáo; nhưng nếu “người hướng dẫn” vừa là người làm chứng thì dễ thuyết phục người ta hơn.

Không phải ai cũng được gọi để chu toàn sứ mệnh rao truyền Phúc-âm theo hình thức này, nhưng mọi người đều được gọi để trở thành chứng nhân qua cuộc sống cụ thể của mình, như thánh Phêrô dạy rằng phải làm cho kẻ khác thấy được *“niềm hy vọng nằm nơi con người mình”*. Làm chứng do chính cuộc sống mình có thể giúp mọi người biết Phúc-âm một cách thiết thực và sống động, *“mọi nơi và mọi lúc”*, trong những hoàn cảnh bình dị hoặc phi thường.

Khung cảnh xã hội chung quanh như cám dỗ Kitô-hữu đừng nên quấy rầy, mà phải theo nếp sống trần tục của thời đại, phải tỏ ra nhún nhường và tôn trọng bất cứ dư luận nào, chạy theo quan điểm chung, chứ đừng nêu lên một tiêu chuẩn chân lý khách quan nào! Nhất là đừng bao giờ nói đến “tội lỗi”, vì nói đến “tội lỗi” làm chói tai thiên hạ vô cùng! Trong một khung cảnh như thế, làm sao diễn đạt và tuyên xưng đức tin mình? Người ta còn nêu lên nhiều lý chứng đặc biệt khác nữa để huyết phục Kitô-hữu nên giữ thái độ im lặng!

4- Thế giới không sẵn sàng để nghe Phúc-âm!

Người ta xin chúng ta đừng nói, đừng tuyên xưng Phúc-âm trong thế giới ngày nay vì người ta cho rằng thế giới chúng ta không sẵn sàng để nghe sứ điệp ấy.

Với lối luận chứng đó, trước hết phải trả lời rằng sứ điệp Phúc-âm là một sứ điệp mà thực ra không bao giờ có ai tự nhận là sẵn sàng để nghe cả; sứ điệp ấy phát sinh ơn cứu độ của Con một Thiên Chúa và đưa ta lên hàng thần thánh, một sứ điệp như vậy vượt lên trên tất cả những gì mắt đã thấy và tai đã nghe, vượt lên trên tất cả những gì có thể làm cho những mơ ước táo bạo nhất của chúng ta trở thành vô nghĩa.

Hơn nữa, Lời Phúc-âm khó nghe, sự kiện đó không phải là hiện tượng riêng của thời đại chúng ta. Nhưng người đương thời của Chúa Giêsu có sẵn sàng nghe Ngài không? Hãy nhìn thập giá Chúa để hiểu việc này. Và nếu muốn biết phản ứng của quần chúng khi Phaolô loan báo việc Chúa Phục-sinh, ở sân vận động Nhã Điền, thì chỉ cần đọc trong sách Tông-đồ Công-vụ: *“Vừa nghe nói đến người chết sống lại, kẻ thì nhạo cười, kẻ thì nói: “Để khi khác chúng tôi sẽ nghe ông nói vấn đề ấy” (Cv. 17, 32).*

5- Tôi cảm thấy không đủ sức nói!

Kitô-hữu lại thấy tự nơi lòng mình cơn cảm dỗ trái ngược lại, cho rằng việc rao giảng Phúc âm chỉ dành cho các thánh, các nhà thông thái đầy bằng cấp mà thôi!

Trước hết có thật là việc rao truyền Phúc-âm chỉ là đặc ân của các thánh hay không? Sự thánh thiện của người làm chứng hẳn nhiên là một ơn riêng ban cho Giáo-hội; ta có thể nêu lên nhiều tên tuổi mà mọi người đều đồng ý là thánh, hoặc đáng được nể vì, yêu mến và có sức thuyết phục. Danh sách ấy qua lịch sử Giáo-hội rất dài. Lâu lâu chúng ta có dịp mừng việc tôn phong các thánh mới, đúng là cảnh vui mừng trên trời cũng như dưới đất. Nhưng sự kiện đó không miễn cho bất cứ Kitô hữu bình thường nào bỏn phận “*minh chứng niềm hy vọng nơi mình*”, như lời thánh Phêrô đã đòi hỏi Kitô-hữu thời Giáo-hội sơ khai, những Kitô-hữu ấy cũng là những người bình thường như chúng ta.

Để thực hiện công cuộc của Chúa (-dùng lẫn lộn với ý nghĩ là làm cho Chúa -) trước hết chúng ta trao thiện chí của ta cho Ngài. Chúa dùng mỗi người chúng ta, và ơn của Ngài sẽ dư tràn cho chúng ta. Khi kết hợp với Ngài, thì chúng ta sẽ vượt lên trên sức lực của mình. Thần học còn nói đến những ân sủng Chúa ban nhưng không để làm lợi cho Cộng-đồng, mà không nhất thiết thánh hoá những người hành xử. Những ơn đoàn sủng của thời nguyên sơ và những ơn đoàn sủng hôm nay chứng thực sự tự do hoàn toàn của Chúa, và cấm không ai được nêu lên đặc quyền ấy cho riêng mình.

Còn về sự hiểu biết sâu xa, chúng ta cảm ơn Chúa đã cho chúng ta nhiều vị thần học gia đáp trả ơn gọi của họ làm “*người tín hữu truy tìm sự khôn ngoan nơi đức tin*”. Công-đồng Vaticanô II mang ơn họ rất nhiều; họ đã chuẩn bị Công-đồng, đã làm phong phú cho Công-đồng, nên khó lòng phủ nhận tầm quan trọng và vai trò của họ. Nhưng chúng ta cũng phải biết rằng Chúa không gắn chặt bỏn phận làm tông đồ với mấy bằng cấp đại học. Việc Chúa chọn “*mười hai người*” xứ Galilêa chắc chắn cho thấy rằng thông minh tuyệt trần không phải là tiêu chuẩn để xây dựng Nước Chúa.

2- Chúa kêu gọi mỗi người rao truyền Phúc-âm

Phúc-âm cho chúng ta thấy phương cách Chúa Giêsu kêu gọi các môn đệ đầu tiên như thế nào: Chúa nói: “*hãy theo Thầy*”, và họ bỏ lại cha họ, thuyên họ, bàn thu thuế của họ.

Một lời mời hơn là một mệnh lệnh: “*nếu người muốn lên trọn lành...hãy bán hết của cải để theo thầy*”.

Chúa Giêsu kêu mời người ta theo Ngài, tiếp bước theo chân Ngài, và không hề hứa là đường đi sẽ dễ dàng, nhưng chỉ nói là Ngài sẽ ở với họ không bao giờ xa.

Chúa gọi chúng ta, mỗi người chúng ta, mỗi người mỗi cách, nhưng phương cách nào đi nữa cũng rất triệt để. Trước khi chấp nhận dần thân vào tình yêu thương Chúa, chúng ta thử xem lời gọi của Ngài đã được Phúc-âm diễn tả thế nào.

Lời mời gọi của Chúa, theo lối nhìn của Chúa

Việc Chúa mời gọi ta sống cuộc sống Kitô giáo toàn diện là một lối tỏ bày tình yêu thương đặc biệt, một lối chọn lựa riêng của Chúa. Ngài đã gọi mười hai vị, rồi ngày kia, vị thứ mười ba là thánh Phaolô. Lúc đầu, Ngài không gọi cả đám đông. Đến sau Ngày Hiện Xuống, chúng ta chứng kiến một trăm hai mươi vị trong ngày khai sinh Giáo-hội. Đây là điểm khởi phát, là men để làm dậy bột, nhưng trước hết phải làm men. Yêu thương đặc biệt, tuyển chọn riêng, ở đây còn có nghĩa là gửi đi truyền bá Phúc-âm. “*Thầy đã chọn các con...để các con lên đường và mang lại hoa trái*”. Được chọn để lên đường, được chọn để tỏa lan ánh sáng. Sự chọn lựa ấy tự nó là một “*lệnh xuất quân*”.

“*Hãy đến và rồi hãy ra đi*”. Đây là một cử chỉ mời gọi của người tình, nhưng đồng thời, để quay về với dân chúng.

Tình yêu đặc biệt, yêu riêng nhưng là yêu trong tự do. Ngay khi thánh sử chỉ ghi lại câu Chúa Giêsu nói “*hãy theo Thầy*”, mà không nói thêm có trao đổi gì trước đó, thì kỳ thực đã có một cuộc đối thoại bên trong, dù rất ngắn, một lời mời tùy thuộc vào sự tự do trả lời của người nghe, một lời đề nghị tôn trọng hoàn toàn người đối diện. Chúa Giêsu không hề tuyển chọn theo lối ép buộc, như tuyển lính ngày xưa. Nhưng, “*Ngài biết điều gì xảy ra trong con người*”, và đáp ứng những ước vọng thầm kín, không nói ra, hoặc có thể không nhận ra của chính người Ngài kêu gọi.

Tình yêu ấy là tình yêu dâng hiến, dấy lên một lời kêu mời, muốn nối kết một giao ước. Và ở đây ta còn thấy Chúa xúc động nữa. Thường thì Chúa thức suốt đêm cầu nguyện trước khi chọn lựa như thế. Đến đây chúng ta đi vào khung trời thần thánh. Thi sĩ có lần nói: “*có nhiều điều thần thánh người ta chỉ nghe được một lần thôi*”. Trường hợp từ chối, như người thanh niên giàu có trong Phúc-âm “*đã bỏ đi vì anh ấy có nhiều của cải*”, Chúa Giêsu không cố ép và để cho đi.

Người ấy sau này có tìm đến Chúa không? Hoàn toàn bí mật.

Nhưng, đoạn Phúc-âm nhắc nhở chúng ta rằng lúc Chúa gọi thì đừng mặc cả, quay lưng hoặc kiểm lại sổ sách ngân hàng, bàn hỏi bạn bè “*khôn ngoan*”, bảo hiểm sức khỏe và nhân mạng...Chúa Giêsu gọi mình theo Ngài, là gọi đi vào con đường phiêu lưu của tình yêu. Con đường đi ấy qua nhiều nẻo gập ghềnh và đôi khi phải sống nhiều đêm ở vườn Cây-dầu, như để làm quen với giây phút của Chúa trong đêm khổ nạn.

Đó là những gì bao hàm nơi ơn gọi theo cái nhìn của Chúa.

3- Chương trình sống của Kitô-hữu bình thường trong cuộc sống hằng ngày

Cần thâm nhập cuộc sống của Chúa (*ad intra*) để cho Chúa gửi mình lên đường (*ad extra*). Hai nhịp thở đó kết dệt nên đời sống Phúc-âm, cần thiết phải bổ túc cho nhau.

Ad intra

Trên bình diện cuộc sống cá nhân, Kitô-hữu phải tài bồi và củng cố cuộc sống siêu nhiên của mình bằng bí tích Thánh-thể và bí tích chữa lành tâm hồn đó là bí tích Hòa-giải. Phải nuôi sống cuộc sống siêu nhiên linh hoạt, bằng việc đọc sách thiêng liêng vào một buổi nhất định, và ưu tiên là sách Kinh-thánh, đặc biệt nên đọc và suy gẫm các bản văn mục vụ trong ngày, là của ăn được Mẹ chúng ta là Hội-thánh dọn sẵn. Một cách cụ thể ta nên có một cuốn sách lễ trong tuần, ngoài cuốn sách lễ các ngày chủ nhật trong năm. Đức Gioan-Phaolô II không ngừng nhấn mạnh đến tầm quan trọng của Thánh-thể, là trung tâm điểm của cuộc sống Kitô-hữu. Trong một bài diễn văn gửi cho những người hướng dẫn Phong trào Canh tân đoàn sủng, ngài nói:

“Theo ý niệm mà Công-đồng Vaticanô II đã ghi sâu nơi cuộc sống chúng ta : Thánh-thể đúng là nguồn suối và đỉnh cao của mọi công cuộc rao truyền Phúc-âm...Kitô hữu, đã mặc lấy ơn ích của Phép rửa tội và Thêm-sức, khi rước Thánh thể, sẽ sát nhập toàn cuộc sống mình với thân thể Chúa Kitô”.

Để cho việc cử hành Thánh-thể có thể thức tỉnh và nuôi dưỡng cuộc sống đức tin chúng ta, Giáo-hội đưa vào mỗi thánh lễ đoạn văn Thánh kinh, được chọn lựa theo diễn tiến của năm phụng vụ, để chúng ta lắng nghe được lời Chúa.

Trong tinh thần của đức tin, khi chúng ta mở các trang sách lễ là chúng ta đến điểm hẹn gặp Thánh Thần; những bản văn được Giáo-hội chọn sẵn cho chúng ta là ưu tiên, nếu chúng ta thực sự muốn thờ đồng nhịp thờ của Giáo-hội, ngày ngày thấm nhập "*chính những tình cảm trước đây của Chúa Giêsu*". Tôi cần tiếp nhận các trang ấy như tiếp nhận bức thư của một người bạn chia sẻ các ưu tư, các mối lo âu sợ hãi, các niềm mong ước với tôi, muốn đồng hành với tôi, chỉ đường cho tôi.

Tôi muốn dùng kinh nghiệm của tiên tri Isaia để nói lên rằng: "*lời Chúa thức tỉnh tôi mỗi sáng; mỗi sáng lời Chúa đánh thức tôi dậy để tôi lắng nghe như một người học trò ngoan ngoãn học hỏi...*" (Is. 50, 4).

Nếu như tôi không có cách nào để đi dự lễ được thì tôi cũng cảm lấy sách lễ để đọc và hiệp thông với Giáo-hội, nói chuyện với Chúa và thấm nhập sứ điệp của Ngài vào cuộc sống trong ngày của tôi.

Mỗi ngày, chúng ta cần để lời Chúa xây dựng, uốn nắn đời mình, như đất sét trong tay người thợ gốm.

Để hiểu được tầm mức cao cả của Thánh lễ và Thánh-thể, chỉ cần suy nghĩ kỹ về các lời chúng ta hát trong kinh *Vinh-danh Thiên Chúa trên các tầng trời* :

“ Chúng con thờ lạy Chúa, chúng con tôn vinh Chúa, chúng con cảm tạ Chúa vì vinh quang cao cả Chúa. Chúa xóa tội trần gian, xin nhận lời chúng con cầu khẩn ”.

Thánh thể là bí tích thờ phượng, tạ ơn, chữa lành và tha thứ. Nhờ Chúa Kitô, Chúa chúng ta, chúng ta đến với Chúa Cha, hướng về Tòa Chúa. Và chính nhờ Ngài, với Ngài và trong Ngài mà Chúa đáp trả lời cầu khẩn của chúng ta; không bao giờ lời kinh ấy không được nhận lời. Nếu chúng ta tìm lại được ý nghĩa của Thánh lễ, các cộng đoàn Kitô-hữu sẽ hồi sinh; Thánh lễ chủ nhật là lễ Phục sinh hằng tuần, đúng là thách thức về sự trung tín của chúng ta đối với Thầy: "*Anh em hãy làm việc này mà nhớ đến Thầy*" cho đến khi Ngài lại đến trong vinh quang.

Thánh thể cũng là của ăn và thức uống. Nhưng đặc điểm kỳ bí, mầu nhiệm ở đây là trong hiệp lễ, không phải chúng ta biến của ăn làm đồ nuôi dưỡng cuộc sống mình, nhưng chính của ăn biến đổi chúng ta để chúng ta thành sự sống trong Ngài.

Cuối cùng, Thánh-thể không chỉ là hiệp lễ, sự hiện diện thật sự luôn ở ngay trong Thánh-thể : chúng ta có thể tôn kính Thánh-thể ấy, thờ lạy âm thầm dưới chân của Thầy, trước Nhà tạm.

.....

Trong những ngày tháng dành riêng cho cuộc sống siêu nhiên, chúng ta cần lưu ý đến tầm quan trọng của những kỳ tĩnh tâm; cuộc tĩnh tâm kiểu mẫu luôn vẫn là Phòng-Cao ở Giêrusalem khi các môn đệ, cùng với Mẹ Maria, đã cầu nguyện và đã sống "*Bí-tích Thánh-tẩy trong Thánh Thần*"; cuộc tĩnh tâm ấy đã chuyển đổi con người họ. Những cuộc tĩnh tâm như thế thường có thể giúp nhiều Kitô-hữu bấy lâu ơ hờ, thụ động trong việc hành đạo, chấp nhận dần thân cụ thể. Nên tham dự và cổ động người tham dự; các cuộc tĩnh tâm này thực sự là việc làm hết sức hữu ích.

Ad extra

Trên bình diện làm công tác tông đồ, Kitô-hữu phải là "*nhân chứng của Chúa Kitô, bằng lời nói và việc làm, mọi nơi và mọi lúc*". Đừng đợi mọi yếu tố phải có sẵn, xét về khía cạnh con người. Châm ngôn thường được người ta nêu lên : "*trước hết phải nhân bản hóa, sau đó rồi Phúc-âm hóa*" đã thường làm cho hứng khởi truyền giáo khựng lại, và làm tổn thương cả nỗ lực

nhân bản hóa chân thực, mà đỉnh cao lại chính là Đức Kitô. Đừng sợ phải làm chứng về đức tin mình. Đức Gioan-Phaolô II đã nhắc lại bốn phận ấy trong một sứ điệp:

“Nhân danh Chúa Kitô tôi xin anh chị em phải làm người loan truyền Phúc-âm... Là thành phần làm nên Giáo-hội, mỗi người phải hoàn thành phần trách nhiệm của mình... mỗi người hãy làm cho người gần mình, trong gia đình, trường học, trong giới văn hoá, nơi làm việc hiểu rằng Chúa Kitô là Đường, là Sự-thật, là Sự-sống” (22.10.1985).

Để nâng đỡ nhau làm tông đồ, Kitô-hữu cần sự trợ giúp của anh chị em đồng đạo. Nếu không gia nhập một nhóm tông đồ nào, thì cố tìm một sinh hoạt tông đồ thích hợp với ước vọng của mình.

Nếu không tìm thấy, thì nên cố động trong môi trường sinh hoạt giáo xứ những nhóm nhỏ sống Phúc-âm, chia sẻ cuộc sống Kitô giáo trong hai chiều kích cá nhân cũng như làm công tác tông đồ.

4- Ứng dụng trước mắt

Một khi nhận ra được chiều sâu và sự ưu tiên nơi *“thân phận Kitô-hữu của mình”*, các hệ quả thực tiễn sẽ phong phú vô cùng. Trong trường hợp tôi chẳng hạn, tôi tức khắc bị chất vấn và phải trả lời: *“Trước hết tôi là một giám mục Kitô-hữu hay là một Kitô-hữu làm giám mục?”*. Hỏi như thế buộc tôi phải xét mình, và mỗi lần bị chất vấn là mỗi lần tôi phải giặt mình. Hoặc trong dân chúng: Quý vị trước hết là một ông chủ Kitô-hữu hay một Kitô-hữu làm ông chủ? *Trước hết là một nhà giáo Kitô-hữu hoặc một Kitô-hữu làm nghề dạy học? Trước hết làm một bà mẹ Kitô-hữu hay một nữ Kitô-hữu làm mẹ gia đình?...*. Và câu hỏi ấy được giải thích thêm: Hai cái, cái nào là gốc, là cốt lõi, và cái nào là tính từ, phụ thuộc trong cuộc sống của bạn?

Một thí dụ khác: trong cuộc sống lứa đôi Kitô-giáo, cái gì được đề cao, lưu ý hơn để thực sự phát huy cuộc sống Kitô-hữu của vợ chồng: trước hết họ là vợ chồng, được kêu mời để sống bổ sung cho nhau? Hoặc trước hết họ cảm nhận nhau sâu xa hơn nữa như là anh em trong Chúa Giêsu-Kitô, được gọi để sống Phúc-âm trong cuộc sống hằng ngày, yêu nhau trong tình yêu thương của Chúa, quên mình, tha thứ cho nhau, trung tín với nhau thể hiện chính giáo ước của Chúa Kitô và Giáo-hội Ngài?

Thêm một thí dụ nữa trên bình diện mục vụ: chúng ta thường áp dụng đường lối hoạt động quen thuộc đó là: thấy, xét rồi hành động. Luật ấy có ý nghĩa chính xác trên bình diện xã hội học; nhưng theo nhãn quan Kitô giáo, còn phải bổ túc như sau:

- *thấy*, vâng đúng vậy, nhưng với con mắt Chúa Kitô
- *suy xét*, đúng rồi, nhưng với ánh sáng toàn diện của Phúc-âm
- *hành động*, vâng, nhưng trong đường hướng và sức mạnh của đức tin. Mọi điều ấy không thể tùy nghi.

5- Một vài thái độ căn bản của một Kitô-hữu chân thật

Để nối kết giữa thần học và mục vụ, tôi muốn trích dẫn một vài đoạn trong một bài báo của Đức Hồng-y Danneels.

Chúng ta còn can đảm loan truyền Chúa Kitô hay không?

Về đề tài này tôi muốn thử kiểm thảo để truy tìm lại thực chất nền tảng của đức tin chúng ta. Thông điệp Redemptoris Missio đã đề cập đến vấn đề nền tảng của công tác rao truyền Phúc

âm. Tôi nghĩ rằng những vấn đề đã nêu lên trong thông điệp này có giá trị cho công cuộc truyền bá Tin-mình ở xứ chúng ta, cũng như ở các nơi xa xôi khác.

Các vấn đề đặt ra là: Còn cần phải truyền giáo, rao giảng Tin-mình nữa không? Không thể thay thế truyền giáo bằng đối thoại giữa các tôn giáo hay sao? Phát huy con người qua nỗ lực phát triển chưa đủ sao? Không phải là cần tôn trọng niềm tin kẻ khác, tự do lương tâm của người ta hay sao? Và tất cả các tôn giáo không phải là có giá trị như nhau hay sao?

Chúng ta không phủ nhận những nội dung này, vì những căn rễ của chúng rất tốt lành: như tự do lương tâm, dân chủ hóa, tôn trọng đời tư, tôn trọng các tôn giáo khác, và ý nghĩa của đối thoại. Vaticanô II đã nhấn mạnh đến các giá trị này. Các quan niệm ấy không phát xuất từ những kẻ xấu bụng, nhưng bởi một tâm hồn ngay thực và tốt lành. Tuy vậy chúng vẫn nêu lên cho chúng ta nhiều vấn nạn.

Chỉ có một Đấng Cứu độ

Chối bỏ Chúa Kitô là Đấng Cứu độ duy nhất của mọi người là buộc chúng ta phải xóa đi ba phần tư Tân-ước. Vì Phêrô và mười hai tông đồ, Phaolô và Gioan, đã mạnh mẽ nêu lên tính cách duy nhất nơi Chúa Kitô Đấng Cứu độ.

Xác tín sâu xa của những môn đệ đầu tiên của Chúa Giêsu là xác tín về Ngài là Đấng Cứu độ duy nhất. Đó là một điểm nền tảng quyết định tất cả.

Nếu Chúa Kitô không phải duy nhất, thì đức tin trở thành tùy nghi. Không thể nào bảo chúng cho công cuộc truyền giáo: người ta dựa vào uy quyền nào để nói về Đấng Kitô cho các dân tộc khi Đức Kitô chỉ là một trong các vị cứu độ khác? Không chấp nhận Chúa Kitô là duy nhất, thì mọi công cuộc truyền giáo chỉ là cao vọng mơ hồ.

Người ta không còn cách nào khác để được cứu độ sao? Nhiều người đương thời với chúng ta còn sống Phúc-âm hơn là người Kitô hữu. Có những “hạt mầm Ngôi Lời” (semina Verbi) ở ngoài vòng vi của Giáo-hội hữu hình chúng ta, ở ngoài sợi giây liên lạc hữu hình với Chúa Kitô. Nhưng chúng ta phải xác quyết là mọi dấu vết cứu độ đều liên kết với Chúa Kitô duy nhất. Vì giai đoạn chuyển từ mối liên kết mặc nhiên đến mối liên kết minh nhiên, nhờ việc rao giảng, tùy thuộc vào ý Chúa: Anh em hãy ra đi, hãy rao giảng cho tất cả các dân tộc và rửa tội cho họ.

Thánh Phanxicô Assisi đến sống với người Hồi giáo và vị giáo trưởng của họ. Ngài vừa loan báo Chúa Giêsu vừa tôn trọng vị thủ trưởng và các tín đồ hồi giáo đến nỗi sau sáu thế kỷ người ta còn nhớ đến ngài. Tôi nghĩ đây là một thái độ chúng ta phải noi theo.

Không được phân tách Nước-Trời với Chúa Kitô

Điểm căn bản thứ hai: mối liên kết giữa con người Chúa Giêsu và Nước Thiên Chúa. Nước Thiên Chúa ấy gồm những giá trị như: bao dung, liên đới, bác ái, hòa bình, chia sẻ, dân thân xây dựng trật tự thế giới công bằng.... Các giá trị ấy do Chúa Giêsu cổ súy và gắn liền với Con Người của Ngài.

Người ta có khuynh hướng tách rời các giá trị Nước Chúa khỏi Con Người Giêsu. Chúng ta phải thú thực là nhiều hội đoàn và phong trào chúng ta đã đi đến mức đó. Cũng không phải vậy để có dịp lên án hay phạt vạ họ. Chúng ta nhận thấy nhiều người hát ca tôn vinh những giá trị nước Chúa và cổ súy các giá trị này. Được như vậy là quý hóa; tôi không hề cảm đá ném vào họ. Nhưng xin hỏi họ có chắc là các giá trị này, một khi bị tách ra khỏi Đức Kitô, liệu còn tồn tại lâu dài không?

Nhiều hội đoàn của chúng ta cảm ứng tinh thần Kitô giáo đang nỗ lực cố sức các giá trị Kitô giáo, tôi ủng hộ các cố gắng ấy, đó là một thiện ích cho nhân loại và văn minh; nhưng cũng phải lưu ý là khi các giá trị này bị tách ra khỏi toàn bộ cuộc sống cụ thể của Kitô-hữu, thì thường sẽ teo tóp dần. Nên việc cố võ các giá trị ấy cần được nuôi dưỡng bằng cuộc sống chiêm niệm, đức tin, bí tích và phụng vụ.

**Đừng tách rời một bên là Thiên Chúa,
bên kia là Đức Kitô**

Thứ ba: đừng chủ trương một ý niệm mơ hồ về Thiên Chúa tách khỏi Đức Kitô. Mặc khải Kitô giáo không hướng đến một loại thờ trời nào đó một cách mơ hồ. Nó diễn tiến cụ thể từ Giavê, Thiên Chúa của Cựu-ước và Chúa chúng ta, nhờ bởi Chúa Kitô đã chết và đã sống lại mà đi đến một sự nhận biết đầy đủ về Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Việc nhận biết Chúa Ba Ngôi liên kết chặt chẽ với mặc khải của Chúa Kitô.

Mục đích của rao truyền Phúc-âm không phải là đưa người ta trở thành những người tin vào Chúa nào đó, nhưng là những người tin vào một Chúa, Cha, Con và Thánh Thần. Đáng duy nhất có thể dẫn đưa chúng ta vào đức tin này trong Chúa Ba Ngôi là Con Thiên Chúa làm người. Ngài là Đáng duy nhất đã thấy Chúa Cha, là Đáng duy nhất có thể ban Thánh Thần cho chúng ta. Những yếu tố khác trong việc làm của chúng ta không phải là sai trái, đáng lên án, nhưng phải đặt vào vị thế thích đáng của chúng.

Nhưng dựa vào cao vọng nào mà chúng ta nói mình nói được chân lý? Đó là câu nói làm tất nghẹn hững khởi truyền giáo: “Quý vị là ai mà dám cao ngạo nói mình có chân lý?” Câu nói này người ta thường lặp đi lặp lại với chúng ta. Nếu chúng ta không nhận sứ mạng của Chúa Kitô, nếu không phải chính Ngài đã đặt để lời Ngài trong miệng chúng ta, mọi lời nói về Phúc-âm của chúng ta chỉ là cao vọng hão huyền. Nhưng ai chỉ nói điều mình đã nhận trong đức tin không thể bị kết án là cao vọng được.

Chúa Giêsu đã từng gặp những khó khăn như thế; cũng như các tông đồ tiếp theo Ngài, khi họ chỉ muốn vâng lời Thiên Chúa hơn là nghe theo con người. Nếu chúng ta không vâng lời Chúa là Đáng sai gửi chúng ta, thì rõ ràng là chúng ta không có quyền lên tiếng. Những lời chống đối như thế buộc chúng ta quay nhìn về Chúa Kitô. Chúng vẫn lợi ích cho chúng ta, đừng ngại gì. Can đảm lên!

Chương IX

Kinh cầu nguyện với Chúa Thánh Thần trước thềm thời đại mới

và Thầy những ước mong phải chi lửa ấy đã bùng lên!

Thầy đã đến ném lửa vào mặt đất,

Lc. 12, 49

Thánh Thần tái tạo chúng ta

*Lạy Chúa,
xin gửi Thánh Thần Thiên Chúa
trước hết để tái tạo chính con người của con.
Xin cứu thoát con khỏi tội lỗi,
lo âu,
mặc cảm;
Xin đổ xuống tràn đầy trên con
khôn ngoan,
sức mạnh
và sự sống của Chúa.*

Chúa Thánh Thần dạy chúng ta biết Chúa Cha

*Lạy Chúa,
xin gửi Thánh Thần Thiên Chúa
giải bày cho mọi con cái Chúa
hoang đàng hay còn trung nghĩa,
tình âu yếm vô song của Cha.
Xin dạy chúng con nhận ra tiếng của Chúa,
nghe được âm vọng
của lời Cha
trên muôn vàn làn sóng.
Xin dạy chúng con cầu nguyện,
gọi Chúa bằng tên Cha,
với tấm lòng con thảo,
luôn biết rằng Cha hiểu và mến thương con.*

Thánh thần dạy chúng ta biết Chúa Con

*Lạy Chúa,
xin gửi Thánh Thần Thiên Chúa
khai mở cho chúng con
bí mật của Con Chúa
“nơi Ngài Chúa ban trọn niềm vui”, và trong Ngài chúng con phó thác tất cả nguồn hy vọng.
Xin Thánh Thần Ngài giúp chúng con
hiểu Phúc-âm,
từng đoạn từng câu,
trong nguồn năng lực tràn đầy của Lời Chúa.
Và xin Thánh Thần Ngài giúp chúng con
đưa Phúc-âm vào trần thế
bằng cuộc sống chúng con,
để khi nhìn vào Kitô-hữu
người ta nhận ra được ở đây
một hào quang của nhan thánh,
một giọng nói,
một nhịp tim trù mến
cũng như nụ cười của Ngài là Cha chúng con*

Thánh Thần dạy chúng ta biết Giáo-hội

*Lạy Chúa,
xin gửi Thánh Thần Thiên Chúa
chỉ cho chúng con biết
mâu nhiệm chân thật của Giáo-hội
bên trên những thiếu sót của môn đệ mình,
những con người từng bước ngập ngừng,*

*mang trên mình gánh nặng hai mươi thế kỷ.
Xin Thánh Thần đưa chúng con
vào mầu nhiệm của Giáo-hội ấy,
mà Maria là mẫu hình sống động;
và xin Thánh Thần luôn ở với chúng con,
để Giáo hội Ngài là nhân chứng trung kiên,
thông truyền trung thực,
là bí tích của Chúa Giêsu,
cho từng thế hệ tiếp nối nhau trong lịch sử.*

Thánh Thần nói lại mối hiệp nhất

*Lạy Chúa,
xin gửi Thánh Thần Thiên Chúa
trên Giáo-hội đang chia rẽ, phân ly,
bằng mồ hôi và nước mắt
tìm kiếm lại sự thống nhất thật sự;
để môn đệ Chúa trở nên một,
nơi mái ấm áp ủ đoàn con đã giao hoà,
sớm thể hiện thời Yêu Thương và Chân Lý;
để chấm dứt gương xấu tệ hại
đã kéo dài quá lâu qua nhiều tháng năm,
và để thế gian nhận biết
Người Con mà Cha đã sai đến cứu độ..*

Thánh Thần hòa giải

*Lạy Chúa, xin gửi Thánh Thần Thiên Chúa
trên cõi nhân sinh,
để Thánh Thần toàn thắng mọi tranh chấp,
xóa giải hận thù và bất công
đang xâu xé nhân loại.
Xin Thánh Thần kết tạo giữa người người
mối hiệp thông huynh đệ
mà họ chấp chững tìm kiếm,
tình huynh đệ chân thật
bắt nguồn từ mối hiệp thông tối cao
của Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần.
Amen*

Phần III

Kitô-hữu là con Chúa Cha

Chương X

Thiên Chúa là Cha

*Thiên Chúa luôn luôn chuẩn bị những việc lớn lao
trong khung cảnh tranh sáng tranh tối của đức tin*
Hồng-y Danneels

1- Chúa là Cha của tôi và là Cha của anh, chị, em

Muốn thấu hiểu nội dung bao la của mầu nhiệm về Chúa Kitô, nên nhìn từ đỉnh cao như lên đỉnh núi để nhìn cảnh trí rõ ràng hơn. Ai muốn đi vào tâm hồn Ngài, trước hết cần nhận ra tương quan làm người Con đối với Cha Ngài: tương quan này chiếm đoạt và điều hành toàn bộ đời sống của Ngài. Tương quan của người Con đối với Cha, được sống ngay trong Chúa Ba Ngôi: Ngôi Lời của Chúa đã chuyển tương quan đó đến nơi thân phận làm người của Ngài và diễn tả trong suốt cuộc sống của Ngài nơi không gian và thời gian. Sự liên kết với Cha Ngài là sự sống và là hơi thở của Ngài.

Ngày nọ, tông đồ Philipphê nói với Chúa Giêsu: *“Thưa Thầy xin tỏ cho chúng con thấy Chúa Cha, như thế là chúng con mãn nguyện”*. Và ta đọc được câu trả lời ngay cho Philipphê: *“Thầy ở với anh em bấy lâu, thế mà anh Philipphê ơi, anh chưa biết Thầy hay sao? Ai thấy Thầy là thấy Chúa Cha. Sao anh lại nói: “Xin tỏ cho chúng con thấy Chúa Cha”?”* (Gioan 14, 8-9).

Câu nói ấy như ánh sáng trong đêm: nó chiếu rọi cả bầu trời.

Nếu cần nhắc lại, tôi dám cả quyết là chúng ta không bao giờ có quyền tách biệt Chúa Con ra khỏi Chúa Cha, không bao giờ có quyền quên đi mối tương quan trong sáng này. Không có tương quan đó, Ngài không còn là chính Ngài. Sức sống của Ngài là hướng về Chúa Cha. Ngài gói trọn việc rao giảng của Ngài trong việc mạc khải Cha Ngài và Nước của Người Cha đó. Ngài đã đến để kể cho chúng ta về Cha Ngài, cho chúng ta biết sức mạnh và sự thẩm thiết của tình yêu mà Cha Ngài dành cho thế giới và mỗi người trong chúng ta: một tình yêu ân cần đi vào mỗi chi tiết nhỏ nhất của cuộc đời chúng ta. Chúa Giêsu đến giúp chúng ta nhận ra những chân trời không còn thể nghi ngờ về tình yêu của Cha Ngài và lòng lân ái, khoan dung vô tận của Ngài.

Ở phần ba này, tôi muốn đề chính Chúa Giêsu chia sẻ tình cảm của Ngài đối với Cha Ngài, khi nêu lên lại lời tâm sự phát xuất tận đáy lòng Ngài mà Thánh Luca đã ghi lại:

“Ngày giờ ấy, được Thánh Thần tác động, Đức Giêsu hớn hờ vui mừng mà nói: “Lạy Cha là Chúa Tể trời đất, con xin ngợi khen Cha, vì Cha đã dấu kín không cho bậc khôn ngoan thông thái biết những điều này, nhưng Cha lại mạc khải cho những người bé mọn. Vâng, lạy Cha vì đó là điều đẹp ý Cha”. Cha tôi đã giao phó mọi sự cho tôi. Và không ai biết Người Con là ai, trừ Chúa Cha, cũng như không ai biết Chúa Cha là ai, trừ Người Con, và kẻ mà Người Con muốn mạc khải cho.

Rồi Đức Giêsu quay lại với các môn đệ và bảo riêng: “Phúc thay mắt nào được thấy điều anh em thấy! Quả vậy, Thầy báo cho anh em biết: nhiều ngôn sứ và nhiều vua Chúa đã muốn thấy điều anh em đang thấy, muốn nghe điều anh em đang nghe, mà không được nghe” (Lc. 10, 22-24).

Trang Phúc-âm này, Giáo-hội công hiến cho chúng ta đọc trong tuần đầu mùa Vọng. Nó cần được đọc kỹ lại để hiểu thấu sứ điệp gửi đến cho chúng ta.

Những lời tâm sự tận đáy lòng của Chúa Giêsu nhiều lần được ghi lại trong các bản Phúc-âm. Và vào lúc sắp từ trần, thì chúng càng gây xúc động. Bữa tiệc ly trong ngày thứ năm Tuần-thánh chấm dứt, Chúa Giêsu nói với các tông đồ: “giờ Ngài đã đến”, giờ vĩnh biệt đã điểm rồi:

Nhưng chuyện đó xảy ra là để cho thế gian biết rằng Thầy yêu mến Chúa Cha và làm đúng như Chúa Cha đã truyền cho Thầy. Nào đứng dậy! Ta đi khỏi nơi đây!

Để hướng dẫn chúng ta tìm lại mối tương quan với Chúa Cha, các giám mục Bỉ đã dành những trang này, giúp chúng ta suy gẫm :

“Trước khi nhìn nhận Chúa “toàn năng”, nên khám phá ra Ngài là Cha. Trước hết Chúa là Cha nơi chính Ngài, vì trong Chúa Ba Ngôi, trước hết mọi sự Ngài sinh Con của Ngài. Chúa là tình yêu vì tình yêu vốn là sự gắn bó làm một trong Chúa Ba Ngôi, bắt nguồn nơi Chúa Cha. Tiếp đó, Ngài cũng là Cha chúng ta vì Ngài đã tạo dựng ra chúng ta và yêu chúng ta đến nỗi nhận chúng ta làm con Ngài. Ai làm người cũng được ghi khắc tự nơi chiều sâu cuộc đời mình mối tương quan với cha và mẹ mình: không có được một mối tương quan giúp mình phát triển và giải phóng, thì đứa trẻ gặp nhiều khó khăn để trưởng thành. Sự kiện đó đúng cho đời sống mỗi người và có giá trị đến với lịch sử toàn nhân loại. Vì quá nhiều thương tổn trong các mối tương quan cha-con trên bình diện con người, nên mối tương quan của chúng ta đối với Chúa - là Cha- có thể bị ảnh hưởng tiêu cực.

Nhiều hình ảnh sai lệch về Chúa, hình ảnh của một người cha hoặc một người mẹ kèm kẹp hoặc khắc nghiệt, hình ảnh người cha áp bức hoặc nhu nhược, đã dấy lên nơi tâm hồn chúng ta khắc khoải hoặc phản kháng. Nhiều người đương thời chúng ta sống thảm kịch này, họ tuyên bố “hoặc là Chúa hoặc là ta”. Người ta nghĩ là phải triệt hạ

Chúa ra khỏi tư duy, văn hóa, xã hội là đạt đến mức trưởng thành. Ngược lại, phải chăng vì thiếu vắng Thượng-đế mà xã hội chúng ta đang bệnh hoạn? Ở đâu không có vết tích của Chúa, ở đấy nhiều người giá rét vì thiếu Cha..

Làm sao chúng ta tất cả là anh em, chị em với nhau được, nếu chúng ta không có cùng một Cha chung? Nếu không có Cha thì chẳng có anh, chẳng có chị. Đức tin Kitô giáo cho hay, Chúa luôn luôn là Đấng ân cần yêu thương chúng ta. Chúa Giêsu nói Chúa Cha tốt lành, nghĩa là có Ngài thì chúng ta hạnh phúc.

Chúa là “Cha chúng ta” vì, trong sự tốt lành của Ngài, Ngài đã muốn là Cha của chúng ta. Hình ảnh một Chúa nghiêm khắc và đàn áp đã làm cho người ta hoài nghi về Ngài. Kỳ thực, Chúa đã yêu thương chúng ta đến nỗi cho chúng ta Con Ngài để chúng ta hiểu rằng Ngài muốn là Cha của chúng ta.

“Xin Thiên Chúa toàn năng là Cha, Con và Thánh Thần chúc lành cho anh chị em”. Mỗi thánh lễ đều kết thúc như vậy. Đấng đã tạo dựng mọi sự, đã tạo ra con người để sống đời đời, vì Đấng ấy không bao giờ lấy lại tình yêu thương từng đã làm cho chúng ta được sống. Cũng trong tình yêu thương ấy, Chúa Giêsu làm cho chúng ta nên anh em của Ngài, và Chúa Cha nhìn chúng ta là con Ngài và để chúng ta gọi Ngài là Cha. Bí quyết của giao ước giữa Thiên Chúa và con người là sự nhìn nhận giữa đôi bên.

Chúng ta thường nghe người ta nói: “Tại sao Chúa không làm điều này? Tại sao Ngài không ngăn cản tai ương như thế? Ngài có đáp ứng lời cầu khẩn của chúng ta hay không? Quyền năng Ngài ở đâu? Và dùng quyền năng ấy để làm gì?”

Chúa toàn năng vì Chúa đã tạo dựng mọi sự. Ngài đã làm nên vũ trụ theo ý Ngài như thế, và sức mạnh yêu thương của Ngài thể hiện trong tất cả những gì hiện hữu chứ không phải nơi những gì chúng ta tưởng tượng Ngài có thể làm ra. Không phải lúc nào Ngài cũng ngăn cản con người khổ đau trước những đảo lộn trong thiên nhiên hay trong lịch sử.

Con người nam, nữ có được lòng yêu thương và trí thông minh, và Chúa gọi họ để điều hành vũ trụ thế giới với Ngài. Nên con người nỗ lực phát triển các ngành khoa học, nghệ thuật và tình liên đới huynh đệ. Con người đóng góp vào việc cai quản thế giới với Đấng Tạo-hóa. Chúng ta biết Chúa muốn điều thiện hảo cho mọi tạo vật của Ngài. Sức mạnh yêu thương của Ngài vượt lên trên tất cả những gì ta nghĩ ra, và sức mạnh ấy, Ngài chia sẻ cho chúng ta. Chúa hành động trong lịch sử con người và trong cuộc sống của mỗi người nhưng tình yêu vô song của Ngài không cưỡng bức tự do của chúng ta: Ngài tôn trọng tự do và chờ đợi chúng ta hợp tác. **Chúa không muốn có những bầy tôi, nhưng muốn có những con cái.**

Vũ trụ đang tiến hóa không ngừng. Con người sống cuộc tiến hóa ấy trong niềm an vui của sự phát triển, nhưng cũng sống trong khổ đau của con người ngày ngày cảm nhận có sự chết hiện diện, kinh nghiệm cuộc sống thăng trầm nay còn mai mất nơi thân phận mình. Con người là tạo vật, và với thân phận thọ tạo, con người có những giới hạn và dòn mỏng. Người có lòng tin tạ ơn Chúa về tất cả những gì Ngài đã làm vì yêu thương. Nhưng là con người, ai cũng bị đau khổ dần vật để bút rứt về thân phận làm người của mình. Vì thế Thánh Phaolô nói rằng: “ Cho đến bây giờ, muôn loài thọ tạo cùng rên siết quặn quại như sắp sanh nở” (Rom. 8, 22).

Kitô-hữu sống khổ đau trong niềm tin vào Chúa Kitô, Đấng giải thoát con người và đưa mọi thọ tạo đến mức thành toàn. Cùng với Chúa Kitô, Kitô-hữu chiến đấu chống lại sự ác và tội lỗi đang tạo hỗn loạn trong con người mình và trong thế giới. Người ấy kinh nghiệm quyền năng của Thiên Chúa như là một cử chỉ yêu thương của Ngài đang chiến thắng sự ác, và dân lối cho mọi tạo vật bước đến một thế giới mới”.

“**Năm Chúa Cha**”, được nêu lên như chủ đề của năm 1999, là dịp cho chúng ta đào sâu tình phụ tử nơi Thiên Chúa, thúc giục Kitô-hữu cảm nghiệm thật sự chữ **Cha** mà hằng ngày họ

vẫn đọc nhưng không chú tâm, không thấm nhập ý nghĩa phong phú và sự dẫn thân đi kèm với tình nghĩa Cha-con này. Vào thời kỳ đầu của Kitô giáo, kinh này ít được phổ biến rộng rãi cho người dự tòng. Nhưng kinh ấy đã được sống: *Kinh Lạy Cha (Pater)* ưu tiên không phải là một kinh để “đọc” nhưng là lời mời gọi đi vào cuộc sống Kitô giáo, mời gọi sống can đảm trong đức tin, ngay cả tử đạo¹⁶.

2. Tình yêu ân cần của Chúa Cha

Chúng ta nhận biết Chúa là Cha chúng ta ngay từ chữ đầu của “*Kinh Lạy Cha*”.

Nhưng chúng ta có xác tín thật sự Chúa là Cha, không ai là cha như Ngài và mọi tình phụ tử đều phát sinh và tùy thuộc vào tình phụ tử của Ngài hay không?

Ta có thấy được toàn bộ ý nghĩa, cảm được sự ấm áp yêu thương, hiểu được các chiều kích tràn đầy nơi chữ ấy hay không?

Trong tập san *Prier*, một nữ độc giả từng hỏi về ý nghĩa tình phụ tử của Thiên Chúa, vì bà mãi bút rút. Bà viết thế này:

“Tôi có những thắc mắc về Thiên Chúa là Cha. Tôi luôn ám ảnh bởi hình ảnh một Thiên Chúa nghiêm khắc hay xét đoán, có lẽ vì tôi từng có những quan hệ khó khăn với chính cha tôi. Làm sao khám phá được tình yêu thương của Chúa Cha tốt lành và nhân hậu ấy?”

Kỳ thực, thắc mắc này cũng là vấn đề của chúng ta. Trước khi nêu lên một lối trả lời, chúng ta cần khiêm tốn lưu ý lời cảnh giác của Thánh Phaolô nhắc nhở chúng ta rằng *chỉ có Thánh Thần mới thấu suốt được những điều sâu kín của Chúa*. Xin Ngài soi sáng chúng ta và dẫn đưa chúng ta vào chốn kỳ diệu của tình yêu Chúa Cha, Đấng thương yêu tất cả chúng ta bằng một mối tình âu yếm ân cần như chỉ có một mình chúng ta trên đời, và ấp ủ chúng ta bằng cả lòng yêu thương vô tận, uy dũng vô song, không mệt mỏi. Ước gì năm Chúa Cha, 1999 giúp mỗi người khám phá được chiều sâu kín của tình phụ tử này!

Thiên Chúa chúng ta yêu từng người một. Căn ý thức về tình yêu ấp ủ và trực tiếp của Chúa. Đừng làm như một kẻ vô danh trước mặt Chúa: những mối thân quen giữa Cha và các con mình là những sự quen biết thân mật, yêu thương qua lại. Chúa biết từng người một. Chúa không lẫn lộn ta với bất kỳ ai. Ngài biết tên, họ của ta; biết cuộc đời ta từng giờ, từng ngày... Ngài biết lịch sử ta từng dòng một, biết cả những gì chưa lộ ra, cả những gì mờ mờ đặng sau ý thức của ta.

Ngài rảo bước theo ta từ bên nội đến miệng huyết; không có gì trong đời ta, nơi người ta mà Ngài không âu yếm, không nhìn đến. Không một sợi tóc nào từ đầu chúng ta rơi xuống mà không có phép của Ngài; không phải như lá cây tự tách khỏi nhánh cây đâu.

Thành-vịnh 139 diễn tả quan phòng của Chúa một cách tuyệt vời:

*“Lạy Giavê, Ngài thấu hiểu và biết con,
Ngài biết lúc con ngồi hay lúc chỗi dậy,
Từ xa, Ngài khám phá điều con suy nghĩ
Ngài nhìn con khi con cất bước hoặc nằm nghỉ*

¹⁶ Năm Chúa Cha có thể là dịp xem kỹ lại lời cầu xin thứ sáu của Kinh Lạy Cha : "Xin chớ để chúng con sa chước cám dỗ". Lời cầu xin này có thể làm cho người ta nghĩ rằng Chúa thử thách chúng ta, điều này trái ngược lại với Thánh Kinh (xem chương 1 Thư của Thánh Giacôbê). Trong lúc tôi đang viết những dòng này, tôi được báo chí cho biết các giám mục Úc đang xin Tòa Thánh nêu lên một lối diễn tả tránh được sự trái nghĩa này. Cũng cần xem thêm: La Revue théologique de l'Université de Louvain, 1995, tập số 3, tr. 306, trình bày rõ về chi tiết liên hệ.

Ngài quen thuộc mọi nẻo đường của con đi.

*Con chưa mở miệng nói,
Thì Gia-vê, Ngài đã biết hết rồi.
Ngài đặt tay trên con,
Ôm ấm, dỗ dành con trước mặt và cả sau lưng!
Hiểu biết của Ngài quá kỳ diệu
Quá cao siêu làm sao con với tới đây!*

*Con đi đâu xa khỏi thân trí Ngài
Trốn ở đâu thoát khỏi nhan thánh?
Nếu con leo đến trời xanh, Ngài đã có đây;
Nếu con vào lửa mặt trời, Ngài lại ở đây!
Nếu con từ hừng đông cất cánh,
Và cư ngụ tận góc biển khơi,
Thì bàn tay Ngài vẫn dẫn lối con đi
Và tay phải Ngài luôn che chở.*

*Và con lên tiếng: Tối tăm che lấp con mắt,
Bóng đêm xóa bóng con mắt!
Thế nhưng, trong đêm tối Chúa luôn nhìn rõ
Với Ngài, đêm đen vẫn sáng như ngày
Và tối sáng có khác gì nhau!*

*Chính Ngài đã tạo nên hình hài con,
Và đã kết dệt nên con ngay trong bụng mẹ,
Khi con chỉ là một mầm non chưa định hình,
Thì mắt Ngài đã thấy con,
Và ngày tháng dành cho con để sống,
Tất cả đều ghi nơi sổ sách của Ngài
Trước khi chúng con xuất hiện.*

*Lạy Thiên Chúa, ý tưởng của Chúa tuyệt vời,
Và biết bao nhiêu là ý tưởng!
Nếu con muốn đếm,
Hẳn chúng còn hơn,
trăm vạn lần hơn cát biển đông;*

Con tỉnh dậy, và con còn ở với Chúa”!

Chúa yêu chúng ta và Ngài biết hết mọi sự, Ngài thông hiểu chúng ta. Chúa thông cảm chúng ta trong cái nhìn tốt lành nhất, thật là hạnh phúc! Và được ai thông cảm, thật hiếm hoi! Bloy viết rằng “Phải sống với tôi thật gần để có thể gọi là bạn tôi”. Chúa hết sức gần gũi chúng ta, bên cạnh chúng ta, trong cuộc sống chúng ta. Chúa luôn nhìn khía cạnh tốt của ta. Ngài tha thứ ngay khi ta tỏ ra có một chút thiện chí, dù thiện chí đó cũng là ơn của Ngài.

Chúa yêu chúng ta, và Ngài gìn giữ chúng ta trên mọi nẻo đường ta đi. Thánh-kinh cho chúng ta hay Ngài đã ủy thác cho thiên thần coi sóc chúng ta, và còn nói thêm rằng Chúa đã đếm tất cả những đốt xương của chúng ta.

Thánh-kinh cũng mặc khải rằng đôi khi Ngài đến gần chúng ta từ từ và hết sức tế nhị. Khi Maria Maladêna thấy Thầy gần mộ, trong Vườn Cây-dầu vào sáng Phục sinh, bà tưởng đó là người làm vườn.

Khi các tông đồ thấy Ngài hiện ra trên làn sóng giữa hồ, họ ngỡ là ma. Khi các môn đệ trên đường Êmau đi cạnh Ngài, họ nghĩ là một người đi đường, không biết đến gì nỗi lo âu của họ.

3- Nhân loại thiếu vắng Cha

Để hiểu rõ hơn niềm tin vào Thiên Chúa là Cha mọi người thật sự là một hồng ân và nguồn sống, tôi xin trích ra đây cảm tưởng của *Jean Rostand*, một tác giả nổi tiếng với nhiều tác phẩm bàn về vị thế của sinh-học trong nền văn hóa hiện đại, một thành viên Hàn-lâm-viện Pháp, và cũng là một người không tin; ta sẽ nhận ra lời nhân chứng qua nét tương phản của đoạn văn:

“Con người, vâng, con người chỉ là một nguyên tử bấp bênh, trôi dạt trong vũ trụ vô hồn và bất tận; con người ấy biết rằng sinh hoạt bùng xung của mình chỉ là một hiện tượng nhỏ nhoi, giới hạn, không nghĩa lý gì mà cũng không đạt được mục tiêu gì. Nó biết rằng các giá trị của nó cũng chỉ quan hệ đến nó mà thôi; kỳ thực nhìn từ không gian thời gian của các tinh tú, thì một vương quốc có sụp đổ, hoặc ngay cả một lý tưởng bị phôi phai, có gì đáng kể hơn là tổ kiến bên đường bị bàn chân người qua lại dẫm nát.

Vì thế, con người chỉ còn biết tìm cách quên đi cảnh bao la ghê rợn đang nghiền nát mình một cách dửng dưng. Nó cố đẩy lui con lốc khô cằn gây choáng váng, bịt tai để không còn cảm được sự thịnh lặng kinh hoàng của vô tận không gian: con người muốn mình thoát khỏi vương mắc của vũ trụ cũng như vũ trụ kia vốn vô tình đối với mình. Co rúm vào trong thế giới riêng của mình, con người cần cù, khôn khéo thực hiện những dự tính nhỏ nhen, giả vờ làm như đang đứng đắn nhìn về mục tiêu vĩnh cửu”.

Tôi thêm vào đoạn văn trên, một lời báo tang trên một tờ nhật báo, lời báo tang cũng đáng làm ta suy nghĩ:

“Chúng tôi báo tin ông X...đã đi vào cõi hư vô... xin miễn thăm viếng, miễn phân ưu. Cuộc sống vẫn tiếp tục”.

4- Tình Phụ-tử và Mẫu-tử nơi Thiên Chúa

*Cha có tên là âu yếm
Cha có tên là tươi xanh
Cha có tên là yêu mến
Cha có tên là Cha
Cha có tên là Mẹ
Cha có tên là đỡ đần¹⁷*

Khi gọi Chúa là “*Cha*” chúng ta không hạn hẹp nội dung chữ cha vào âm hưởng đàn ông: những qui chiếu về phái tính lại không nằm trong phạm vi yêu thương của Thiên Chúa. Chúa Giêsu đã dạy chúng ta gọi Thiên Chúa là “*Cha chúng con*”: Các môn đệ của Thầy dĩ nhiên trung thành với ngữ vựng này, nhưng cũng trung thành với nội dung ấy. Và Thánh-kinh nêu lên nhiều hình ảnh về phái nữ để nói lên tình yêu của Chúa Cha. Thánh-kinh ghi rằng:

¹⁷ Trích sách “*Francois*” của Auguste Valentin S.J.

“Có phụ nữ nào quên được đứa con thơ của mình...Ta cũng chẳng quên người bao giờ”

(Is. 49, 15).

Trong Cựu-ước, ta cũng thấy một hình ảnh người Cha được trình bày dưới những nét của bà mẹ:

*“Vì Sion từng nói:
Giavê đã bỏ tôi, Chúa đã quên tôi!
Có phụ nữ nào quên được con mình nuôi dưỡng,
Không thương con mình đã mang nặng đẻ đau? Cho dù có người quên được con mình như thế!
Thì Ta, Ta cũng chẳng quên người bao giờ”.*
Đây, Ta đã ghi khắc người trên lòng bàn tay Ta”

(Is. 49,14-16)

Và một nơi khác:

*“Như mẹ hiền an ủi con thơ,
Ta sẽ an ủi các người như vậy”*

(Is. 66, 13)

Chúng ta không vẽ bày thêm thất tình yêu Chúa Cha, vì tình yêu này kỳ thực ôm trọn tất cả sự phong phú, đa dạng của tình yêu nhân loại dưới mọi hình thức: lứa đôi, con cái, anh em, bằng hữu. Để mặc khải cho chúng ta khuôn mặt người Mẹ nơi tình yêu của Ngài, Chúa đã không thúc đẩy tạo ra một lối xưng hô phái nữ, nhưng Ngài đã ban cho chúng ta một bà mẹ nhân trần: Mẹ Maria, Mẹ được Chúa đổ đầy ơn phúc, cho Mẹ và cho chúng ta, là dụng cụ tuyệt vời của chính lòng mến yêu của Ngài.

.....

Chúa Giêsu không để lại cho chúng ta các sách thông thái làm gia sản. Ngài đã chọn một phương thế khác để con cái Ngài nhìn ra lòng yêu thương sâu thẳm của Cha Ngài: Ngài kể một câu truyện (có thể là chuyện cảm động nhất trong Phúc-âm) về đứa con trai hoang đàng. Ở đây hình ảnh nổi bật không phải là người con, nhưng là hình ảnh người cha không ngừng chờ đón đứa con hoang trở về. Khi thoáng thấy con mình từ xa, trái tim Cha đã đến đón tiếp. Niềm vui của Cha tóm lại trong một câu: -”Con của Cha”-. *Con ta đã chết và nay đã trở về cuộc sống; nó đã mất và nay ta đã tìm lại được”*. Cha yêu thương và quên hết, không để cho con còn có giờ để diễn tả lòng hối tiếc.

Chương XI

Chúa hành động

*“Ấn-nhấn là đưa Chúa
vào giữa khổ đau và chính mình”*
Bà Swestchine

1- Những bất ngờ đầy ý nghĩa

Chúa yêu chúng ta, yêu từng người, trực tiếp, ân cần chu đáo và ân khuất sau những sự kiện như là tình cờ, như là không có chủ định. Có nhiều sự việc tình cờ lạ lùng trong Phúc-âm. Ta đọc đoạn này để thấy sự bất ngờ kỳ diệu:

- Trên đường dài mệt mỏi, Chúa ngồi lại trên bờ đá của một giếng nước gọi là giếng Giacóp: Chuyện tự nhiên hết sức! Một phụ nữ người Samaria lúc ấy xuất hiện, mang theo một bình đựng nước. Cũng không có gì đặc biệt. Thế nhưng, ai ngờ đây là một cuộc gặp gỡ giữa lòng nhân hậu của Thiên Chúa và sự yếu hèn của con người! Thân phận người phụ nữ này sẽ được quyết định trong cuộc đối thoại của Thầy với bà: Thầy đưa bà trở về quá khứ của chính bà, và từ đây biến cải bà trở thành người chuyển sứ điệp của Đấng Thiên-sai cho người thân quen của bà.

- Và đây là một thí dụ khác về trò chơi kỳ diệu của tình yêu Thiên Chúa như núp lén đợi chờ. Thánh-kinh kể cho chúng ta về cuộc tử đạo đầu tiên trong Giáo-hội, Thánh Stêphanô bị ném

đá đến chết. Bản văn kết thúc bằng mấy hàng này: “*Các nhân chứng đã bỏ áo của Stêphanô dưới chân của một thanh niên gọi là Saolô*”.

Thật độc đáo. Phải chăng nơi đây mâu nhiệm về cuộc trở lại của Thánh Phaolô như đã tiềm ẩn? Cuộc trở lại ấy không phải là hoa trái đầu tiên của cuộc tử đạo đẫm máu, thành tích cuộc chinh phục đầu tiên của Thánh Stêphanô hay sao? Sự tình cờ ấy, sự trùng hợp ấy không phải là đã tiềm ẩn bước đi của tình yêu Chúa dành cho Thánh Phaolô tương lai hay sao? Hẳn chúng ta khó mà tin được rằng Chúa có thể lo lắng cho chúng ta một cách chu đáo đến như thế.

Thế nhưng Phúc-âm chứng thực việc này qua biết bao sự việc:

- Chúng ta đọc lại đoạn tiệc cưới Cana. Chúa Giêsu và Mẹ Ngài đến dự trong một bữa tiệc tại đây. Đến một lúc nào đấy, rượu như sắp hết. Maria lên tiếng xin con mình một cách đơn sơ thế này: “*Họ hết rượu*”. Và phép lạ công khai trước công chúng lần đầu tiên được Chúa thực hiện theo lời xin của Mẹ mình; một phép lạ từ một chi tiết bình thường của cuộc sống gia đình, để giúp kẻ nghèo khổ tránh được một tình cảnh khó khăn, mà ngay chính họ cũng không nhận ra. Chi tiết ấy, Chúa nghĩ là đáng dừng lại, đáng lưu ý để dùng quyền năng của Ngài đổ đầy yêu thương cho con cái Ngài.

- Và ta còn thấy Natanaen đến trình diện với Thầy lúc Chúa Giêsu tuyển chọn môn đệ đầu tiên. Khi thấy Natanaen tiến lại gần, Chúa nói: “*Đây là một người do-thái trung thực, một người không giả tạo*”. Natanaen hỏi lại Chúa: “*Tại sao Thầy biết con*”. Hãy nghe câu trả lời của Ngài: “*Trước khi Philipphê gọi anh, lúc anh còn ở dưới cây vả, Thầy đã thấy anh*”. Chúng ta không biết Chúa Giêsu muốn gọi lên việc gì đằng sau câu nói ấy, nhưng câu trả lời của Ngài rõ rệt cho thấy Ngài luôn ân cần lưu ý đến ta.

2- Giờ của Chúa

Để nhận ra Chúa đang hiện diện và ân cần lo lắng cho chúng ta trong suốt cuộc đời mình, chúng ta cũng cần ý thức về một lối hành động riêng của Chúa, mà chúng ta cứ quên mãi mỗi khi chúng ta thắc mắc sao Ngài lại không xuất hiện vào lúc mà chúng ta chờ mong.

Và toàn bản văn Thánh-kinh lặp lại cho chúng ta thấy *giờ của Chúa* là bí mật riêng của Ngài.

Chúa Giêsu đã không nói nhiều lần thế này sao: “*Giờ ta chưa đến*”, “*Giờ ta đã cận kề*”. Rõ ràng là Ngài không để cho ai thiết định giờ của Thiên Chúa ngoài Cha Ngài. Ngài không muốn ai ép buộc hoặc tạo ngõ ngàng. Ngài biết chờ đợi và chọn lựa giờ của Ngài.

Ngài ngủ trong thuyền, lúc có bão táp: Ngài không hấp tấp đến cứu các môn đệ đang run sợ. Nhưng Ngài hiện diện ở đây, và Ngài sẽ làm dẹp yên sóng gió, khi giờ của Ngài đến.

Khi người ta hỏi Ngài về tương lai, Ngài nói với các môn đệ rằng: “*Anh em không biết ngày và giờ*”. Và Phêrô sau này không hiểu tại sao Thầy muốn rửa chân cho mình, Ngài nói: “*Điều Thầy làm bây giờ anh không hiểu đâu, sau này rồi anh sẽ hiểu*”.

Chúng ta cũng vậy, chúng ta phải chấp nhận việc Chúa tỏ bày Tình yêu Ngài cho chúng ta vào giờ riêng của Ngài. Chúng ta phải chấp nhận lẽ lối riêng của Chúa. Kitô-hữu chúng ta quen muốn sắp đặt lẽ lối riêng của mình buộc Chúa phải theo, nên hay dễ dàng phàn nàn tại sao Chúa không nhận lời chúng ta cầu xin. Chúa luôn nhận lời cầu khẩn, điều đó không thể nghi nan gì được. Nhưng vào giờ của Ngài. Chúa nói: “*Đường lối của ta không phải là bước đi của các người*”. Chúng ta hãy để cho Chúa làm: Ngài biết vô vàn lần hơn chúng ta về điều Ngài làm. Và chúng ta hãy tin vững vàng rằng mọi điều Ngài thực hiện đều mang lại thiện ích cho những người mà Ngài thương mến. Và khi nói *mọi điều*, thì anh em phải hiểu là *tất cả*. Tất cả, có thể cả nỗi khổ đau đang làm ta khốn đốn. Tất cả, kể cả những tội lỗi mà nhớ lại thôi thì anh em chúng ta thấy nhục nhằn rồi.

Tình yêu của Chúa bất chấp tất cả những gì xem ra có thể làm ta vương mắc hoặc tạo trở ngại cho ta. Hãy tin và trông cậy Ngài. Ngày nào đó, khi ở thiên đàng, anh em hãy cảm ơn Chúa tại sao Ngài không chấp nhận đáp trả lời van xin của anh em theo như anh em mong ước, mà là

theo phương cách của Ngài. Ngày kia anh em sẽ cảm tạ Chúa đã thương mến anh em, trong Chúa, theo chiều cao, chiều rộng, chiều sâu của một tình yêu vượt xa và làm chúng ta hệt hẳng, và lúc này chúng ta có cả vĩnh cửu để nói cảm ơn.

2- Cha chúng ta và mâu nhiệm khổ đau

Không ai tránh được khổ đau. Khổ đau đeo đẳng theo lưng chúng ta, từng bước và từng bước, từ vành nôi đến huyết mộ, như bóng đuôi theo hình. Chúng ta khó hiểu được điều gọi là mâu nhiệm khổ đau. Chúng ta chỉ mong sao có được một thế giới chỉ toàn là mặt trời, và không bao giờ có bóng tối. Nếu làm được, hẳn ta chỉ tạo hai mùa: xuân và hạ, hẳn nhiên không có mùa đông rồi! Thế nhưng mùa mà chúng ta gọi là mùa chết ấy không phải là mầm sống hay sao?

Hãy nhìn mùa đông trong các cánh rừng xứ Âu Châu: Cây cối trơ trụi lại chuẩn bị tổng nhựa sống lên, cành lá héo khô bị chặt tia nhường chỗ cho những mầm lộc đang vươn ra. Mùa đông không phải là sự chết, nhưng là mùa nảy mầm. Mùa đông là thời gian đất được cày bừa bón phân sẵn để nuôi dưỡng hoa màu mùa sắp đến. Mùa đông không phải là cánh tiêu điều chờ chết, nhưng chờ đợi sự sống chắc chắn sẽ xuất lộ.

Khi ai đau yếu, ta nắm tay làm một vài cử chỉ thân thiện an ủi; ta muốn cho người bệnh biết ta gần gũi họ, thông cảm, chia sẻ nỗi đau. Những lời nói lúc bấy giờ sao mà hời hợt, vì kỳ thực khổ đau là cái gì mà cá nhân cảm thấy riêng nơi mình, và không chia sẻ cho ai được.

Trước mâu nhiệm này, tôi xúc động nghe được câu nói đơn sơ nhưng sâu sắc của Claudel:

“Chúa Giêsu không đến để diệt khổ. Ngài không đến để giải thích đau khổ. Ngài đến để làm đầy đau khổ bằng sự hiện diện của Ngài”.

Tôi muốn ghi lại đây một vài trang sách diễn tả cùng một sứ điệp, một tinh thần ấy. Một phụ nữ có cuộc sống đức tin thâm sâu đã diễn tả mối hiệp thông với Chúa trong khổ đau bằng những dòng chữ này, những dòng chữ ghi lại tiếng nấc nghẹn ngào của đức tin trong đêm tối:

“Lạy Chúa của con, xin cho con nhận ra hành động của Chúa mọi nơi, trong mọi tạo vật làm tổn thương con, trong mọi biến cố xuyên qua đời con, cũng như trong muôn ngàn nỗi hân hoan làm con rạng rỡ. Xin thực sự cho con hiểu được rằng bên trên mọi việc xảy ra đã tạp với vô vàn mục tiêu, có cứu cánh duy nhất, và cứu cánh ấy là chính Chúa!”

Cũng một bàn tay, nhưng có thể thay nhiều bao tay bằng nhung, bằng sợi gai, hay bao tay bằng sắt, tùy bàn tay ấy âu yếm sờ đụng con hay tạo phiền não. Nhưng lạy Chúa là Chúa của con, bao tay nào đi nữa thì cũng luôn là bàn tay của Chúa, bàn tay tốt đẹp và trìu mến nắm lấy tay con để thì thầm: “Cha yêu con”.

Nhưng một bàn tay, dẫu dịu dàng, mà bóp giẹp bằng bao tay sắt thép thì luôn giá lạnh và cứng cõi, chưa nói là làm cho đớn đau. Bao tay bằng sợi gai, hẳn còn chịu được... Chúng con không bao giờ muốn chỉ có bao tay bằng nhung, nhưng lạy Chúa, Chúa lại hay sử dụng loại bao tay này hơn các loại bao tay khác...

Lạy Chúa là Thầy con, xin Chúa cứ tùy nghi, đừng ngại gì; xin cứ dùng loại bao tay nào Thầy muốn; xin nắm siết tay con tùy sở thích của Thầy. Chỉ xin Thầy cho con được tự do cởi bỏ bao tay và hôn lấy bàn tay Thầy trong tình con thảo”.

Tôi ít khi đọc được những nội dung sâu sắc về đau khổ hơn là những dòng chữ của vua Baudouin viết gửi cô Veronica O'Brien, là người hướng dẫn cuộc sống siêu nhiên của vua. Đây là bức thư:¹⁸

¹⁸ **Vua Baudouin** nước Bỉ- Âm hưởng một cuộc đời, Bản dịch do Định Hướng Tùng Thư xb, 1998, tr 118-120.

“Tôi phải cố gắng nhiều hơn nữa khi gặp phải một thánh giá nhỏ. Mỗi lần như thế, tôi thường để cho sự việc qua đi mà không nhận ra đó là thánh giá, đón nhận, ôm ấm thánh giá đó như Chúa Giêsu đang đến gặp tôi.

Tôi ao ước tiếp đón Ngài với tâm hồn hân hoan và cảm tình âu yếm! Và chớ om sòm lên mỗi khi thấy đau đớn, khó chịu trong người.

“**Phó mặc vào Chúa quan phòng**”: Tôi biết tôi còn lâu mới đạt được tâm tình này. Nhưng tôi tin Chúa là Cha sẽ cho tôi ơn đó; nếu không, Ngài không gửi đến cho tôi những ơn ích, đó là những khổ đau linh tinh mà các bác sĩ hay nhất cũng không biết là do bệnh gì.

Một lãnh vực khác mà tôi còn phải tu luyện, đó là đừng thấy tổn thương, khó chịu khi người ta không tỏ ra cảm ơn mình. Trong những việc này, cô là tấm gương sáng cho tôi kể từ ngày chúng ta quen biết nhau”

Trong Mẹ Maria (In Ea)

Và cô Veronica trả lời bức thư ấy như sau:

“Tôi chúc Ngài một mùa chay thánh thiện, rất thánh thiện; tinh tế, nhạy bén, ân cần hơn nữa trong sự trung thành với những gì Thánh Thần Chúa sẽ đòi hỏi Ngài. Đau khổ là một bí tích thanh tẩy tuyệt vời, nên Chúa để dành cho Mẹ Ngài và tất cả những người mà Ngài đặc biệt yêu thương như một ơn ích khôn tả.

Đó hẳn là một luồng sinh lực yêu thương của Thiên Chúa; một cái gì giống như câu “*ecce sto ad ostium et pulso*” (này ta đứng ở cửa và gõ); và chúng ta sẽ cảm ơn Chúa muôn đời về ơn này, có thể nói là khóc lên vì vui mừng.

Chúa đã đặt để cho Ngài sống tình cảnh này từ nhiều năm, và điều mà nay xuất lộ ra như một cái gì kinh hoàng, thì nên gọi cho đúng tên thật của nó: “đấy là những lối yêu đương và là những kỳ diệu Chúa gửi đến cho ta”.

Tôi biết rằng Ngài thấy sự việc đúng như thế; nhưng tôi cũng biết rằng Chúa dùng tôi nhắc lại sự thật này là để ban cho Ngài thêm một lần nữa nguồn sinh lực của ân sủng. Tôi nói lại cho Ngài hay vì có nhiều việc quá đẹp nói hoài không hết.

Về phần tôi, tôi cố gắng làm hết sức mình để mỗi ngày là một chuỗi dài của việc kết hiệp với Thánh Linh và Mẹ Maria. Kết hiệp với thánh ý Chúa, là kết hiệp với tình yêu của Tình Yêu, đó là Thánh Thần. Tất cả đều trở thành hết sức đơn sơ.

In Ea¹⁹

Trong cuốn sách tựa đề: **Bức thư thứ nhất gửi những chuyên gia**²⁰, vấn đề kỳ bí của khổ đau đã được đề cập hết sức cảm động và sắc bén dưới ánh sáng của niềm tin Phục-sinh. Tôi xin trích đoạn văn liên hệ:

“Thiên Chúa cho chúng thấy ý nghĩa kỳ bí của khổ đau qua Chúa Giêsu: Ngài đến gặp gỡ con người, mặc lấy thân phận con người đến mức phải đi vào đêm tối của thất vọng và cõi chết. Không đâu và không lúc nào diễn tả rõ hơn được việc Thiên Chúa đứng về phía những người bị mọi người bỏ rơi đến độ có thể có cơ để tin rằng mình cũng đã bị Chúa từ rẫy. Chúng ta đã dựa vào đâu để nói là Chúa hay trả thù và hung bạo? Hẳn nhiên là đã dựa vào một lối suy nghĩ ngoại đạo sơ khai nào đó vào thuở xa xưa, chứ

¹⁹ Trong Mẹ Maria

²⁰ Philippe BAUCH et Jacques NEIRYNCK, **Première Epître aux Techniciens**, Ed. Presses Polytechniques et Universitaires Romandes, Lausanne, Suisse

không thể dựa vào Phúc-âm được. Không có nỗi khổ đau nào sâu xa đến mấy mà Chúa đã không sống qua, không có cái chết nào phi lý hơn cái chết Ngài đã hoàn thành. Ngay cả tội giết hại kẻ vô tội bây giờ không còn là một điều ác dứt khoát nữa, vì Thánh giá bảo chúng sự Phục sinh của Ngài : bí ẩn sự ác đã được vượt qua và chuyển hóa qua mâu nhiệm của ơn tha thứ.

Trong niềm tin vào Đấng đã từ cái chết của Chúa Giêsu làm nên cuộc vượt qua giải thoát con người, một “sự chuyển hóa” mang lại sự sống, mọi khổ đau không cách nào giải thích nổi nay mang lấy một giá trị cứu độ, dù trí khôn ta không thấu hiểu hết giá trị đó. Trong sự chọn lựa niềm tin này, cuộc sống chúng ta hẳn tìm ra được ý nghĩa, và thánh giá không phải là một dấu hiệu loan báo sự chết, nhưng trở nên dấu chỉ con người được nâng lên, hai tay giang rộng mở ra với cuộc sống.

Từ nay, điều ác, điều xấu, hoặc khổ đau tuyệt đối là cố đi xa hoặc cố tách khỏi tình yêu; ngoài tình yêu, cuộc sống chúng ta sẽ hết sức phi lý, tuyệt vọng, và là khổ đau vô nghĩa, là tội lỗi hết đường cứu gỡ.

Nếu không ngại phải diễn tả một cách hơi ngược ngạo, thì có thể nói nhiều lúc trong niềm tin yêu này, chúng ta chứng kiến sự kiện kỳ bí : khổ đau có thể trở thành dịp giúp ta đến gần Thiên Chúa. Sự kiện này luôn bất ngờ, nhưng không, ngược đời; nhưng chính nhờ đau khổ một số người đã gặp được Thiên Chúa đang vác thánh giá đồng hành với họ.

Tình yêu Chúa không miễn cho chúng ta kinh nghiệm phải đụng đầu với những bất toàn và thân phận hữu hạn của chúng ta: trừ phi ta muốn ép Chúa phải can thiệp vào mỗi thử thách, bất chấp những cơ cấu của trần thế? Trừ phi chúng ta oán trách Ngài tại sao không tạo ra những tạo vật hoàn toàn tốt đẹp và mãi mãi hạnh phúc, không bị vấp vấp việc này việc nọ, không cần có lịch sử, nói cách khác chẳng cần có tự do? Chúng ta có thể nghiêm chỉnh cho rằng có thể có một thứ tình yêu không từng biết hoặc không từng muốn chấp nhận nguy cơ có thể bị ruồng rẫy hay không? Chúng ta muốn mất đi khả năng đối đầu với tự do, chẳng khác gì chúng ta chối bỏ may mắn được tự do đi vào một mối tình mà kẻ ta yêu thương có thể tự do đáp trả.

Khi ban Con Ngài cho chúng ta, Thiên Chúa đã không ban hết cho chúng ta rồi sao? Có sự kiện người ngay chính bị thử thách, và vì thế có bao kẻ phản kháng một cách đứng đắn hoặc quá mức: quá nhiều bất hạnh trên đời dày xéo họ; phải, nhưng chúng ta cũng như họ không còn có thể trách móc Một Thượng đế vô tâm, bất chấp khổ đau luôn ngời trên đầu trên cổ chúng ta và buộc chúng ta phải phục tùng. Hoặc ít nhất, từ nay phải nói cho rõ là “Thượng-đế” ấy không liên quan gì đến với Chúa của Kitô giáo hết. Vì có thể nào Chúa ngồi vào ghế bị cáo, khi sự xót thương của Ngài tung đổ nơi khổ nạn của Đức Giêsu, Đấng không ngồi “trên cao” để phán xét chúng ta, nhưng quì gối trước chúng ta, để rửa chân cho chúng ta. Đấng ấy, chúng ta nỡ từ chối, ruồng rẫy được không, nếu chúng ta bắt gặp cái nhìn của Ngài?”

Trước vấn đề khổ đau, đối diện với Thiên Chúa, tôi nghĩ rằng chúng ta cần tìm một tia sáng trong đêm, không phải bằng cách đưa khổ đau đối chất với quyền năng của Đấng Tạo-hóa, nhưng bằng cách đi vào trong Mâu nhiệm Tình-yêu qua nhận thức về việc Chúa tôn trọng hết mức tự do của con người. Tôi nhìn đến hình ảnh mà thi hào Hölderlin nói về việc tạo dựng con người:

“Chúa đã làm nên con người như biển đã làm nên các lục địa, bằng cách rút lui”.

Việc Chúa tạo dựng con người hàm ngụ sự rút lui của Chúa, vì Chúa là Tình-yêu, và tình yêu qua lại chỉ có thể quan niệm được trong sự tự do đáp trả mà mình hy vọng.

Đề cho con người có thể sống và thờ, một cách nào đó Chúa phải *chết đi*, nghĩa là che đi quyền năng vô tận của mình, và trong sự độc lập hoàn toàn của quyền năng nơi Ngài, Ngài phải

chấp nhận sự lệ thuộc này. Như linh mục Varillon từng viết: “*Đáng Tạo-hóa không quyền năng vô tận, chính tình yêu có uy lực vô song*”.

Kết thúc chương này, tôi muốn ghi lại đây chứng tá cảm động của một thanh niên Do-thái ở trong khu biệt cư tại Varsovie, bị quân đội Đức-quốc-xã (chiến tranh 1940-1945) giết chết lúc chiếm nước Ba-lan. Trên một bức tường thành phố, anh ấy viết mấy dòng chữ này:

*“Tôi tin vào mặt trời
dù nó không chiếu sáng.
Tôi tin vào tình yêu
dù tôi không cảm được.
Tôi tin vào Thiên Chúa
dù tôi không thấy Ngài”.*

Chương XII

Năm Chúa Cha

*Không ai giàu đến độ không còn thấy cần phải nhận,
Không ai nghèo đến mức không còn cái gì để cho*
Helder Camara

1- Để kiến tạo tình huynh đệ nhân loại

Năm Chúa Cha là lời mời gọi mọi người thiện chí thực hiện lời ca trong đêm Giáng sinh:
*“Vinh danh Thiên Chúa trên trời
và bình an dưới thế cho người Chúa thương”.*

Hoàn cảnh nghịch thường của cuộc sống nhân loại hôm nay là, một mặt, tâm thức con người tha thiết với được tình huynh đệ chân thật, bên cạnh thực tế lịch sử kết dệt bởi tranh chấp và chiến tranh có lúc phải chịu đựng cả bom nguyên tử.

Ước gì năm Chúa Cha làm bung bể bức tường âm thanh để con người đến được với con người, và cổ vũ mọi người xây dựng hoà bình trên thế giới.

Người ta chen nhau sống, kề cận nhau, thế nhưng mọi người như đang sống mỗi người mỗi phương trong khối đoàn lữ vô danh: không ai nói đến tên thật của mình, không ai muốn thiên hạ nhìn khuôn mặt thật của mình. Người ta vội vã đâm đầu bước, không nói, không chào, không cười, không hỏi.

Các dân tộc đã gần gũi, hiệp thông và thân thiện với nhau rồi ư? Không đâu, con đường đến chốn ấy còn xa lắm. Người ta đâu có muốn biết đến chiều sâu văn hóa của mỗi dân tộc; người ta đâu để ý đến kho tàng ẩn kín của các truyền thống, của minh triết để trao đổi, tô bồi cho thiện ích chung của nhân loại, để làm cho muôn người được dồi dào, tốt, đẹp hơn.

Cuộc cách mạng sơ khởi phải thực hiện ngay đó là tập nói chuyện với nhau, chứ đừng ngồi ì ra, nhìn trân trân mà không hề thấy, không hề gặp ai.

Thế kỷ chúng ta đã khám phá không gian liên-hành-tinh, liên-vũ-trụ, nhưng không gian phân cách giữa người với người chưa dám bước qua.

Thế giới chúng ta xây dựng những chiếc cầu khổng lồ bắc qua sông rộng và cả eo biển, nhưng chưa biết làm cách nào nối kết các dân tộc với nhau, kết tạo mối tương liên giữa các bến bờ văn hóa.

Thế kỷ chúng ta đã khám phá được năng lượng nguyên tử, nhưng chưa nghĩ đến việc khám phá năng lực kiến tạo hòa bình và đồng tâm, năng lực của yêu thương và thông cảm.

2- Dịp may để cố sụy tình huynh đệ đại kết giữa Kitô hữu

Đại kết là mệnh lệnh của Chúa

Chúng ta không thể nào tiến đến đại kết nếu không can đảm nghe từng chữ một trong lời Chúa dặn dò các môn đệ phải trở nên một, để thế gian tin là Chúa Cha đã gửi Ngài đến.

Việc chúng ta chia rẽ như thế này không phải chỉ là một việc tai tiếng mà thôi, nhưng là trở ngại trầm trọng cho việc loan báo Tin-mừng cho thế giới.

Một tài liệu quan trọng do một nhóm nghiên cứu chung của Giáo-hội Công-giáo và Hội đồng đại kết các Giáo-hội phát hành, nhắc lại rõ ràng nội dung ấy và đánh giá rằng nhu cầu hiệp nhất hữu hình của Giáo-hội không thể phân chia, là một “mệnh lệnh đại kết”. Tôi xin trích lại những giòng chữ ấy:

“Chúa Giêsu, trong tư cách tư tế của mình, đã lên tiếng cầu xin cho những ai tin vào Ngài: “để tất cả nên một, như Cha ở trong Con và Con ở trong Cha để họ cũng ở trong chúng ta. Như vậy, thế gian tin rằng Cha đã sai Con. Phần Con, Con đã ban cho họ vinh quang mà Cha đã ban cho Con, để họ được nên một như chúng ta là một! (Gioan 17, 21-22). Sự hợp nhất Chúa kêu gọi môn đệ Ngài thực hiện không phải là công lao của họ. Thật sự nó là điều Chúa Kitô đã muốn trao cho họ, để họ thể hiện trước mọi người sự hiệp nhất mà (Chúa Ba Ngôi) đã từng ban cho họ trong Chúa Kitô, để thế gian tin. Đây là sự hiệp nhất xây dựng trên cuộc sống hiệp thông giữa Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, và là phản ảnh của mối hiệp thông ấy.

Như vậy, mệnh lệnh đại kết và sứ mệnh rao truyền Tin-mừng của Giáo-hội gắn bó với nhau không thể phân ly, và sự gắn bó ấy nhất thiết phải có để thực hiện công cuộc cứu độ toàn nhân loại. Nỗ lực xây dựng đại kết mức lấy hứng khởi nền tảng nơi hy vọng hướng về bước hoàn thành chung cuộc của sự cải hóa liên tục và mối hiệp nhất của toàn nhân loại”²¹

Bước đầu

²¹ Bản văn ký tên giám mục Alas G. Clark và tổng giám mục chính thống giáo Elias Audé, đồng điều hợp.

Lời kêu gọi này xin gửi đến tất cả các anh chị em của chúng ta trong Giáo-hội Chúa Kitô theo truyền thống Rôma. Đối thoại giữa các thế hệ khác nhau quá khó khăn đòi hỏi mỗi người phải cố gắng lắng nghe và tiếp nhận nhau.

Đối thoại giữa các Kitô-hữu thuộc các truyền thống khác nhau - Chính-thống-giáo, Anhgiáo, Tin-lành - cũng gặp nhiều trở ngại. Phần tôi, tôi mơ ước rằng ưu tiên phải quyết tâm và can đảm tiến hành cuộc đối thoại chân thành giữa Rôma và Constantinôpôli. Cuộc đối thoại trước hết không phải là đối thoại giữa Rôma và Constantinôpôli, nhưng cả hai cùng nhau trở về lại Nhà-hội ở Giêrusalem, là điểm khởi đầu của chúng ta.

Ngàn Năm thứ nhất Kitô giáo, mặc dù có những khủng hoảng và hiểu lầm, nhưng đã là một thiên niên kỷ không chia rẽ.

Thiên niên kỷ thứ hai là ngàn năm của rạn nứt đau thương trong các thế kỷ 11 và 16. Thiên niên kỷ thứ ba đang mở ra trước mắt chúng ta cho thấy xa xa một chân trời hy vọng.

Con đường đã vạch sẵn, như Vladimir Solovieff, vị tiên phong tuyệt vời về đại kết vào thế kỷ 19 từng viết:

“Để có thể xích lại gần nhau, chúng ta cần hai việc: việc đầu tiên là củng cố và tăng cường mối hiệp nhất của chính chúng ta với Chúa Kitô. Việc thứ hai là tôn kính cuộc sống linh hoạt của Chúa Thánh Thần nơi tâm hồn người anh em mình, vì Ngài ở trong người ấy.

3- Một gợi ý mục-vụ và phụng-vụ

Để ghi khắc năm Chúa Cha vào ngay trong sinh hoạt Giáo-hội, chứ không phải chỉ là lời kêu gọi chóng qua, tôi xin được gợi ý đưa một ngày lễ công khai tôn vinh Chúa Cha và đặt nổi tình phụ tử của Chúa Cha đối với chúng ta vào chu kỳ phụng-vụ.

Toà-thánh hẳn nhiên sẽ qui định các thể thức mừng “*Lễ Chúa Cha*”, và có thể kéo dài trong tuần bát nhật.

Tôi ao ước Giáo-hội trong năm mừng Chúa Cha 1999 làm nổi bật tình phụ tử của Chúa và lan toả nguồn ấm áp và ánh sáng của mối tình này trong những năm tháng về sau.

Đã hẳn rằng phụng-vụ hiện nay đã giúp chúng ta tiếp cận sự hiện diện của Chúa trong suốt cả năm, nhưng việc đặt nổi tình phụ tử của Chúa và nhắc nhở một cách ưu tiên chưa được Kitô-hữu nhận ra; do đó, quyết định tương lai đòi hỏi phải suy nghĩ xem chúng ta muốn việc công võ này tác dụng như thế nào trong viễn tượng đức tin và rao truyền Phúc-âm của Giáo-hội.

Chúng ta nhìn thoáng qua chu kỳ năm phụng vụ để thấy có một chỗ thiếu có thể dễ dàng bổ sung; và việc bổ sung này lại là kết quả kéo dài “*Năm Chúa Cha*”, áp dụng cho thế kỷ đang đến.

Hiện nay chu kỳ cổ điển của năm Phụng-vụ qui vào lễ Giáng-sinh (sinh nhật của Chúa), Phục-Âsinh (Chúa Giêsu được sống lại), và Hiện Xuống (Chúa Thánh Thần được gửi đến). Nếu gợi ý của tôi được áp dụng (tôi hy vọng vậy), thì tôi xin lưu ý thêm về thời điểm phải chọn để thực hiện mục tiêu này. Tôi nghi là ngày lễ sẽ được xếp vào giữa ngày Lễ Hiện Xuống (bị chấm dứt đột ngột, vì tuần bát nhật trước đây không còn giữ lại) và Mùa Vọng sắp mở ra trong một vài tháng sau đó.

Tại sao lại không chọn đúng vào ngày Chủ nhật mừng Chúa Ba Ngôi tiếp theo Lễ Hiện Xuống! Ngày Lễ Chúa Ba Ngôi là ngày lễ của Thiên Chúa và Thiên Chúa là Cha. Như vậy tín hữu sẽ hướng tâm hồn tập chú vào Chúa Cha, nguồn của Ba Ngôi để chấm dứt chu kỳ phụng-vụ, và chuẩn bị chu kỳ mới trong Mùa Vọng. Đây cũng là một dịp tuyệt vời để chuẩn bị thật sự mừng lễ Sinh-nhật, sự kiện ấy trước hết hẳn là tiếng “*Xin Vâng*” của Ngôi Lời với Cha mình ở trên trời, và chuẩn bị cho lời “*Xin Vâng*” của Maria dưới thế trần.

Chúng ta cần giúp người Kitô hữu thấu hiểu ý nghĩa đức tin khi mừng lễ Giáng sinh để họ sống màu nhiệm Thiên Chúa nhận chúng ta làm con trong Chúa Giêsu Kitô và nhờ Chúa Giêsu Kitô. Giáng sinh công hiến hai khuôn mặt, khuôn mặt của *trời cao* và khuôn mặt trần thế. Thế

nhưng Giáng-sinh như đã mất đi ý nghĩa của mầu nhiệm giao ước nối kết Thiên Chúa với con người và con người với Chúa.

Nếu dùng lại ngôn ngữ của Thánh Phaolô, chúng ta có thể nói là mình sống quá ít “tâm cao, độ sâu và chiều rộng của mầu nhiệm Kitô giáo”.

4- Lời kinh cho tương lai thế giới

Lạy Cha,

Thế giới ngày mai làm chúng con hoảng sợ.

Chúng con đã mất niềm tin vào chính mình. Chúng con không còn tin vào tiến bộ vô tận đã từng cho rằng có thể bảo đảm hạnh phúc. Chúng con không còn tin rằng khoa học có thể cứu độ nhân loại.

Chúng con không còn tin con người là cứu cánh tuyệt đối của chính mình, cũng không còn tin chết là hết chuyện.

Và chúng con cũng biết rằng, nếu mai đây một nhà máy nguyên tử như ở Tchernobyl vì vô ý hoặc vì bất cẩn mà nổ tung, hẳn sẽ là cú nổ tận diệt, sau đó, không còn ai sống sót để chôn liệm kẻ chết và kiểm điểm lại hư hao.

Lạy Cha,

Nếu con quay nhìn về Giáo-hội

đã tiếp nhận những lời hứa

của sự sống đời đời từ nơi Con Cha,

thì con thấy rõ những yếu hèn của chúng con, là Kitô-hữu kém cỏi và xa lạ với Chúa Kitô!

Đâu đâu con cũng nghe lời kêu mời tha thiết của các chủ chăn,

thúc giục lên đường rao truyền lại Phúc-âm,

trở thành Kitô-hữu trung thực của Cha,

ý thức những mệnh lệnh phát sinh từ Phép rửa.

Xin Cha giúp chúng con tìm lại

ngọn lửa nồng cháy của các Kitô-hữu đầu tiên, và sức mạnh của mùa truyền giáo tiên khởi,

bắt đầu vào một buổi sáng ngày Hiện xuống, tại Nhà-hội ở Giêrusalem, nơi các môn đệ

Chúa, hợp lòng cùng Maria cầu nguyện,

chờ lời Cha hứa được hoàn thành.

Xin ban cho chúng con ơn canh tân

“trong Chúa Thánh Thần và trong lửa”;

Dạy chúng con nói với thế giới bằng lưỡi lửa,

và chấm dứt thời Kitô hữu ngại ngùng hay câm nín, cứ bàn đi, bàn lại những vấn đề hôm nay,

với tâm hồn hoang mang, khắc khoải

như xưa kia trên đường từ Giêrusalem đến Êmmau mà không hay biết

Thầy đã sống lại và hằng sống muôn đời.

Lạy Cha,

Xin mở rộng lòng chúng con

đón Thánh Thần của Cha,

xin dạy chúng con đợi Ngài,

*như Maria trong lúc Truyền tin,
và trong Ngày Hiện xuống,
khai sinh ra Giáo-hội;
Xin chỉ dạy các thế hệ tương lai
biết Chúa Giêsu Kitô, con Chúa,
là Đấng cứu chuộc thế gian
trong tất cả các thế kỷ tương lai muôn đời.*

*Xin giúp chúng con tuyên dương,
thật to, thật mạnh,
“Ngài là Đường, là Sự-thật, là Sự-sống”:
Con Đường dẫn đến cứu cánh tối hậu,
Sự Thật là mây hồng
dẫn lối khách dạ hành,
Sự Sống là niềm an lành sâu kín,
sự thanh thần linh thiêng,
và nguồn vui bất tận
không có tạo vật nào có thể phá hủy.*

*Cuối cùng xin cho môn đệ Cha
vào thêm đệ tam thiên niên này
biết nhanh chóng vâng phục
lệnh Thầy đã truyền :
là sống hiệp thông với Chúa Cha, Chúa Con
và Chúa Thánh Thần.
Và xin cho họ cùng nhau tiến gần đến Chúa,
để múc lấy ánh sáng của Ngài,
xoá đi những u tối buồn phiền trên khuôn mặt.
Và xin cho xã hội nhận biết
Chúa Giêsu Kitô sống giữa con cái thế gian,
từ bây giờ và mãi mãi.*

5- Lời kinh hy vọng

Kitô-hữu là người của hy vọng, vì biết mình từ đâu mà đến và đang đi về đâu. Người ấy biết mình đến từ Thiên Chúa và trở về với Ngài để mãi mãi ngập chìm trong Sự Sống, đó là Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, hiệp thông với các thiên thần, các thánh và Maria là Nữ Vương. Người ấy biết mình được Chúa mời bước vào một thế giới mới “*mà mắt chưa hề thấy, tai chưa từng nghe, tâm hồn con người chưa từng cảm được, nhưng Thiên Chúa lại dọn sẵn cho những kẻ yêu mến Ngài*” (1 Co. 2, 9); một thế giới vượt lên trên mọi ước vọng của con người. Ước chi mỗi một người trong chúng ta, lúc lia trần có thể hân hoan, cảm tạ hát lên bài đáp ca mà phụng vụ Mùa Vọng thường giúp ta đọc nhiều lần:

*Ôi Sự Khôn Ngoan thấm nhập đời con
từ thuở mới sinh đến giờ lâm tử,
hướng dẫn con từng bước đường đi,
gần gũi bên con trong từng chi tiết,*

*nâng đỡ đời con đến phút cuối cùng
với cả đôi bàn tay uy dũng,
với lòng yêu thương trìu mến ân cần.*

Phụ đính

Cam kết dẫn thân sống Phúc-âm

Ai muốn đáp ứng đầy đủ hơn nữa ơn gọi Kitô hữu, trong mọi thời đại, đều được mời gọi thực hiện cam kết dẫn thân này:

“Anh em hãy đi khắp tứ phương thiên hạ,

loan báo Tin-mừng cho mọi loài thọ tạo”
(Mc. 16, 15).

Mỗi Kitô hữu, do phép rửa của mình, đều được mời gọi làm nhân chứng của Chúa Kitô, mọi nơi, mọi lúc; được mời gọi để chuyển lời kinh của mình thành việc làm cụ thể, để Tin-Mừng đi sâu vào tâm hồn mọi người và linh hoạt cuộc sống trần thế:

***“Thầy đã đến ném lửa vào mặt đất,
và Thầy những ước mong phải chi lửa ấy
bùng cháy lên”*** (Lc. 12, 49).

Ánh sáng Phúc-âm này, chúng ta phải công hiến cho con người để họ khám phá được Chúa Giêssu Kitô là ***Đường***, là ***Sự-thật*** và là ***Sự-sống***.

Cam kết dẫn thân sống Phúc-âm²² cô đọng sự đáp trả của chúng ta đối với lời mời gọi đó, mệnh lệnh đó.

Lạy Chúa Thánh Thần

Con ao ước cam kết dẫn thân

làm chứng nhân của Đức Kitô và tình yêu của
Chúa Cha,

nhưng con biết con yếu hèn và sợ hãi,

nên con tin tưởng phó thác vào Chúa

- để Chúa đổ đầy sức mạnh và quyền năng

Chúa trên con,

- để con can đảm rao truyền Phúc-âm bằng lời nói và việc làm, mọi nơi mọi lúc.

Xin thực hiện nơi con

một *Mùa Hiện Xuống* mới như xưa Ngày Hiện
Xuống

- đã biến đổi các môn đệ thành tông đồ, tại
Phòng Cao ở Giêrusalem.

- Cùng với Maria Mẹ Thiên Chúa và Mẹ
Giáo-hội mới khai sinh, họ khẩn cầu,

- họ chờ đợi Chúa đến khai nguyên mùa đầu
tiên rao giảng Phúc-âm.

Xin khai mở cho con biết

bí quyết hiệp thông với Mẹ Maria để

- cùng với Mẹ, con tiếp nhận trọn đầy ơn

Hiện Xuống đổ trên con, và

- cùng với Mẹ con có thể đứng dưới chân

²² Cam kết dẫn thân sống Phúc âm này đã được hội FIAT in thành tập nhỏ để phổ biến

Thánh giá, chấp nhận trong yêu thương, khổ đau cứu chuộc làm trung tâm điểm cho cuộc sống tông đồ.

Xin cho con

- được hô hấp nhờ Lời Chúa trong phụng vụ mỗi ngày,
- được nuôi dưỡng bằng Thánh-thể thường xuyên,
- được chữa lành qua bí tích hòa giải.

Xin ban cho con

một đức tin sống động để chuyển cho *lời kinh con thành việc làm cụ thể*:

- sẵn sàng phục vụ,
- thực hiện tình thương yêu anh em,
- mở miệng nói lời khôn ngoan nhờ Chúa hứng khởi, trong cuộc sống gia đình, nghề nghiệp và xã hội, để con có thể can đảm, kiên trì loan báo cho thế giới biết Chúa Giêsu Kitô, là Chúa và Đấng cứu độ.

Xin ban cho con

- một đức tin vững mạnh như đá tảng, thúc đẩy con khởi xướng và hoàn thành một cách trung kiên, một lối sinh hoạt tông đồ quyết tâm và đều đặn,
- một đức tin như ngọn đuốc trên tay có thể chiếu soi thế giới đang tối tăm vì tội lỗi.

Xin cho con

- sống hiệp thông với anh chị em con, thường xuyên họp nhau thành từng nhóm sống Phúc-âm, - để giúp nhau phát triển và đào sâu cuộc sống siêu nhiên và tông đồ,
- để cổ súy hoặc hỗ trợ mọi sáng kiến xây dựng Nước Chúa và phục vụ con người.

Xin dạy con

sống hiệp nhất và tin tưởng vào các mục tử Giáo-hội :

- Đức Thánh cha,
- Các giám-mục
- Các linh mục

để cùng họ con chu toàn phần trách nhiệm của con trong công cuộc truyền bá Phúc-âm mới mẻ.

Xin dạy con

nơi trần thế này biết sống một đức tin canh tân, linh hoạt, hiệp thông với Giáo-hội khai hoàn trên trời:

- các thiên thần bao bọc, bênh đỡ chúng con.
- các thánh thúc giục con tiến bước theo gương họ
- các người đã qua đời, đang gần gũi chúng con hơn lúc nào hết, để hoàn thành đời con như chu toàn xong sứ mệnh của mình, trong hân hoan và vinh quang của Chúa Ba Ngôi rất thánh. Amen.

- Thánh Giuse che chở Thánh gia,
xin bảo vệ chúng con.
- Thánh Micae tổng lãnh thiên thần,

xin cứu chúng con khỏi quyền năng sự dữ.
- Các thiên thần và các thánh,
cầu cho chúng con.
**Nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa
Thánh Thần. A-men**